



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Tiếp Nguồn **NĂNG LƯỢNG SẠCH**
Vun Đầy **TRÁCH NHIỆM XANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

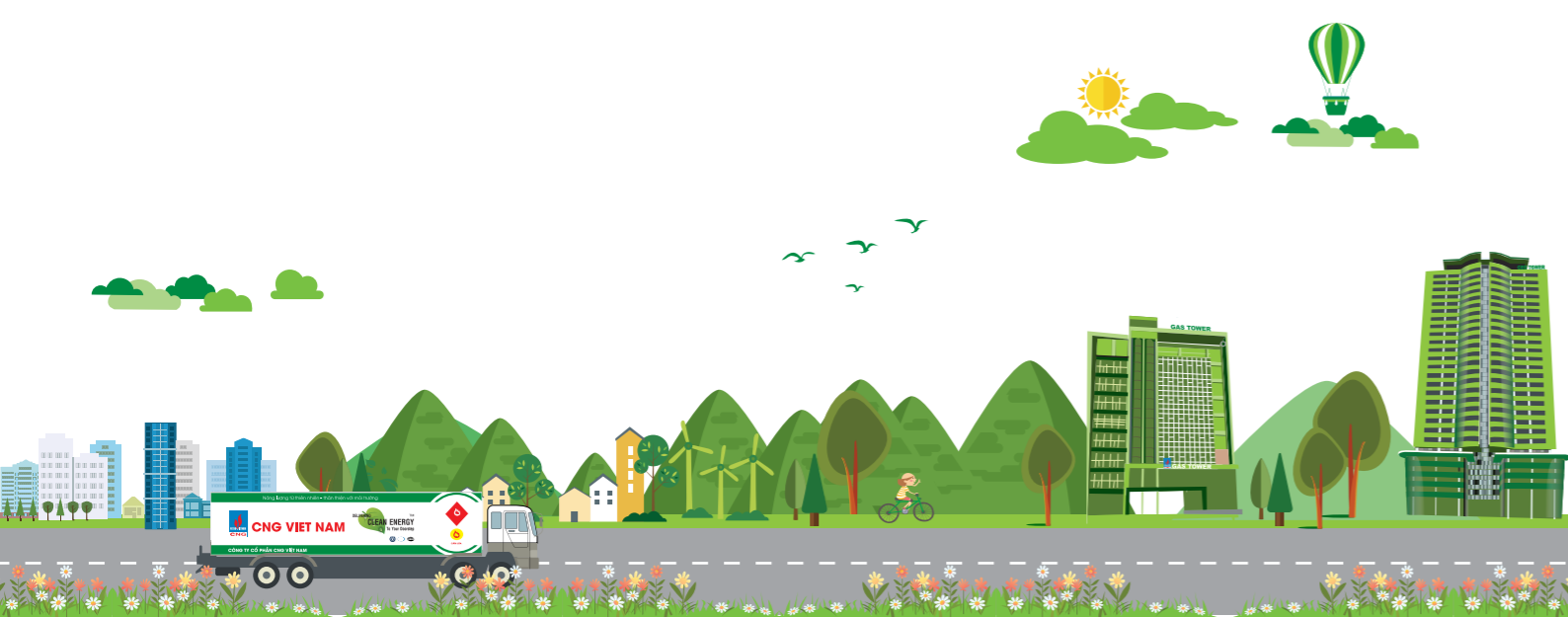
[📍] : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

[☎] : (064) 3574635

[📠] : (064) 3574619

[🌐] : www.cng-vietnam.com

2016
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



abc DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ATCLMT	: An toàn – Chất lượng – Môi trường
Ban GD / GD	: Ban Giám đốc / Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ Công nhân viên
CNG	: Khí nén thiên nhiên (Compressed Natural Gas)
CNG Việt Nam / Công ty	: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
ĐHCD / ĐHĐCD	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
ISO	: Tiêu chuẩn ISO
KCN	: Khu Công nghiệp
LNG	: Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas)
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
LPG	: Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas)
OHSAS	: Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn
PRU	: Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit)
PVGas / Tổng Công ty	: Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
PVGas North	: CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc
PVGas South	: CTCP Kinh doanh Khí miền Nam
PVGas-D	: CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
PVN / Tập đoàn	: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam)
TÚLĐTT	: Thỏa ước Lao động Tập thể
UCKC	: Ứng cứu khẩn cấp

05	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	78	BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC VÀ PHÂN TÍCH CHI TIẾT HĐKD 2016
07	THƯ NGỎ CỦA GIÁM ĐỐC	79	Năm 2016 qua những con số
08	CNG VIỆT NAM VÀ CÁCH THỨC TẠO GIÁ TRỊ	81	Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2016
09	Tổng quan về CNG Việt Nam	83	Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2016
10	Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	85	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
11	Mục tiêu và Định hướng phát triển	86	Phân tích tình hình tài chính
14	Chặng đường phát triển và Thành tựu nổi bật	96	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
17	Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ	97	Thông tin chung
18	Ngành nghề kinh doanh và Khách hàng tiêu biểu	98	Các bên liên quan quan trọng và lĩnh vực báo cáo
19	CNG – Nhiên liệu mang giá trị Xanh	100	An toàn trong Sản xuất, vận chuyển và phục vụ khách hàng
22	Mô hình tạo giá trị và Các nguồn lực chính	104	Ưu đãi Nguồn nhân lực
31	Sức mạnh cạnh tranh cốt lõi	110	Trách nhiệm với Môi trường
35	BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	118	Đóng góp kinh tế
36	Bối cảnh vĩ mô và Môi trường kinh doanh năm 2016	119	Trách nhiệm với Cộng đồng
39	Triển vọng thị trường năm 2017 và Chiến lược kinh doanh	123	BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)
44	Định hướng giải pháp kinh doanh năm 2017	124	Báo cáo của Ban Giám đốc
46	Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017	126	Báo cáo kiểm toán độc lập
47	QUẢN TRỊ CÔNG TY	128	Bảng cân đối kế toán
48	Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý	130	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
52	Giới thiệu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	131	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
59	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	132	Thuyết minh báo cáo tài chính
66	Báo cáo của Ban Kiểm soát		
69	Giao dịch, Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGĐ và Kế toán trưởng		
69	Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư		
70	Quản trị rủi ro		



Kính thưa Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể CBCNV,

Năm 2016 chứng kiến nhiều thay đổi trong cơ cấu tổ chức, điều hành của CNG Việt Nam. Cụ thể, thực hiện chương trình tái cơ cấu theo chỉ đạo của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) và Tập đoàn, CNG Việt Nam đã chính thức trở thành công ty con của PVGas kể từ tháng 3/2016.

CNG Việt Nam, sau đó, đã sắp xếp lại cơ cấu bộ máy để tuân thủ theo mô hình hoạt động của Tổng Công ty, dưới sự điều hành của tân Giám đốc Vũ Văn Thực kể từ ngày 07/04/2016.

Về bối cảnh kinh doanh, tuy có nhiều thông tin tích cực hỗ trợ nhưng giá dầu trong năm 2016 chỉ dao động trong khoảng từ 40-50 USD/thùng. Đáng quan tâm hơn, giá dầu có xu hướng biến động ngày càng phức tạp, khiến việc hoạch định kế hoạch và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp không ít trở ngại.

Ban lãnh đạo nhận thức rõ khó khăn và thách thức mà Công ty phải đối mặt, và đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong

★ LNST đạt 120,3 tỷ đồng, vượt 13,5% kế hoạch năm và tăng 1,3% so với 2015. EPS tương ứng đạt 3.900 đồng.

HĐQT trong năm 2016 đã tập trung vào các công tác Xây dựng chiến lược, Quản lý hiệu quả hoạt động, Giám sát hoạt động và Phòng ngừa rủi ro. Trong những năm tiếp

898,1 TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU
⬆️ **108,6% SO VỚI KẾ HOẠCH**

Chi tiêu chính	ĐVT	Năm 2016			Năm 2015	
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Sản lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm ³	110,0	119,6	108,7	94,3	126,8
Miền Nam	Triệu Sm ³	82,2	92,4	112,4	85,3	108,3
Miền Bắc	Triệu Sm ³	27,8	27,2	97,8	9,0	302,2
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	827,1	898,1	108,6	959	93,7
Tổng chi phí	Tỷ đồng	695,0	750,4	108,0	814	92,2
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	132,0	147,7	111,9	145	101,8
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	106,0	120,3	113,5	118,7	101,3

công tác điều hành cũng như hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động của Công ty, có chiến lược kinh doanh phù hợp định hướng.

Kết thúc năm tài chính 2016, Công ty đã đạt được một số thành quả đáng khích lệ:

- ★ Sản lượng khí tiêu thụ đạt 119,6 triệu Sm³, hoàn thành 108,7% kế hoạch năm.
- ★ Tổng doanh thu đạt 898,1 tỷ đồng, hoàn thành 108,6% kế hoạch năm.
- ★ LNST đạt 147,7 tỷ đồng, hoàn thành 111,9% kế hoạch năm và tăng 1,8% so với 2015.

theo, HĐQT sẽ tiếp tục sát cánh, đồng hành của Ban Giám đốc vượt qua những trở ngại của thị trường, tận dụng sức mạnh nội tại và lợi thế cạnh tranh để CNG Việt Nam bước lên những tầm cao mới.

Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào,

Vũ Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

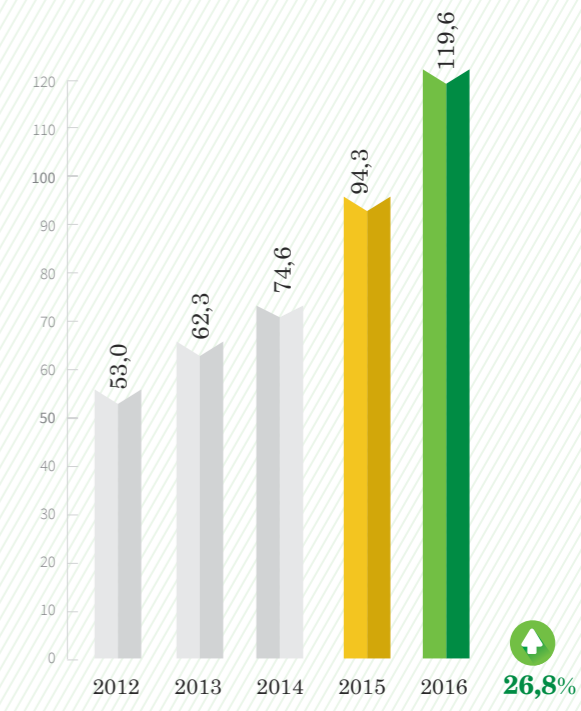


Kính thưa Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể CBCNV,

Vừa nhận nhiệm vụ Giám đốc Công ty từ tháng 4/2016, tôi đã nhanh chóng cảm nhận được sự đoàn kết, đồng thuận và quyết tâm rất cao của tập thể CBCNV trong công việc, và sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của PVGas, HĐQT trong công tác ổn định cơ cấu tổ chức, định hướng chiến lược cũng như điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhờ vậy, bất chấp nhiều biến động phức tạp trên thị trường dầu khí thế giới cũng như thị trường trong nước, CNG Việt Nam đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ trong năm 2016. Cụ thể:

- ★ Số lượng khách hàng đã tăng mạnh từ 41 lên 47.
- ★ Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 119,6 triệu Sm³, tăng 26,8% so với năm 2015 và hoàn thành 108,7% kế hoạch năm.
- ★ Doanh thu bán khí giảm nhưng LNST vẫn tăng trưởng 1,3% đạt 120,3 tỷ đồng, và hoàn thành 113,5% kế hoạch năm.
- ★ Vốn hóa thị trường của Công ty vượt mốc 1.000 tỷ đạt gần 1.102 tỷ đồng, và duy trì mức cổ tức tiền mặt ở mức cao 30%.
- ★ Chế độ phúc lợi cho người lao động được duy trì ổn định.
- ★ Hoạt động phát triển bền vững tiếp tục được nâng cao.



SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (Triệu Sm³)

**47 KHÁCH HÀNG
SO VỚI 41 KHÁCH HÀNG
TRONG NĂM 2015**

Trong năm 2017, tình hình kinh tế thế giới và trong nước dự báo sẽ tiếp tục có nhiều biến động phức tạp gây khó khăn cho công tác dự báo, điều hành. Trong khi đó, giá nhiên liệu trên thị trường có thể sẽ vẫn giữ ở mức thấp, và giá khí đầu vào của Công ty sẽ được điều chỉnh tăng.

Ban Giám đốc đánh giá cao tinh thần đoàn kết, sự nỗ lực của các phòng, các chi nhánh và toàn thể CBCNV trong năm 2016. Nhiệm vụ năm 2017 và các năm tiếp theo rất nặng nề, còn nhiều khó khăn và phức tạp. Vì vậy, Ban Giám đốc kêu gọi toàn thể CBCNV giữ vững tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, phát huy tính sáng tạo, nhiệt huyết để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017, đồng thời từng bước hiện thực hóa các tầm nhìn dài hạn của Công ty.

Nhân dịp này, cho phép tôi thay mặt CNG Việt Nam, cảm ơn sự giúp đỡ, chỉ đạo sát sao của HĐQT, PVGas trong thời gian qua và hy vọng sẽ nhận được nhiều hỗ trợ hơn nữa trong thời gian tới.

Trân trọng,

Vũ Văn Thục
Giám đốc

01

CNG VIỆT NAM VÀ CÁCH THỨC TẠO GIÁ TRỊ

- 09 Tổng quan về CNG Việt Nam
- 10 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 11 Mục tiêu và Định hướng phát triển
- 14 Chặng đường phát triển và Thành tựu nổi bật
- 17 Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ
- 18 Ngành nghề kinh doanh và Khách hàng tiêu biểu
- 19 CNG – Nhiên liệu mang giá trị Xanh
- 22 Mô hình tạo giá trị và Các nguồn lực chính
- 31 Sức mạnh cạnh tranh cốt lõi



Xanh - Sạch
ĐỂ TẠO GIÁ TRỊ

TỔNG QUAN VỀ CNG VIỆT NAM



Tên giao dịch : Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
Tên tiếng Anh : CNG Vietnam Joint Stock Company
Tên viết tắt : CNG VIETNAM
Mã cổ phiếu : **CNG**
Logo Công ty



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 492032000040 (đăng ký lần đầu ngày 28/05/ 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/09/2016 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : **270.000.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)
Trụ sở chính : Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
VP giao dịch : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu.
Số điện thoại : (064) 3574635
Số fax : (064) 3574619
Website : www.cng-vietnam.com





TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.



SỨ MỆNH

Tạo dựng niềm tin cho khách hàng trong việc sử dụng nhiên liệu CNG, LNG sạch, an toàn, hiệu quả. Từ đó, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI Công ty cam kết xây dựng các giá trị:



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- 1 Xây dựng CNG Việt Nam trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- 2 Phát triển CNG Việt Nam theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.
- 3 Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

1. Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp:

- ★ Xây dựng chiến lược Marketing ngắn hạn và dài hạn phù hợp với lộ trình phát triển nhằm quảng bá sâu rộng thương hiệu CNG Việt Nam. Từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng quảng cáo, xúc tiến bán hàng.
- ★ Tiếp thị và mở rộng thị trường kinh doanh trên toàn quốc. Xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

2. Nâng cao năng lực cung ứng:

- ★ Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn khí tại nhà máy CNG Phú Mỹ để phát triển thị trường CNG.
- ★ Nghiên cứu xây dựng các trạm nén khác tại các khu vực có nguồn khí như Nhơn Trạch – Đồng Nai, Thái Bình theo lộ trình phát triển mạng lưới khí quốc gia.
- ★ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LNG qui mô nhỏ (30 triệu Nm3/năm) và đưa vào hoạt động.

3. Đầu tư mở rộng Chi nhánh Phú Mỹ.

4. Nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng:

- ★ Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, hoạch định chiến lược nhân sự để tổ chức tuyển dụng, đào tạo theo lộ trình hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng của Công ty trong từng thời kỳ. Đặc biệt chú ý về lĩnh vực Marketing và nghiên cứu phát triển.
- ★ Nhanh chóng triển khai tự động hóa, điện tử hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, giám sát chặt các khâu, các lĩnh vực quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu và nhân công, tăng cường năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ★ Liên doanh, liên kết với các đối tác có uy tín để nghiên cứu, lựa chọn, áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và ưu việt trong các lĩnh vực hoạt động.

5. Xây dựng kế hoạch hình thành và phát triển đơn vị dịch vụ với:

- ★ Trang thiết bị bao gồm nhà xưởng và thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại.
- ★ Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, chuyên nghiệp.
- ★ Phát triển hệ thống vận chuyển chuyên nghiệp, cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- ★ Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, tiếp thị về CNG/LNG.
- ★ Quan hệ khách hàng tốt, tạo được niềm tin của khách hàng.
- ★ Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, quản lý sử dụng CNG/LNG trong sản xuất.
- ★ Áp dụng mức giá bán thâm nhập linh hoạt đối với từng thị trường, từng thời điểm.
- ★ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ các quy định Nhà nước về bảo vệ môi trường



Sử dụng Công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường



Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn

“BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG”

CNG VIỆT NAM LUÔN NHẬN THỨC ĐƯỢC TẦM QUAN TRỌNG VÀ CHỦ TRỌNG ĐẾN VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

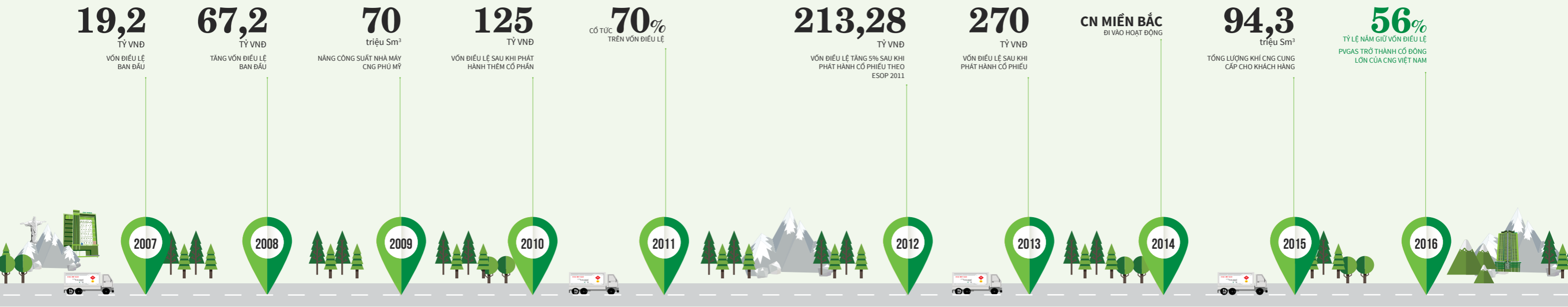
CNG Việt Nam là công-ty đầu tiên hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh khí nén thiên nhiên (CNG), luôn nhận thức được tầm quan trọng và chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng:

- Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường;
- Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.





CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU NỔI BẬT



Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- ★ Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí – Công ty Cổ phần (DMC): 51% vốn điều lệ;
- ★ Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và
- ★ Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67,2 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PVGas-D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm³.

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, căn bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHĐCĐ/2010 của ĐHĐCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 1400:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm³, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM chấp thuận việc đăng ký niêm yết cổ phiếu CNG trên sàn giao dịch do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp.

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213,28 tỷ đồng.

Ngày 25/9/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213,28 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Năm 2013, CNG Việt Nam trả cổ tức tiền mặt tổng cộng 30% trên Vốn điều lệ.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm³, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 4/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

Ngày 14/3/2016, PVGas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ nắm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PVGas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PVGas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3



BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BẰNG KHEN ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TRAO TẶNG (NĂM 2011)
BẰNG KHEN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
BẰNG KHEN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TỪ NĂM 2010 – 2015

TOP 50 DOANH NGHIỆP KINH DOANH
HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2012

TOP 50 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG
MẠNH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2013

TOP 50 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2011, 2012, 2015

TOP 20 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2013

TOP 15 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2014



TOP 100 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG NĂM 2016

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Năm	Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ VNĐ)	Hình thức tăng vốn
2007	19,2	-	19,2	
2008	19,2	48	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu
2012	203,1	10,2	213,3	ESOP cho CBCNV
2013	213,3	56,7	270,0	ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần : 27.000.000 cp
Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : Không
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 27.000.000 cp

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài

Chi tiêu	Trong nước (cổ phần)	Nước ngoài (cổ phần)	Tổng (cổ phần)
Cá nhân	3.405.317	172.722	3.578.039
Tổ chức	16.297.414	7.124.547	23.421.961
Tổng	19.702.731	7.297.269	27.000.000

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

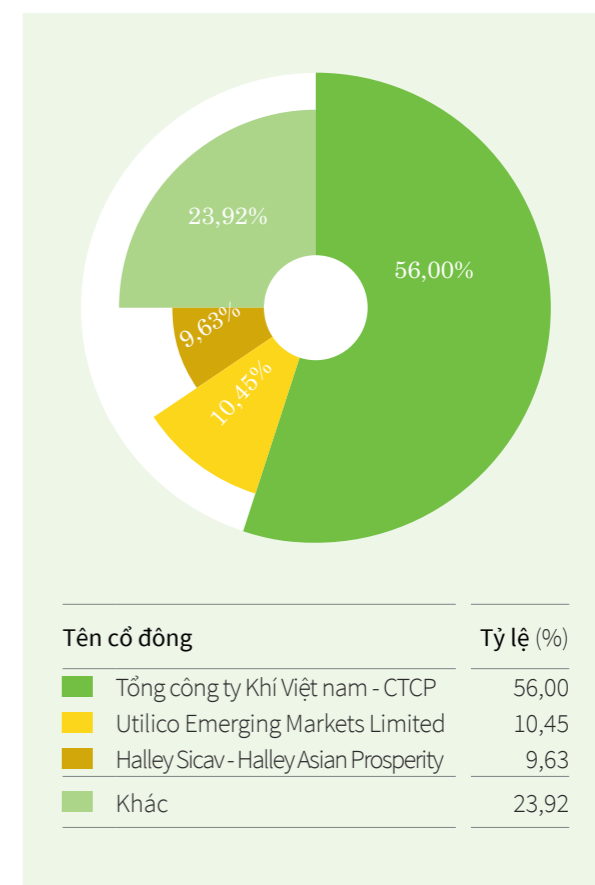
Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần (cổ phần)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56,00	15.120.000
Utilico Emerging Markets Limited	10,45	2.820.000
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	9,63	2.600.940
Tổng	76,08	20.540.940

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2016 là 270.000.000.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

Phân loại theo cổ đông nhỏ (dưới 5%):

Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần (cổ phần)
Khác	23,92	6.459.060
Tổng	23,92	6.459.060





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Sản xuất, chiết nạp và kinh doanh khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.

Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.

Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật.

Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí.

Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác, bao gồm: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM, Long An, Bình Thuận.

Khu vực phía Bắc bao gồm: Hà Nội, Ninh Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa,

Công ty đang nghiên cứu tiếp tục mở rộng thị trường, địa bàn hoạt động kinh doanh miền Bắc và các khu vực khác theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Khí Việt Nam.

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU



CNG - NHIÊN LIỆU MANG GIÁ TRỊ XANH

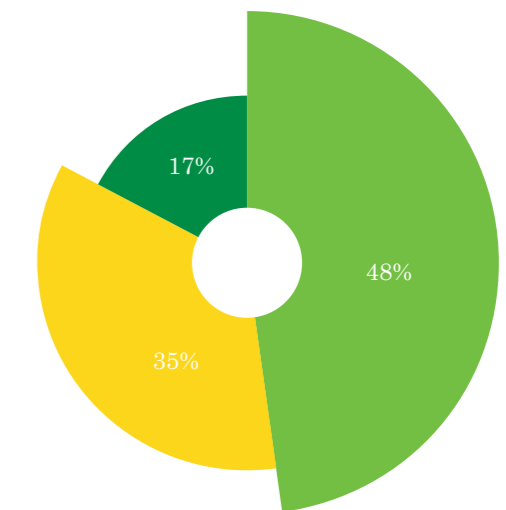


CNG Việt Nam là công ty khởi nguồn tiên phong trong sản xuất, phân phối CNG tại Việt Nam, cung cấp giải pháp nhiên liệu tiên tiến, giúp doanh nghiệp giảm chi phí, gia tăng hiệu quả vận hành máy móc, góp phần bảo vệ môi trường và an ninh năng lượng phục vụ nền kinh tế.



Cụ thể, sản phẩm khí CNG được CNG Việt Nam phân phối để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải. Trong đó, khách hàng thuộc hộ Sản xuất - Vật liệu xây dựng chiếm khoảng 48% sản lượng tiêu thụ, khách hàng thuộc hộ Thực phẩm chiếm hơn 35% sản lượng, các khách hàng khác chiếm khoảng 17% sản lượng tiêu thụ.

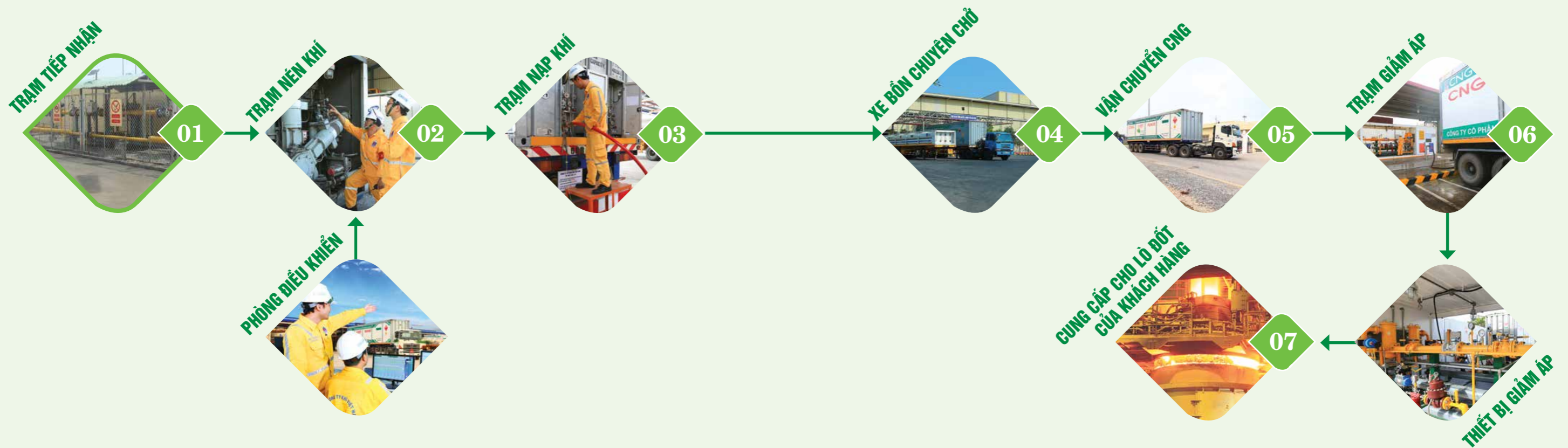
CNG Việt Nam hiện làm chủ công nghệ và vận hành các trạm máy nén, trạm nạp, phương tiện vận chuyển, bồn chứa, trạm giảm áp, tiếp khí đến tận khách hàng được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.



Khách hàng	Tỷ lệ
Hộ Sản xuất - Vật liệu Xây dựng	48%
Hộ Thực phẩm	35%
Khác	17%



QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CNG



1. TRẠM ĐO KHÍ TIẾP LIỆU

Khí thiên nhiên được lấy từ hệ thống khí thấp áp Phú Mỹ (PVGas-D), đi vào Nhà máy CNG qua hệ thống đường ống 6" với áp suất 22 barg, lưu lượng khí được kiểm soát qua hệ thống trạm đo khí đầu vào.

Hệ thống đo được thiết kế tự động cập nhật thành phần khí, áp suất, nhiệt độ, hiển thị các giá trị tại chỗ và truyền số liệu về trung tâm (GDC) để tính khí giao nhận.

2. TRẠM MÁY NÉN

Từ trạm đo, khí được dẫn vào trạm máy nén CNG để nạp vào bồn chứa khí với công suất máy nén như sau:

- ★ Công suất của máy nén từ 2000 đến 2500 Sm³/h.
- ★ Đặc tính kỹ thuật:
 - Lưu lượng: 2000 đến 2500 Sm³/h;
 - Áp suất đầu vào: 14 – 22 barg;
 - Áp suất đầu ra: 200 đến 250 barg;
 - Nhiệt độ khí đầu vào: 10 - 40°C;
 - Công suất điện: ≤370 KW/h/máy.

Các máy nén được điều khiển bằng PLC và kiểm soát được các thông số vận hành như áp suất, nhiệt độ, rò rỉ khí gas, độ rung máy..., đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành máy.

Tại phòng điều khiển được lắp đặt hệ thống đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành Fire and Gas, các tín hiệu của hệ thống (dò khí, dò lửa, dò khói, nhiệt ...) sẽ được kiểm soát và gửi tín hiệu về hệ thống điều khiển để đóng ngắt các thiết bị khi xảy ra sự cố (shutdown van, dừng máy nén, kích hoạt còi, đèn báo động, ...).

Các máy nén và hệ thống điều khiển được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

3. TRẠM NẠP

Tại trạm nạp, khí được các máy nén nạp vào các xe bồn chuyên dụng (composite, thép) chứa khí để vận chuyển đến khách hàng với thể tích các bồn như sau:

4. BỒN CHỨA CNG

- ★ Bồn chứa CNG loại composite 20ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 17m³; Áp suất làm việc 250 barg.
- ★ Bồn chứa CNG loại composite 40ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 34m³; Áp suất làm việc 250 barg.
- ★ Bồn chứa CNG loại thép 40ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 18m³; Áp suất làm việc 200 barg.
- ★ Các thiết bị được định kỳ kiểm định, đảm bảo an toàn cho công tác vận chuyển.

5. XE BỒN CHUYÊN CHỞ CNG

Các xe chuyên chở khí tuân thủ nghiêm ngặt về quy định vận chuyển hàng nguy hiểm, cháy nổ. Thiết bị được đăng kiểm, kiểm định kịp thời đáp ứng yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ cho các thiết bị chuyên chở và bồn chứa.

6. TRẠM GIẢM ÁP TẠI KHÁCH HÀNG

Xe bồn vận chuyển khí đến trạm giảm áp tại khách hàng (PRU), từ đây khí được đưa từ xe bồn ở áp suất từ 200 đến 250 barg đi qua hệ thống PRU, giảm áp qua 2 giai đoạn (giai đoạn 1 giảm áp xuống 60 barg, giai đoạn 2 giảm áp xuống 2-7 barg) để cung cấp khí cho khách hàng theo yêu cầu.

Hệ thống PRU được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, hệ thống được điều khiển bằng PLC, kiểm soát sự cố, rò rỉ khí bằng các van đóng khẩn cấp (SDV), van an toàn, đầu dò khí, kiểm soát khí giao nhận bằng hệ thống đo đếm khí và các thiết bị được kiểm định đúng định kỳ hàng năm.

7. HỆ THỐNG TIẾP NHẬN KHÍ CỦA KHÁCH HÀNG

Tại các khách hàng được đầu tư hệ thống tiếp nhận khí CNG, có áp suất đầu vào từ 2-4 barg



NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN

Môi trường là nơi cung cấp các yếu tố đầu vào cơ bản cho hoạt động sản xuất. Đối với CNG Việt Nam, môi trường là nơi cung cấp không gian hoạt động, nguồn khí đầu vào cho hoạt động kinh doanh, điện, nước, các nhiên liệu như xăng, dầu... các yếu tố quan trọng để đảm bảo hoạt động sản xuất và phân phối CNG.

TÁC ĐỘNG TỪ NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN LÊN CÁC NGUỒN LỰC KHÁC

Hoạt động sản xuất của CNG Việt Nam có những tác động tiêu cực lên nguồn lực tự nhiên và điều này cũng sẽ ảnh hưởng gián tiếp lên các nguồn lực khác như nguồn nhân lực, hay cộng đồng và xã hội.

Tuy nhiên, thông qua hoạt động sản xuất thì các nguồn lực tự nhiên được chuyển đổi thành các sản phẩm mới (CNG) mang lại giá trị cao hơn, từ đó có thể tác động tích cực ngược lại các nguồn lực khác

SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN TRONG NĂM 2016

Tên vật tư	ĐVT	Năm 2016		Năm 2015	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Dầu Diesel 0.05	lít	641.248	6.713.526.454	650.893	8.771.782.557
Nhớt PLC Komart	lít	4.104	219.144.546	8.155	548.411.169
Xăng Mogas A92	lít	75.000	1.057.382.177	94.690	1.534.910.408
Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3	Kwh	8.288.375	12.899.093.097	7.264.140	11.305.089.631
Nước sinh hoạt	m3	8.945	86.254.302	9.117	87.914.250





NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN (tiếp theo)

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN

- ★ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ★ Nâng cấp thống quản lý an toàn để đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Kiểm soát năng lượng theo TCVN ISO 50001, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và các tác động môi trường.
- ★ Tăng nhận thức của nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm lãng phí; đưa văn hóa tiết kiệm trở thành văn hóa của doanh nghiệp.
- ★ Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tài sản cố định bài bản, công nghệ tiên tiến, an toàn nhằm tăng hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa việc sử dụng nhiên liệu.



NGUỒN NHÂN LỰC

Trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm, năng suất của người lao động là những yếu tố quan trọng giúp đảm bảo hoạt động sản xuất an toàn hiệu quả và là nguồn lực quan trọng giúp tạo sự khác biệt, gia tăng khả năng cạnh tranh của CNG Việt Nam trên thị trường và góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Do đó, CNG Việt Nam luôn đảm bảo cung cấp môi trường làm việc lành mạnh, an toàn, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chú trọng trong việc phát triển năng lực của nhân viên thông qua các khóa đào tạo, từ đó, giúp gia tăng sự hài lòng của nhân viên, tạo động lực để nhân viên gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

TÁC ĐỘNG CỦA NGUỒN NHÂN LỰC ĐẾN CÁC NGUỒN LỰC KHÁC

Nguồn nhân lực của CNG Việt Nam tiếp tục được đầu tư mạnh mẽ trong các năm gần đây. Năm 2016, tổng số CBCNV đã tăng 5,7% so với năm 2015, tương ứng với 239 người. Điều này đã làm gia tăng chỉ phí hoạt động của Công ty và tác động lên nguồn lực tài chính trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, đổi lại:

- ★ Trong dài hạn, hoạt động đầu tư nguồn nhân lực giúp gia tăng quy mô hoạt động và hiệu quả sản xuất của Công ty.
- ★ Tuyển dụng thêm nguồn lao động cũng giúp tăng thêm mối quan hệ giữ CNG Việt Nam và cộng đồng - xã hội.



Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Số lượng người lao động	Người	226	239
Tổng giá trị tiền lương và thưởng chi trả	Tỷ đồng	57,6	60,7
Số lượng khóa đào tạo	Khóa	44	52
Số lượt người tham gia đào tạo	Lượt người	973	731
Chi phí cho công tác đào tạo	Tỷ đồng	2,18	3,34
Tai nạn lao động	Vụ	0	2
Mua bảo hiểm cho người lao động	%	100%	100%



NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

- ★ Nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường sang phiên bản mới 2015: ISO 9001:2015, ISO 14001-2015, OHSAS 18001:2007, nhằm đảm bảo tạo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn, giúp nâng cao hiệu quả làm việc cho CBCNV.
- ★ Tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho CBCNV, đặc biệt tập trung công tác đào tạo chuyên môn, tay nghề phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty, giúp đảm bảo sự vận hành an toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- ★ Duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng và gắn bó với Công ty, thông qua việc xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng công bằng và hiệu quả, cạnh tranh.
- ★ Xây dựng và bồi dưỡng khả năng lãnh đạo cho CBCNV, tạo đội ngũ kế thừa.



NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Quản trị nguồn lực tài chính hiệu quả là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược đầu tư nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty phân bổ nguồn lực tài chính một cách hợp lý thông qua các kênh đầu tư công nghệ, quy trình hoạt động sản xuất, con người và các nguồn lực tự nhiên. Công ty luôn cân nhắc đến mục tiêu sinh lời trên Vốn chủ sở hữu khi đưa ra các quyết định đầu tư. Bên cạnh việc tạo ra giá trị thông qua hoạt động kinh doanh, nguồn lực tài chính còn được tái đầu tư vào năm nguồn lực kinh doanh của Công ty một cách cân đối để đảm bảo tạo ra thành quả cho Công ty một cách hiệu quả nhất.



TÁC ĐỘNG TỪ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH LÊN CÁC NGUỒN LỰC KHÁC

Việc phân bổ nguồn lực tài chính giúp CNG Việt Nam duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời cũng tạo những tác động tích cực lên các nguồn lực khác như tài sản cố định, nguồn lực lao động, gia tăng mối quan hệ xã hội – cộng đồng và tạo tác động tích cực lên môi trường.

CÁC CHỈ TIÊU ĐẦU VÀO QUAN TRỌNG

- ★ Giá trị vốn hóa thị trường đạt 1.102 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2016.
- ★ Nguồn vốn chủ sở hữu: 464,6 tỷ đồng.
- ★ Nợ vay huy động cho các kế hoạch đầu tư vốn đạt 47 tỷ đồng.
- ★ Tổng giá trị vốn giải ngân năm 2016 đạt 32,65 tỷ đồng.



THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRÊN NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Lợi nhuận hoạt động	Tỷ đồng	146,2	150,1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	145,1	147,7
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	118,7	120,3
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	161,8	181,4
Tỷ lệ Nợ vay/ EBITDA	%	35%	22%
Đòn bẩy tài chính	Lần	1,55	1,50
EPS	Đồng	3.942	3.900
Thu nhập phân phối cho cổ đông	Tỷ đồng	81	81
ROIC	%	21,86%	22,55%



NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

- ★ Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch ứng phó linh hoạt trước những biến động trên thị trường dầu khí.
- ★ Tập trung vào sự phân bổ vốn tối ưu và duy trì tỷ suất sinh lợi trên vốn đầu tư cao hơn chi phí sử dụng vốn bình quân và tỷ suất sinh lời nội bộ tối thiểu.
- ★ Xem xét các lựa chọn tài trợ thay thế cho các khoản đầu tư tăng vốn, bao gồm tài trợ dự án, cho vay ngân hàng, trái phiếu công ty, trái phiếu dự án và trái phiếu doanh nghiệp.
- ★ Thực hiện đầy đủ các kế hoạch và rà soát các mục tiêu tiết kiệm chi phí và tiến mặt để đảm bảo hoạt động kinh doanh duy trì sự bền vững tại mức giá dầu 44USD/thùng.
- ★ Tận dụng các quy trình quản trị rủi ro được tăng cường để xác định các phương pháp đo lường khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh duy trì sự bền vững.
- ★ Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn kinh doanh phù hợp với các kế hoạch quản trị rủi ro biến động
- ★ Thực hiện các kịch bản kinh doanh tại mức giá dầu 30 USD/thùng nhằm xác định khả năng chịu đựng áp lực và thiết lập các kế hoạch dự phòng cho kịch bản giá dầu này.
- ★ Thực hiện các bài kiểm tra khả năng thanh khoản và khả năng thanh toán để xác định mức độ chịu đựng áp lực nợ vay của Công ty.

giá dầu và những ảnh hưởng từ việc giá dầu duy trì ở mức thấp trong thời gian dài đến môi trường kinh doanh của Công ty.

NGUỒN LỰC SẢN XUẤT & TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Để phục vụ chiến lược kinh doanh và không ngừng mở rộng thị trường, CNG Việt Nam đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tài sản cố định bài bản, công nghệ tiên tiến, an toàn, bao gồm:

- ★ Hệ thống máy móc thiết bị tại Chi nhánh CNG Phú Mỹ.
- ★ Trạm cấp khí trung tâm Mỹ Phước 3.
- ★ Hệ thống phương tiện vận chuyển khí chuyên dụng và hệ thống trạm giảm áp (PRU) đặt tại các khách hàng..

Để phục vụ cho mục tiêu trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại thị trường Việt Nam, công tác đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật vẫn được Công ty tập trung thực hiện.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của giá dầu duy trì ở mức thấp, Công ty đã điều chỉnh công tác giải ngân để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn cũng như tài sản cố định. Công tác sửa chữa – bảo dưỡng cũng được chú ý để đảm bảo khả năng vận hành ổn định, tối ưu hóa giá trị sử dụng tài sản cố định của Công ty

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Các chỉ tiêu	2015	2016
Tài sản cố định hữu hình (Tỷ đồng)	170,4	142,5
Nguyên giá	679,5	711,6
Giá trị hao mòn lũy kế	(509,1)	(569,1)
Tài sản cố định vô hình (Tỷ đồng)	0,4	0,15
Nguyên giá	1,0	1,0
Giá trị hao mòn lũy kế	(0,6)	(0,9)
Tài sản cố định dở dang	-	-

CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI CHI NHÁNH MIỀN BẮC:

Năm 2015, Công ty đầu tư trang thiết bị nhằm mở rộng thị trường, với trọng điểm là khu vực phía Bắc, nâng khả năng cung cấp cho khách hàng tại khu vực này lên 30 triệu Sm³ khí/năm.

CHI NHÁNH CNG PHÚ MỸ:

Đây là nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam, được đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

Đến nay, Nhà máy CNG Phú Mỹ đã được mở rộng công suất lên thành 95 triệu Sm³ khí/năm và luôn chạy với hiệu suất cao trên công suất thiết kế.

TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM MỸ PHƯỚC 3:

Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2015, là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

Đây là dự án hợp tác với giữa CNG Vietnam và Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV Becamex (IDC). Trạm cấp khí Mỹ Phước 3 sẽ cung cấp khí CNG bằng đường ống cho các khách hàng trong khu công nghiệp. Hiện nay, trạm đang cấp cho các khách hàng: Nhà máy Sản xuất Lốp xe Kumho, Nhà máy Thực phẩm Á Châu và Nhà máy Sản xuất Nhóm Washin Aluminum...

Cũng tại trạm trung tâm này, lần đầu tiên CNG Việt Nam lắp đặt hệ thống cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải và đang cung cấp khí CNG cho các xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch của Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu (Nhật Bản). Đây là mô hình thí điểm cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải, phục vụ lợi ích cộng

đồng, giảm ô nhiễm môi trường, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Công ty là đa dạng hoá cung cấp khách hàng.

HỆ THỐNG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN:

Bao gồm 07 xe đầu kéo hiệu Nissan, 35 bồn thép loại 40 feet (bao gồm cả rơmoóc), 31 bồn composite loại 40 feet và 4 bồn composite loại 20 feet. Tổng công suất vận chuyển tối đa của các thiết bị này là 95 triệu Sm³ khí/năm.

HỆ THỐNG TRẠM GIẢM ÁP ĐẶT TẠI KHÁCH HÀNG:

Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng bao gồm 18 hệ thống giảm áp (PRU) đang cấp khí cho khách hàng. Mỗi trạm giảm áp gồm có: hệ thống đường ống, các van giảm áp từ 250 bars xuống thấp hơn 7 bars, hệ thống đo đếm khí, hệ thống gia nhiệt và các thiết bị phụ trợ khác đi kèm nhằm đảm bảo các trạm này cấp khí an toàn và liên tục cho khách hàng.

Hệ thống các trạm được thiết kế theo tiêu chuẩn ASME B31.3, 31.8, API, ANSI, IEC, NFPA... Đối với các bồn chứa được thiết kế, chế tạo theo các tiêu chuẩn ISO 11439, ISO 11119, ASME (đối với bồn loại composite) và DOT, ASME...(đối với bồn thép).





NGUỒN LỰC SẢN XUẤT & TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẾN CÁC NGUỒN LỰC KHÁC

Để phục vụ cho mục tiêu phát triển của Công ty thì việc đầu tư tài sản cố định là cần thiết. Trong ngắn hạn, hoạt động đầu tư này sẽ ảnh hưởng đến hai nguồn lực là tài chính (sử dụng vốn đầu tư) và môi trường (gia tăng lượng khí thiên nhiên sử dụng, điện, nước, xăng, dầu...).

Tuy nhiên, CNG Việt Nam cam kết sẽ giảm thiểu tối đa tác động từ việc đầu tư mở rộng sản xuất tác động lên môi trường, cộng đồng – xã hội thông qua việc đầu tư các kỹ thuật công nghệ hiện đại nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn năng lượng, đồng thời gia tăng đóng góp cho cộng đồng – xã hội, đảm bảo sự phát triển bền vững, chấp nhận việc phải sử dụng thêm nguồn lực tài chính của Công ty.

NGUỒN LỰC XÃ HỘI & CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội, xây dựng niềm tin với các bên liên quan là một trong những yếu tố quan trọng giúp CNG Việt Nam phát triển bền vững.

Trong quá trình kinh doanh, hoạt động của Công ty luôn chủ động đáp ứng các lợi ích của các bên liên quan, xây dựng mối quan hệ tốt nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, phát triển thị trường. Công ty luôn chủ động ghi nhận lại các phản hồi từ các bên liên quan để có cải tiến chiến lược, hệ thống, quy trình nhằm xây dựng mối quan hệ lâu dài, gia tăng sự đóng góp cho cộng đồng – xã hội.



CÔNG TÁC XÂY DỰNG QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

- ★ Khuyến khích CBCNV tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và gắn kết với cộng đồng xã hội thông qua công tác xã hội như: hoạt động vệ sinh môi trường, thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, hộ nghèo và trẻ em nghèo hiếu học tại địa phương.
- ★ Nâng cao công tác quan hệ nhà đầu tư, nâng cao niềm tin của nhà đầu tư với Công ty.



- ★ Tuân thủ pháp luật, xây dựng mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý.
- ★ Xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, nhà cung cấp, tuân thủ và thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận, thường xuyên đối thoại để có những thay đổi cải tiến nâng cao hiệu quả hợp tác.

Tác động đến các nguồn lực khác

- ★ Đầu tư cho công tác xây dựng mối quan hệ với xã hội và các bên liên quan là yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của Công ty và tạo tác động tích cực lên nguồn lực tài chính. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, hoạt động này sẽ khiến nguồn lực tài chính giảm sút.

SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỐT LỖI, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CỦA CÔNG TY

Mục tiêu là xây dựng Công ty trở thành một công ty cổ phần mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch (CNG, LNG),

địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước, phát triển theo hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả và trở thành nhà cung cấp nhiên liệu chính cho các khu công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải.

CNG Việt Nam là công ty đi đầu trong ngành cung cấp khí thiên nhiên tại Việt Nam. Với vai trò tiên phong, Công ty đã khẳng định được vị thế hàng đầu của mình ở thị trường

Đông Nam bộ và đang mở rộng ra khu vực miền Bắc cũng như các thị trường khác trên cả nước.

Nhìn chung, Công ty có ưu thế vượt trội so với các doanh nghiệp kinh doanh nhiên liệu truyền thống, đặc biệt trong tương lai ưu thế này càng rõ hơn khi mà xu hướng phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi phải là sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, vì cộng đồng.

Cụ thể, Công ty đã xây dựng được vị thế của mình dựa trên:



SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỐT LÕI, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

SỨC MẠNH VỀ SẢN PHẨM

CNG Việt Nam có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... nhờ tính ưu việt của việc sử dụng khí CNG làm nhiên liệu thay thế. Tính ưu việt này thể hiện trên nhiều phương diện: công nghệ, kinh tế, tính an toàn và đặc biệt là về môi trường.

Về công nghệ

Hiệu suất cao – Tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị

- ★ CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ – metane (chiếm 85%-95%) qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) nên nhiệt trị cao, hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- ★ Khí tự nhiên chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- ★ Khí tự nhiên không độc hại, không gây ăn mòn thiết bị.
- ★ Sử dụng khí tự nhiên làm tăng tuổi thọ của hệ thống thiết bị: CNG là nhiên liệu sạch nên không có muội than đóng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giúp tăng tuổi thọ, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.



Về môi trường

Nhiên liệu sạch hàng đầu

- ★ Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x, NO_x, CO₂, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO₂, NO₂, CO..., và hầu như không phát sinh bụi.
- ★ Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H₂O và CO₂ và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, NO_x, HC, SO_x và muội than. Hàm lượng khí thải gần như bằng không, hàm lượng CO₂, CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.
- ★ Khí tự nhiên được tàng chứa trong hệ thống khép kín và không bị bay hơi ra không khí như xăng dầu, do đó không thải Hydrocarbon ra môi trường, không tạo ozon là nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính.



Về hiệu quả kinh tế

Tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống

Về An toàn

An toàn hơn trong vận hành sản xuất

- ★ Khí tự nhiên rẻ hơn nhiều so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện, nên việc sử dụng khí tự nhiên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.
- ★ Các trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.
- ★ Chất lượng sản phẩm được nâng cao cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và tính kinh tế của việc sử dụng nhiên liệu khí CNG



SỨC MẠNH CỦA NGUỒN NHÂN LỰC

Đội ngũ ban lãnh đạo, công nhân viên của Công ty đều là những cán bộ lâu năm của ngành Dầu khí với năng lực, kinh nghiệm và tâm huyết cao với ngành. Do đó, hệ thống tổ chức, nhân sự luôn gắn kết, hoạt động ổn định hướng tới mục tiêu chung của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng công tác đào tạo để nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân viên nhằm duy trì thế mạnh nhân sự của mình



SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỐT LÕI (tiếp theo)

SỨC MẠNH VỀ NGUỒN CUNG

Nguồn khí đầu vào của Công ty luôn được đảm bảo ổn định, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng. Hiện nguồn khí đầu vào của Công ty được cấp trực tiếp thông qua đường ống của PVGasD và Hệ thống thu gom khí và phân phối khí mở Hàm Rồng và mỏ Thái Bình.

SỨC MẠNH CỦA NGUỒN LỰC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH - CÔNG NGHỆ VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

- ★ Thiết bị và máy móc sản xuất hiện đại: CNG Việt Nam đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tài sản cố định bài bản, công nghệ tiên tiến, an toàn. Điều này giúp đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp, nâng cao năng suất, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn nhiên liệu.
- ★ Vị trí nhà máy, trung tâm cấp khí thuận lợi: Các nhà máy sản xuất, trạm cấp khí của Công ty được đặt tại các vị trí thuận lợi, gần các khu công nghiệp trọng điểm, phù hợp với đặc thù kinh doanh của khí CNG và LPG với phạm vi không quá 200km. Bên cạnh đó, vị trí thuận lợi càng phát huy tối đa lợi thế cơ động trong việc vận chuyển khí CNG, giúp đáp ứng nhanh chóng và tối đa nhu cầu khách hàng.
- ★ Hệ thống PRU trải rộng: Công ty đã đẩy mạnh đầu tư và lắp đặt 18 trạm PRU tại các khu công nghiệp. Với hệ thống trải rộng giúp Công ty có thể thu hút khách hàng tại các khu công nghiệp này và chiếm lĩnh thị trường. Bên cạnh đó, hệ thống phương tiện vận tải, bồn chứa cũng được Công ty tích cực đầu tư để đáp ứng đầy đủ và nhanh chóng yêu cầu vận chuyển cho nhiều vị trí khác nhau của khách hàng.



SỨC MẠNH TỪ SỰ GẮN KẾT CHẶT CHÈ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- ★ Với tinh thần phát triển bền vững, CNG Việt Nam luôn gắn kết sự phát triển và thịnh vượng của Công ty với sự phát triển và thịnh vượng của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động, Tổng Công ty, cơ quan quản lý, cộng đồng - xã hội.
- ★ Nhờ đó, CNG Việt Nam đã xây dựng được mối liên kết chặt chẽ với các bên liên quan, giúp môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty trở nên thuận lợi hơn.

02

BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 36 Bối cảnh vĩ mô và Môi trường kinh doanh năm 2016
- 39 Triển vọng thị trường năm 2017 và Chiến lược kinh doanh
- 44 Định hướng giải pháp kinh doanh năm 2017
- 46 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017



Sáng tạo
ĐỂ VƯỢT THỬ THÁCH



Năm 2016 đánh dấu một năm biến động khó lường từ thị trường thế giới. Sự kiện Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu, Fed nâng lãi suất lần thứ 2 cùng việc ông Donald Trump lên làm Tổng thống Mỹ đã gây ra nhiều ảnh hưởng lên nền kinh tế toàn cầu.

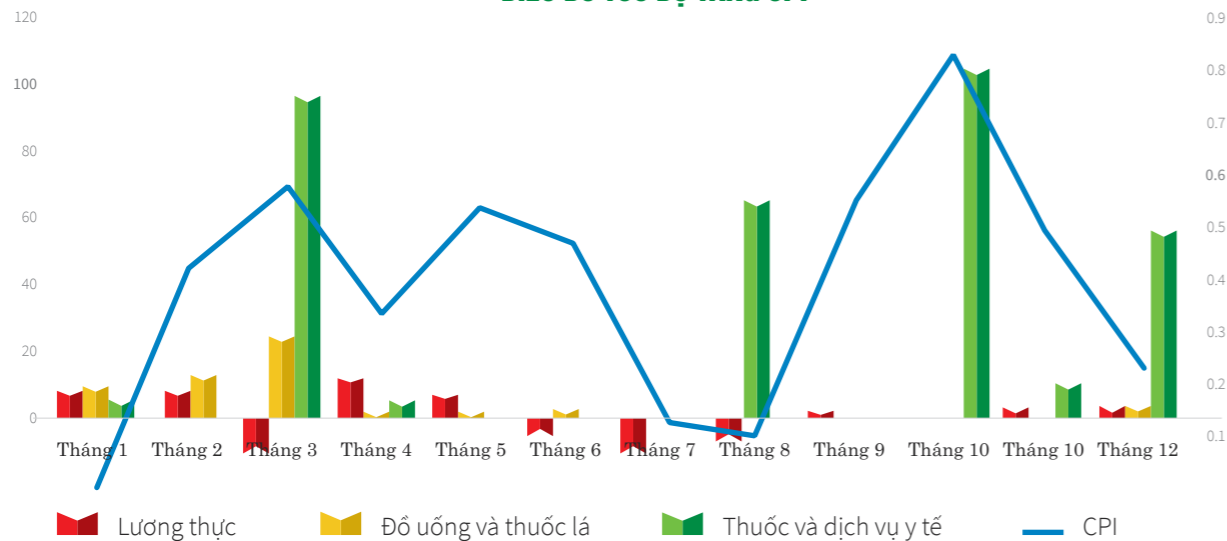
Với tốc độ hội nhập kinh tế ngày càng mạnh mẽ, nền kinh tế Việt Nam trong năm vừa qua cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực. Tuy vậy, những chính sách điều hành của Chính phủ đã giúp tình hình kinh tế trong nước duy trì sự ổn định.

NHỮNG THÀNH TỰU VỀ KINH TẾ

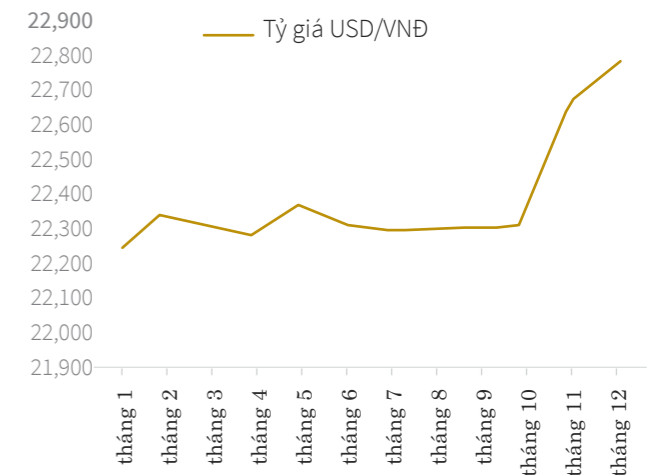
LẠM PHÁT DUY TRÌ Ở MỨC VỪA PHẢI. Với việc nhu cầu tiêu dùng nội địa chỉ phục hồi nhẹ trong năm 2016, tăng trưởng CPI đã đối diện với nhiều áp lực đến từ: (1) sự tăng giá của nhóm hàng hóa thiết yếu, (2) sự hồi phục của

giá dầu, cùng (3) sức ép tăng chi phí ngành Giáo dục và Dịch vụ y tế. Mặc dù vậy, Chính phủ vẫn cho thấy khả năng kiểm soát và đảm bảo mục tiêu lạm phát duy trì dưới 5% trong năm vừa qua.

BIỂU ĐỒ TỐC ĐỘ TĂNG CPI



THAY ĐỔI CƠ CHẾ TỶ GIÁ LINH HOẠT. Năm 2016 được ghi nhận là một năm khá ổn định của tỷ giá và thị trường ngoại hối. Tính chung cả năm vừa qua, VND giảm giá khoảng hơn 1,1% so với USD. Đây là mức giảm rất tích cực trong bối cảnh thị trường tiền tệ phải đối mặt với nhiều thử thách từ: (1) lộ trình tăng lãi suất của Fed, (2) đồng USD tăng giá đáng kể trên thị trường thế giới, và (3) yếu tố mùa vụ về cuối năm trước sự gia tăng của nhu cầu thanh toán.



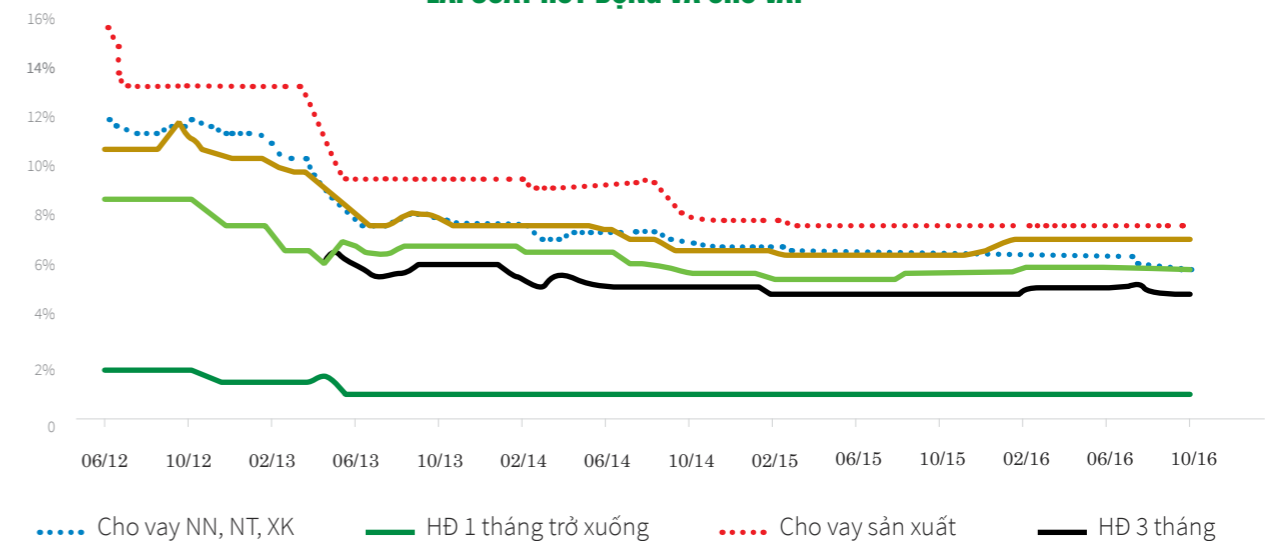
Nhằm giảm áp lực lên chính sách điều hành tỷ giá, năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã chính thức áp dụng cơ chế điều hành mới với tỷ giá trung tâm được điều chỉnh linh hoạt. Điều này sẽ giúp thị trường tiền tệ Việt Nam đứng vững trước những áp lực từ thị trường tài chính thế giới trong thời gian tới.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TĂNG NHẸ TRONG KHI LÃI SUẤT CHO VAY KHÁ ỔN ĐỊNH VÀ ÍT BIẾN ĐỘNG. Năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động có sự gia tăng nhẹ so với năm 2015, xuất phát từ: (1) sự gia

tăng nhu cầu huy động vốn khi tăng trưởng huy động vẫn thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng trong năm vừa qua, và (2) Thông tư 36 được điều chỉnh theo hướng thắt chặt hơn quy định vay vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn.

Dù lãi suất huy động tăng nhẹ nhưng lãi suất cho vay vẫn được duy trì khá ổn định. Theo đó, mặt bằng lãi suất cho vay ngắn hạn vẫn duy trì phổ biến ở mức 6%-7% và 9%-10% đối với lãi suất cho vay dài hạn.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY

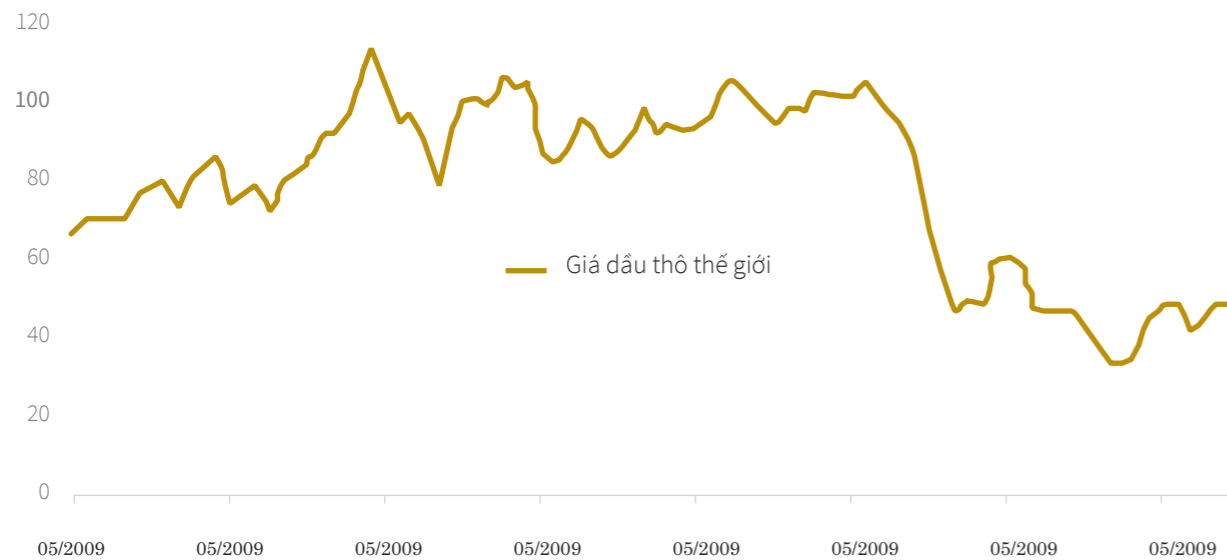




THÁCH THỨC TÁC ĐỘNG ĐẾN CNG VIỆT NAM

GIÁ DẦU HỒI PHỤC TRỞ LẠI NHƯNG VẤN DUY TRÌ Ở MỨC THẤP. Tiếp tục là năm đầy sóng gió của thị trường nhiên liệu, đặc biệt là thị trường dầu khí, giá dầu năm 2016 đã giảm mạnh ngay từ đầu năm trước sự trở lại của cường quốc dầu mỏ Iran sau khi lệnh cấm vận được dỡ bỏ. Trước diễn biến ngày càng bất lợi thì OPEC và các quốc gia dầu mỏ ngoài khối OPEC đã đạt được

sự đồng thuận trong việc cắt giảm sản lượng. Nhờ đó giá dầu đã diễn biến tích cực hơn trong nửa cuối năm 2016. Tuy nhiên, dù hồi phục nhưng giá dầu trong năm vừa qua nhìn chung vẫn thấp hơn mặt bằng giá dầu của năm 2015. Tại thị trường Mỹ, giá dầu WTI đạt trung bình 44,39 USD/thùng, vẫn còn khá thấp so với mức giá trung bình 49,1 USD/thùng của năm 2015..



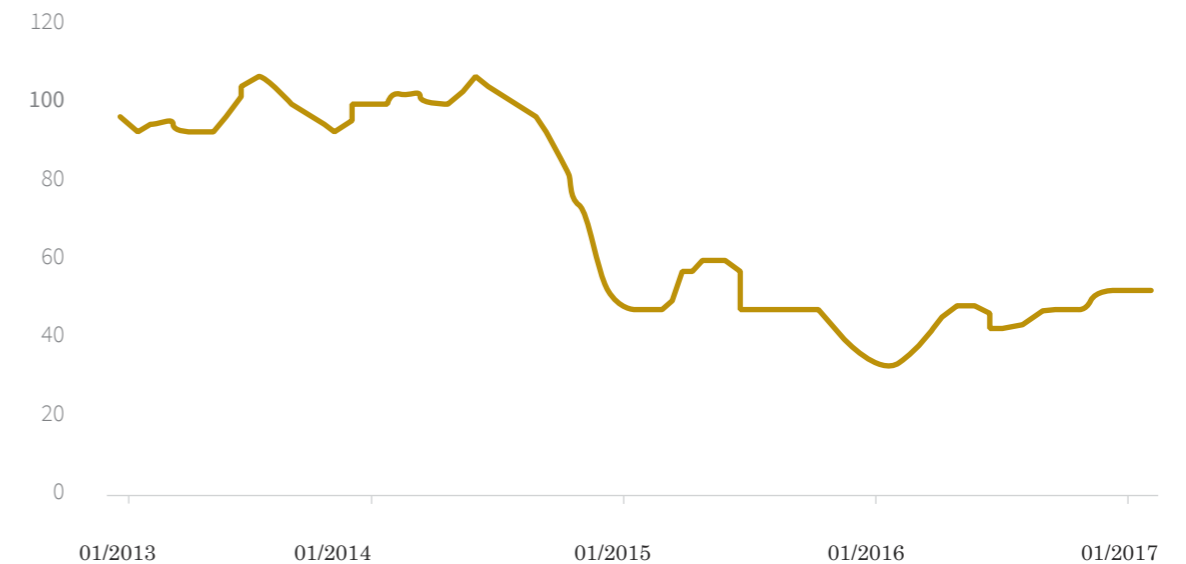
Triển vọng kinh tế toàn cầu được dự đoán vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn rủi ro khó lường trong năm 2017. Trong nước, những tín hiệu phục hồi được dự báo sẽ chuyển biến khả quan hơn trong năm 2017.

Tuy vậy, tốc độ phục hồi khó có thể diễn ra mạnh mẽ trước những rủi ro và thách thức vẫn còn hiện hữu. Ngân hàng Thế giới (World Bank) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2017 ở mức 6,3%, thấp hơn khá nhiều so với nhiều năm trở lại đây.

Trong bối cảnh đó, CTCP CNG Việt Nam nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của mình như sau:

BIẾN ĐỘNG GIÁ NHIÊN LIỆU

Giá dầu được kỳ vọng sẽ tiếp tục hồi phục trong năm 2017. Giá dầu thế giới đã ghi nhận sự hồi phục khá tốt trong năm 2016. Theo IEA, mức độ tuân thủ thỏa thuận cắt giảm lượng của OPEC đạt mức 90% trong tháng 01/2017. Điều này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy giá dầu duy trì đà hồi phục trong năm 2017 và hỗ trợ cho sự phục hồi giá khí nhiên liệu.



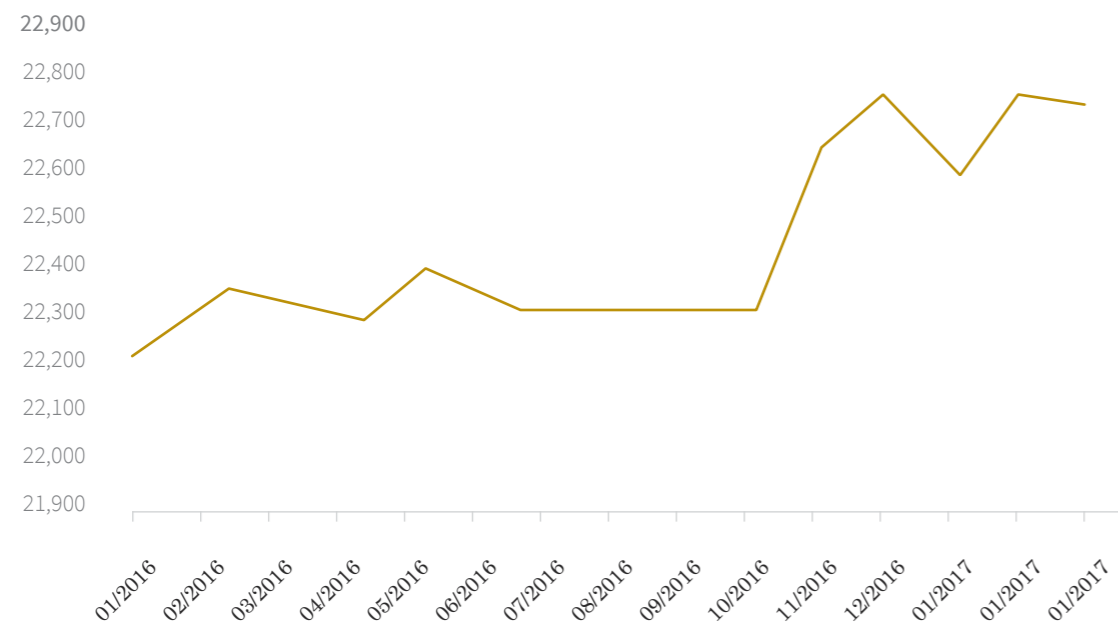


TỶ GIÁ \$ USD/VND



Đồng USD mạnh lên sẽ tác động tiêu cực đến giá dầu thế giới. Kế hoạch nâng lãi suất ít nhất 3 lần trong những năm tới của Fed sẽ khiến đồng USD tiếp tục nổi dài chuỗi tăng giá. Điều này sẽ ít nhiều gia tăng áp lực giảm giá dầu trong năm 2017.

Ngoài ra, sự hồi phục của giá dầu có thể sẽ thúc đẩy nhiều quốc gia ngoài khối OPEC gia tăng sản lượng và khiến đà hồi phục có thể chững lại trong năm 2017



HỘI NHẬP QUỐC TẾ



Đón đầu làn sóng hội nhập với các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

Việc Mỹ rút khỏi TPP là một tín hiệu không mấy khả quan. Tuy vậy, với triển vọng từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) cùng sự hình thành của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) được kỳ vọng sẽ mở ra những cơ hội thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam trong thời gian tới.

Năm 2016, Việt Nam đã thu hút hơn 24,3 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, góp vốn mua cổ phần, tăng mạnh 7,1% so với năm ngoái, tốc độ giải ngân cũng tăng mạnh hơn 9% đạt 15,8 tỷ USD.

Một điểm cần lưu ý đó là vấn đề môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp nước ngoài. Do đó, các doanh nghiệp này thường có xu hướng ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng sạch và CNG là một trong số đó.

Như vậy, lượng khách hàng tiềm năng của CNG trong tương lai là rất lớn. Không chỉ vậy, các doanh

nh nghiệp đang hoạt động cũng đẩy mạnh mở rộng quy mô sản xuất để đón đầu cơ hội.

Triển vọng phát triển của Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng khả quan.

Với môi trường vĩ mô lành mạnh được thể hiện qua tốc độ tăng trưởng nền kinh tế tốt, lạm phát và tỷ giá đang duy trì ổn định, chính sách và môi trường đầu tư cải thiện tích cực thì: (1) triển vọng của nền kinh tế Việt Nam đang rất khả quan, và (2) Việt Nam sẽ trở thành điểm đến tiềm năng cho dòng vốn đầu tư nước ngoài.

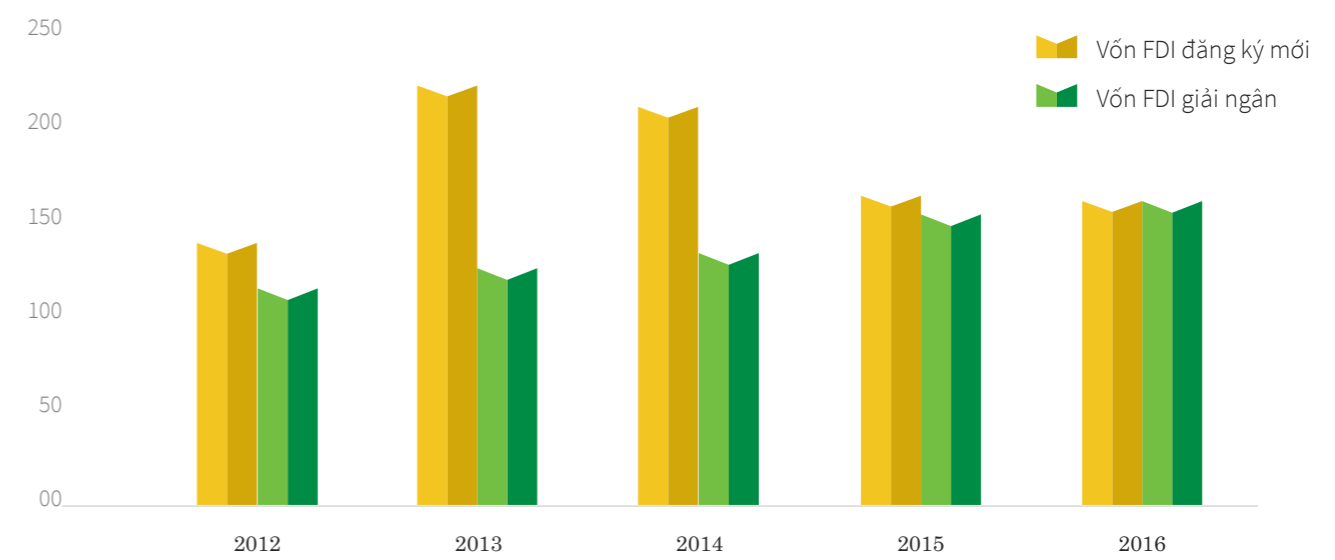
Với vị trí chiến lược, thị trường Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng được đánh giá sẽ tiếp tục trở thành “thời nam châm” thu hút vốn đầu tư FDI và mở ra nhu cầu tiêu thụ khí CNG và LNG về sau.

Đây cũng chính là các địa bàn hoạt động quen thuộc của CNG Việt Nam.



Lượng FDI đăng ký suy yếu trong năm 2016.

Mặc dù giá trị vốn FDI giải ngân tiếp tục tăng trưởng mạnh, nhưng lượng vốn FDI đăng ký mới đã cho thấy dấu hiệu chững lại khi số vốn đầu tư mới năm 2016 giảm 2,5% so với năm liền trước. Sự suy yếu của tốc độ tăng trưởng FDI là điều cần được lưu tâm trước những ảnh hưởng đến tiềm năng tăng trưởng dòng vốn đầu tư trong tương lai.





NHU CẦU NHIÊN LIỆU SẠCH



Tiềm năng từ ngành Giao thông-Vận tải. Phát triển giao thông bền vững đang là xu hướng chung của thế giới và Việt Nam, mà cụ thể là TP.HCM, Bình Dương, Quảng Ninh đang ưu tiên thực hiện cho hệ thống giao thông công cộng. Xe buýt sử dụng CNG được xem là giải pháp tối ưu cho giao thông xanh và nhận được nhiều chính sách ưu đãi.

Tiềm năng tăng trưởng của thị trường LNG sẽ giúp gia tăng sản lượng tiêu thụ trong tương lai.

Đến năm 2020, nhu cầu tiêu thụ khí LNG được dự đoán sẽ chạm mốc 15 tỷ m³. Bên cạnh đó, các kế hoạch khai thác và nhập khẩu khí LNG đang từng bước được đẩy mạnh sẽ giúp nâng cao tiềm năng tăng trưởng thị trường LNG trong tương lai.



Sự cạnh tranh gay gắt từ nhiên liệu thay thế. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp có xu hướng lựa chọn nguồn nguyên liệu thay thế như

biomass và than. Với ưu thế giá thành rẻ hơn 20-25%, nguồn cung dồi dào và chi phí chuyển đổi thấp, khả năng cạnh tranh trong thị trường nhiên liệu sẽ ngày càng gay gắt hơn.

CNG là thị trường tiềm năng do đó sẽ thu hút các đối thủ mới tham gia vào thị trường; trong tương lai gần là sự tham gia của Tổng Công ty Gas – Petrolimex.





GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG & KINH DOANH

Trước những khó khăn và thách thức của kinh tế vĩ mô, ngành cũng như những đặc trưng riêng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam; để giữ vững tốc độ tăng trưởng như trong các năm vừa qua, Công ty đưa ra các giải pháp và chiến lược kinh doanh cho năm 2017 như sau:

- ★ Duy trì chính sách giá bán linh hoạt; thực hiện chính sách khuyến khích khách hàng theo từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và hạn chế tình trạng khách hàng chuyển sang

sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.

- ★ Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng mới. Đảm bảo thực hiện dịch vụ và hỗ trợ tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí.
- ★ Phát triển thị trường khí theo hướng đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- ★ Áp dụng linh hoạt các hình thức bán hàng nhằm phát triển nhanh số lượng khách hàng. Coi trọng việc thực hiện tiết giảm chi phí đầu tư và nguồn nhân lực nhằm đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và bền vững.
- ★ Đẩy mạnh phát triển cấp khí cho khách hàng qua trạm trung

tâm để có thể cung cấp khí cho tất cả các khách hàng nhỏ lẻ và góp phần giảm chi phí đầu tư và nhân lực.

- ★ Tại thị trường miền Nam cần tích cực hợp tác với các Ban quản lý và các chủ đầu tư KCN để nắm bắt thông tin và tiếp xúc ngay với nhóm khách hàng có kế hoạch đầu tư mới vào các khu công nghiệp.



GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ & ĐIỀU HÀNH

Sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

- ★ Duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
- ★ Triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.
- ★ Duy trì và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ★ Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

Đầu tư

- ★ Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ để ra.
- ★ Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của Pháp luật và Công ty.

Tài chính

- ★ Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty.
- ★ Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả nhằm hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng.
- ★ Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính.
- ★ Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

Tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- ★ Tiếp tục thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- ★ Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với "hiệu quả" nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.



- ★ Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
I	Sản lượng	Triệu SM3	110,00
1	Miền Bắc	Triệu SM3	10,00
2	Miền Nam	Triệu SM3	100,00
II	Doanh thu	Tỷ đồng	974,60
1	Miền Bắc	Tỷ đồng	88,70
2	Miền Nam	Tỷ đồng	885,90
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	101,00
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80,80
V	Tỷ lệ LNST/VĐL	%	30
VI	Tỷ lệ cổ tức	%	15



03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 48 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 52 Giới thiệu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc
- 59 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 66 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 69 Giao dịch, Thủ tục và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD và Kế toán trưởng
- 69 Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 70 Quản trị rủi ro



Tinh Gọn
ĐỂ DUY TRÌ HIỆU QUẢ

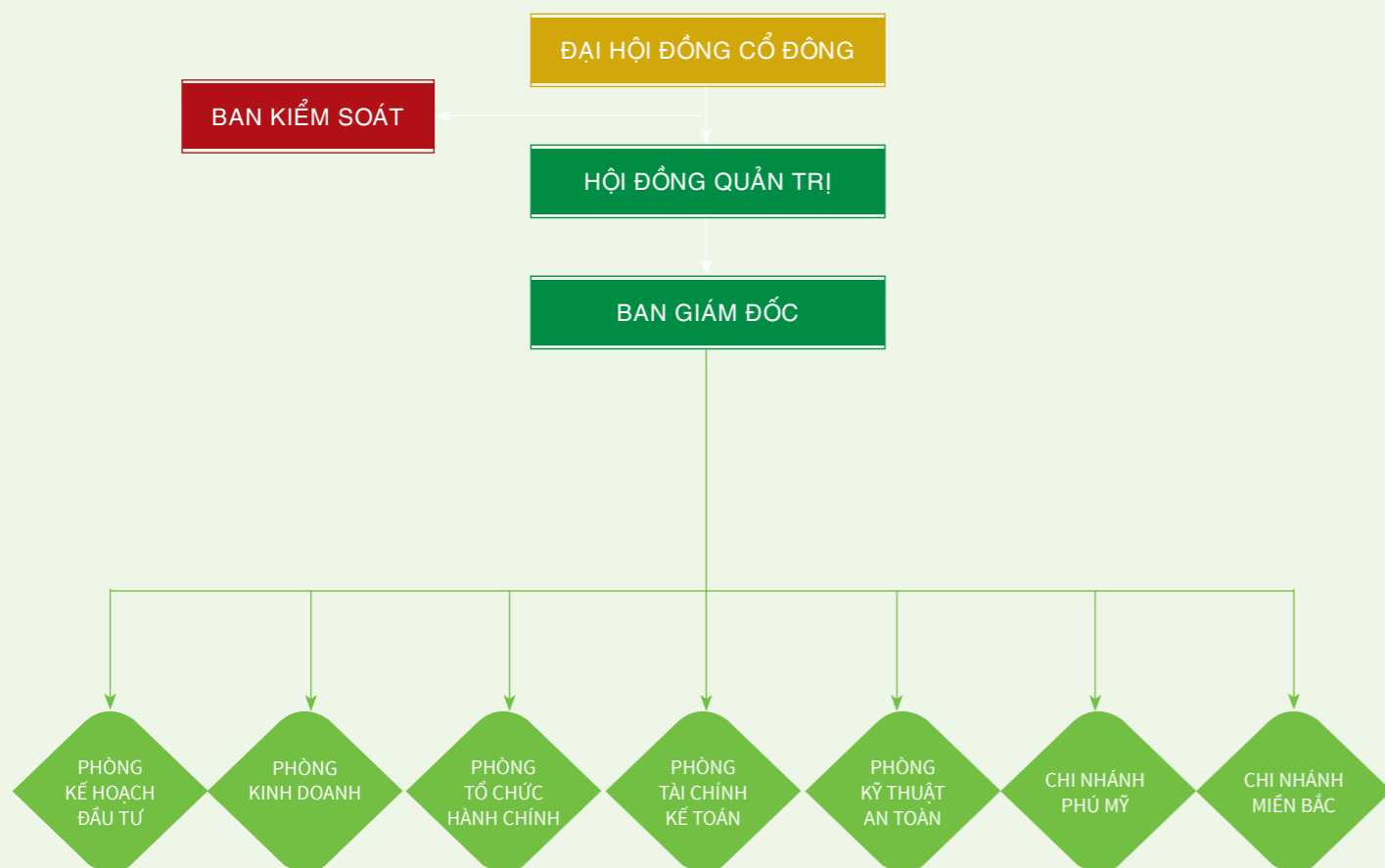


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CNG Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng và không có đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết.

Bộ máy quản lý của CNG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN GIÁM ĐỐC

Là Ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

PHÒNG KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

Xây dựng, trình duyệt, quản lý và đề xuất các biện pháp để triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch SXKD và đầu tư dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty.

PHÒNG KINH DOANH

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) của Công ty.

Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) theo chiến lược kinh doanh của Công ty.

Chủ trì, quản lý, giám sát và đàm phán các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện xây dựng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, OHSAS tại Phòng và Công ty.

PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty.

Công tác quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc.

Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty.

Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty.

Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty.

Xây dựng, trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty. Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tiếp theo)

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (tiếp theo)

Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

PHÒNG KỸ THUẬT - AN TOÀN

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khoa học – công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty.

Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường, xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

Phối hợp với các Phòng liên quan chuẩn bị hồ sơ mời thầu, xem xét hồ sơ đấu thầu, dự toán xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa và các dịch vụ liên quan đến các hoạt động sản xuất, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác...

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Là đơn vị thuộc bộ máy điều hành của Công ty, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chi nhánh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch

Những thay đổi trong Cơ cấu tổ chức trong năm 2016

- ★ Ngày 14/3/2016, CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas South) chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGas). PVGas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ nắm giữ 56% trên vốn điều lệ hiện hành.
- ★ Ngày 19/04/2016, HĐQT ra Quyết định số 113/QĐ-CNG về việc đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng phù hợp với hệ thống quản lý của PVGas.
- ★ Ngày 17/05/2016, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao.

Phối hợp với Phòng Kỹ thuật – An toàn trong việc lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn và lập phiếu phân tích an toàn cho các công việc nguy hiểm trước khi thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa.

Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí. Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2015.

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.





**GIỚI THIỆU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Ông VŨ TUẤN NGỌC
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1957
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **69.030**
Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.860.000 (18,00%)



Ông VŨ VĂN THỰC
Thành viên HĐQT kiêm GD

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: KS Xây dựng cầu đường
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**
Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.860.000 (18,00%)



Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Thành viên HĐQT kiêm Phó GD

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**
Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000(10,00%)



Ông PHẠM ĐÌNH ĐẠT
Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**
Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000 (10,00%)



Bà LÊ THỊ THU GIANG
Thành viên HĐQT Độc lập

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **625**



Ông **VŨ VĂN THỰC**
Thành viên HĐQT kiêm GD

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: KS Xây dựng
cầu đường

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.860.000 (18,00%)



Ông **BÙI VĂN ĐẢN**
Phó Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ
Đầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **6**



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Phó Giám đốc Tài chính

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận
tải biển, Cử nhân Kế toán Kiểm toán,
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN NGUYÊN VŨ**
Phó Giám đốc Kinh doanh

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh
văn, Kỹ sư Kinh tế Thủy sản

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **4**



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**
Phó Giám đốc Đầu tư

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xây
dựng, Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **762**

🔄 NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Thay đổi Giám đốc: Ngày 07/04/2016, HĐQT ra Quyết định số 99/QĐ-CNG về việc bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Công ty đối với ông Vũ Văn Thực kể từ ngày 07/04/2016, thay cho ông Đặng Văn Vĩnh thôi giữ chức thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Thay đổi Phó Giám đốc: Ngày 26/05/2016, HĐQT ra Quyết định số 149/QĐ-CNG về việc bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc đối với ông Trương Mạnh Thắng kể từ ngày 19/05/2016.



Ông **TRƯƠNG MẠNH THẮNG**
Phó Giám đốc Kế hoạch

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **HUỲNH LÂM KIẾT**
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1986
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **16**



Bà **TRẦN THỊ THU HIỀN**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **354**



Bà **PHẠM THỊ LOAN PHƯỢNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1988
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **86**



GIỚI THIỆU BỘ MÁY QUẢN LÝ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, đóng góp đối với quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

STT	Chỉ tiêu	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT kiêm GD
3	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên HĐQT chuyên trách
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó GD
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2016

STT	Chỉ tiêu	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT kiêm GD
3	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên HĐQT chuyên trách
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó GD
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2016

HĐQT trong năm 2016 đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động, điều hành của Công ty, trong đó tập trung vào các công tác: Xây dựng chiến lược, Quản lý hiệu quả hoạt động, Giám sát hoạt động và Phòng ngừa rủi ro.

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Đối phó với diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí thế giới

Triển vọng kinh tế vĩ mô

Tình hình thị trường và đối thủ cạnh tranh

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Ban điều hành

Báo cáo hiệu quả hoạt động

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo hoạt động đầu tư

Vấn đề cổ tức cho cổ đông

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

Theo dõi phản hồi từ các bên liên quan

Theo dõi phản hồi từ CBCNV trong Công ty

Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế của Công ty, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến "An toàn - Chất lượng - Môi trường"

PHÒNG NGỪA RỦI RO

Quy trình quản lý rủi ro

Nhận diện các rủi ro có thể xảy ra trong năm và giao nhiệm vụ giám sát/xử lý cho Ban điều hành

Theo dõi việc xử lý các rủi ro, đưa ra các giải pháp cải tiến quy trình





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2016.

NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	20/01/2016	Thanh toán 15% cổ tức lần 2 năm 2015
2	26/QĐ-CNG	01/02/2016	Phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương năm 2015
3	02/NQ-HĐQT	15/03/2016	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
4	03/NQ-HĐQT	30/3/2016	Họp HĐQT Quý 1/2016
5	04/NQ-HĐQT	07/04/2016	Miễn nhiệm ông Đặng Văn Vĩnh thôi giữ chức thành viên HĐQT kiêm TGD
6	05/NQ-HĐQT	07/04/2016	Bổ nhiệm ông Vũ Văn Thực giữ chức thành viên HĐQT kiêm GD
7	113/QĐ-CNG	19/04/2016	Đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng
8	06/NQ-HĐQT	21/04/2016	Miễn nhiệm ông Trần Văn Nghị thôi giữ chức thành viên HĐQT
9	07/NQ-HĐQT và 120/QĐ-CNG	21/04/2016 và 27/04/2016	Bổ nhiệm ông Phạm Đình Đạt giữ chức thành viên HĐQT chuyên trách
10	08/NQ-HĐQT	11/05/2016	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
11	09/NQ-HĐQT	17/05/2016	Thành lập và bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh CNG Phú Mỹ
12	10/NQ-HĐQT và 149/QĐ-CNG	19/05/2016 và 26/05/2016	Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Trương Mạnh Thắng giữ chức Phó giám đốc Công ty
13	155/QĐ-CNG	01/06/2016	Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty
14	188/QĐ-CNG	27/06/2016	Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính, cơ cấu tổ chức của Chi nhánh Phú Mỹ
15	11/NQ-HĐQT	27/06/2016	Nghị quyết họp HĐQT Quý 2/2016
16	196/QĐ-CNG	07/07/2016	Quyết định quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu
17	199/QĐ-CNG	13/07/2016	Quyết định phê duyệt quy chế thưởng an toàn của Công ty
18	208/QĐ-CNG	29/07/2016	Quyết định phê duyệt quy chế tổ chức và đào tạo của Công ty.
19	238/QĐ-CNG	15/08/2016	Quyết định về quy định về chế độ công tác phí cho CBCNV đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài của Công ty
20	248/QĐ-CNG	29/08/2016	Quyết định miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh miền Bắc
21	249/QĐ-CNG	29/08/2016	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh miền Bắc
22	251/QĐ-CNG	29/08/2016	Quyết định định mức tiêu hao cho xe ô tô Subaru
23	12/NQ-HĐQT	05/10/2016	Nghị quyết họp HĐQT Quý 3/2016

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT.

Các thành viên độc lập, không điều hành đảm bảo CNG Việt Nam cân bằng hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của nhà nước, của người lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thành viên này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động, tính minh bạch của bộ máy quản trị Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Chưa lập ra các tiểu ban do chưa phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thị trường dầu khí thế giới trong năm 2016 đã có những tín hiệu lạc quan nhất định. Các thỏa thuận cắt giảm sản lượng liên tục được thông qua giúp diễn biến của giá dầu trong năm có nhiều khởi sắc, tuy nhiên giá dầu cũng chỉ dao động trong khoảng từ 40-50 USD/thùng. Đáng quan tâm hơn, giá dầu có xu hướng biến động ngày càng phức tạp, khiến việc hoạch định kế hoạch và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp không ít trở ngại.

HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế. Tập thể CBCNV Công ty đã đoàn kết một lòng, cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHCĐ giao phó.



ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SẢN XUẤT VÀ AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

Trong hoạt động kinh doanh của mình, CNG Việt Nam luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Công ty đã liên tục cải tiến và áp dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty: hệ thống quản lý an toàn để đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường, diễn biến hoạt động kinh doanh, triển vọng kinh tế vĩ mô để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, tập thể Công ty đã có nhiều cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)



32,65 TỶ ĐỒNG
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ
GIẢI NGÂN NĂM 2016



ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Trong năm 2016, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 là 253,37 tỷ đồng, cụ thể như sau:

STT	Dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Chuyển tiếp dự án “Đầu tư phát triển thị trường”	9,11
2	Chuyển tiếp dự án “Đầu tư phát triển thị trường miền Bắc”	30,85
3	Chuyển tiếp “Mua sắm và lắp đặt PRU”	4,05
4	Chuyển tiếp “Trạm biến áp 3000 KVA”	4,43
5	Chuyển tiếp “Mua sắm và lắp đặt 03 máy nén 2.000 Sm ³ – 2.500 Sm ³ , áp suất nén 250bar, áp suất đầu vào 18bar	46,74
6	Mua sắm và lắp đặt 01 máy nén khí CNG	16,25
7	Mua sắm 10 bồn vận chuyển	108,34
8	Mua sắm 10 xe mooc	3,6
9	Hệ thống đầu đốt cấp khí cho khách hàng Vigalacera	30
	Tổng cộng	253,37

Căn cứ theo nhu cầu nhận khí của khách hàng và do chỉ đạo từ Tổng Công ty nên một số dự án tạm dừng triển khai. Tổng cộng giá trị giải ngân năm 2016 là 32,65 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm 2016, bộ phận Tài chính – Kế toán đã tham mưu cho Ban điều hành triển khai tốt các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, xây dựng nhiều giải pháp để thu tiền hàng, đối chiếu công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối hợp lý nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho HĐQT, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, HĐQT yêu cầu công tác tài chính tiếp tục chú trọng những vấn đề sau:

- ★ Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách.
- ★ Luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ cần được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- ★ Phối hợp với các ban, nhà máy để hoạch định nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ★ Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.
- ★ Thực hiện việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần.

Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 239 CBCNV.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận để ra.

Ban Giám đốc nhận thức rõ khó khăn và thách thức mà Công ty phải đối mặt nên đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động của Công ty, có chiến lược kinh doanh phù hợp định hướng.





KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, HĐQT đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển của CNG Việt Nam như sau:

- ★ Xây dựng và phát triển CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp khí CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường.
- ★ Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.
- ★ Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau có hiệu quả.
- ★ Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG ở miền Nam và miền Bắc, đón đầu tiêu thụ LNG trong thời gian tới.
- ★ Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.





HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- ★ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.
- ★ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị
- trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- ★ Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm trước và sau kiểm toán.

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao.

Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện

hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2016.

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thưởng theo hướng gắn với hiệu quả công việc.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT & BGD

VỀ THỰC THI NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT

triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

VỀ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đấu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

VIỆC BAN HÀNH CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH NỘI BỘ

Được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm.

Đồng thời Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2017 như sau:

- ★ Thực hiện giám sát HĐQT và Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- ★ Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- ★ Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- ★ Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- ★ Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- ★ Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát
- ★ Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT: Năm 2016, tổng số tiền lương, thù lao đã chi cho HĐQT, BKS và BGD là 3.222.000.000 đồng, bằng 77,5% kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và BGD đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 (đã duyệt 4.158.402.500 đồng).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	Cổ đông lớn	14.904.263	52.2	56.382	0.2	Chào bán CP năm giữ
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	Cổ đông lớn	0	0	15.120.000	56	Chào mua công khai để tăng tỷ lệ năm giữ
3	Trần Quang Đán	Cổ đông nội bộ	45.592	0.19	762	0	Bán CP

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Cổ đông là những người chủ thực sự của doanh nghiệp, là nhà tài trợ vốn chủ sở hữu khi cần để Công ty duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Mỗi quan hệ với nhà đầu tư góp phần tạo dựng hình ảnh của Công ty trên thị trường vốn.

Chủ trương chung của Công ty là luôn luôn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đến nhà đầu tư khi yêu cầu, tiếp nhận các ý kiến,

khuyến nghị từ cổ đông hiện tại và tiềm năng. Hiện Công ty đã có bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) để tạo đầu mối tương tác với cổ đông hiện tại và tiềm năng.

Các kênh tương tác trọng yếu gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên; Việc thăm Công ty và nhà máy; Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại; Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email; Tiếp nhận

phản hồi qua website; Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức; Báo cáo thường niên; Báo cáo phân tích của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; và Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2016, CNG Việt Nam cũng thực hiện chính sách chi trả cổ tức bằng 30% vốn điều lệ, tương đương giá trị 81 tỷ đồng.



CƠ CHẾ QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI CNG VIỆT NAM

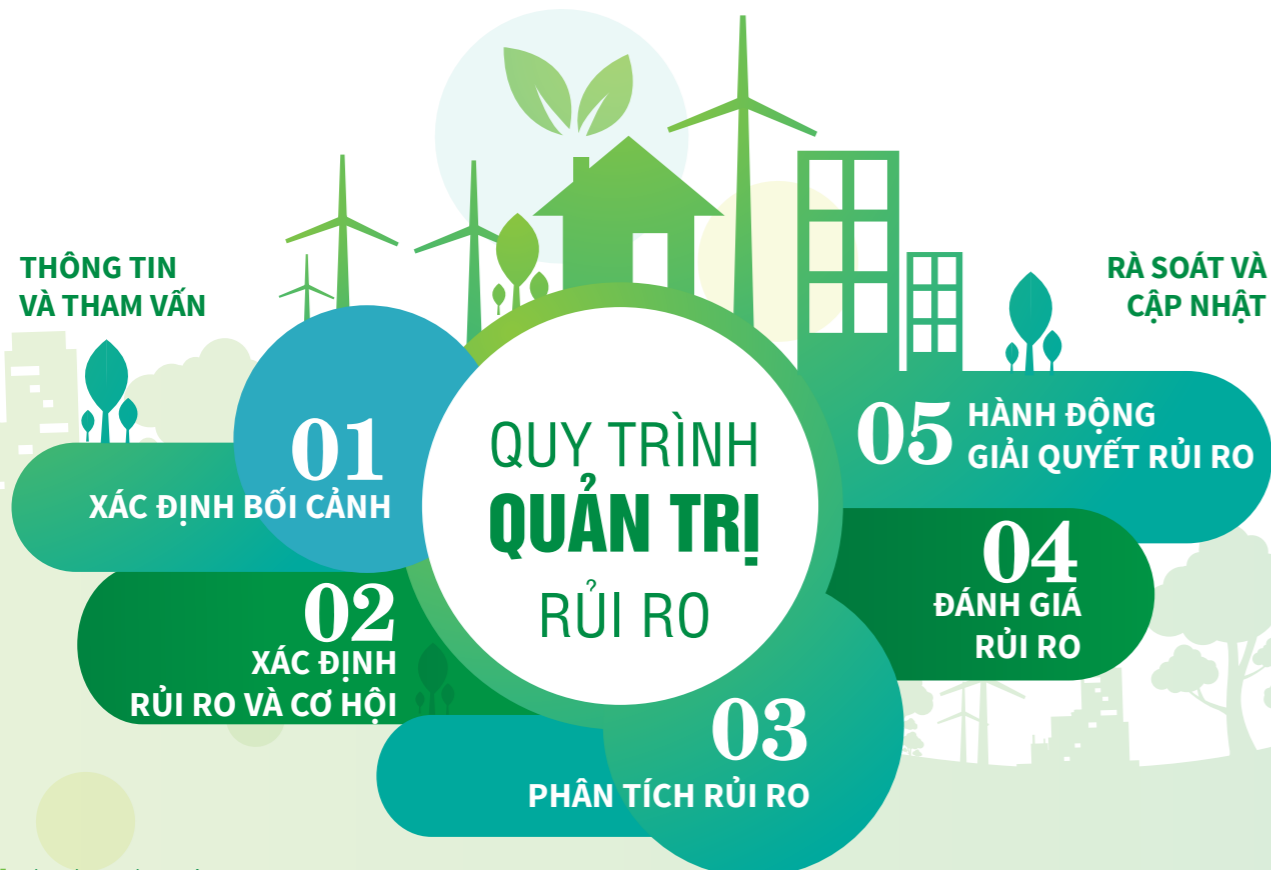
Dựa trên đặc thù hoạt động kinh doanh và cơ cấu bộ máy, CNG Việt Nam không tổ chức bộ phận quản trị rủi ro riêng biệt, mà thay vào đó, các phòng ban liên quan dựa vào chức năng nhiệm vụ của mình để xây dựng các quy trình, đánh giá và thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động liên quan.

Trong năm 2016, Công ty tiếp tục phát triển phương thức tiếp cận quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với nhu cầu kinh doanh của Công ty trước những biến động không

ngừng của môi trường kinh doanh. Công ty đầu tư cho việc nghiên cứu, phân tích đánh giá bản chất các loại rủi ro và đưa giải pháp tối ưu nhất với nguồn lực hiện có của Công ty, thông qua việc cân đối chi

phí của rủi ro và chi phí quản lý rủi ro nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng thành các quy định cụ thể, với sự nhất quán trong toàn bộ máy quản lý của Công ty thông qua việc quảng bá sâu rộng các kiến thức về rủi ro. Trong thực tế, môi trường kinh doanh luôn thay đổi, các tình huống sẽ diễn ra bất ngờ, Công ty luôn không ngừng nghiên cứu, chỉ ra các rủi ro mới, nhằm tích hợp linh hoạt, kịp thời các biện pháp giải quyết. Không chỉ đảm bảo tốt việc vận hành an toàn, điều này còn giúp doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các cơ hội thị trường.



BƯỚC 1: XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ban Giám đốc, Trưởng phòng xác định:

- ★ Chiến lược, kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- ★ Xác định các vấn đề bên trong và bên ngoài có liên quan đến mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- ★ Các vấn đề bên ngoài bao gồm chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường liên quan đến khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
- ★ Các vấn đề bên trong, bao gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, các quá trình hoạt động của tổ chức,
- ★ Nhu cầu và mong đợi của các bên hữu quan có liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- ★ Xác định rủi ro và cơ hội: Ban giám đốc, Trưởng phòng xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã xác định, cơ hội đạt được khi kiểm soát được rủi ro.
- ★ Phân tích rủi ro: Ban giám đốc, Trưởng phòng phân tích các rủi ro dựa trên 02 tiêu chí: khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, có xem xét đến tính hiệu lực biện pháp kiểm soát hiện hành, các dữ liệu thống kê trong quá khứ.
- ★ Đánh giá rủi ro: Ban giám đốc, Trưởng phòng đánh giá rủi ro cao, thấp, trung bình.

BƯỚC 3: HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

Ban giám đốc, Trưởng phòng xem xét và đưa ra các hành động nhằm giải quyết rủi ro và cơ hội, cụ thể như:

- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp, trung bình, các đơn vị duy trì và cải tiến (nếu cần) các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành. Đối với các rủi ro được đánh giá là cao, các đơn vị cần có hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.

- ★ Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội có thể là: Tránh rủi ro; Chấp nhận rủi ro để theo đuổi một cơ hội; Loại bỏ nguồn rủi ro; Thay đổi khả năng xảy ra hoặc hậu quả xảy ra để giảm rủi ro; hoặc Chia sẻ rủi ro, hoặc lưu giữ lại rủi ro bằng một quyết định công khai.

BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

- ★ Ban giám đốc, Trưởng phòng đánh giá tính hiệu lực các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội đối với các rủi ro cao, cụ thể:
- ★ Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.
- ★ Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.

Định kỳ 6 tháng/lần, các đơn vị đánh giá tính hiệu lực các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội đối với các rủi ro cao, báo cáo kết quả về Ban giám đốc Công ty.

BƯỚC 5: RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

Theo dõi, rà soát, cập nhật Bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của tổ chức theo tần suất:

- ★ Định kỳ hàng năm.
- ★ Khi có sự thay đổi bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên quan tâm) ảnh hưởng kết quả đầu ra mong muốn hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- ★ Khi có sự thay đổi, phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, các rủi ro cao liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



CÁC LOẠI **RỦI RO**
CÓ ẢNH HƯỞNG MẠNH NHẤT
ĐẾN **CNG VIỆT NAM**
ĐƯỢC PHÂN THEO CÁC
NHÓM CHÍNH SAU.

RỦI RO VỀ GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO

PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- ★ Hiệu quả kinh doanh
- ★ Kế hoạch kinh doanh trung hạn

BẢN CHẤT RỦI RO

CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí nén CNG, với lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.

Giá khí đầu vào của Công ty được quyết định bởi PVGas và vận chuyển thông qua đường ống của PVGas-D. Theo lộ trình tăng giá khí của PVGas, giá khí đầu vào sẽ tăng 10% trong những năm tiếp theo đến năm 2017, đây là lúc nhập khẩu khí LNG. Tuy nhiên, từ năm 2015, Công ty đã đàm phán thành công để thay đổi cơ chế tính giá khí đầu vào; cụ thể, giá khí đầu vào sẽ được thả nổi theo giá dầu thế giới. Tuy giảm bớt được áp lực từ việc gia tăng giá khí đầu vào nhưng sự biến động mạnh của giá dầu thế giới vẫn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty tiến hành đàm phán với khách hàng theo từng tháng nhằm giảm thiểu rủi ro do sự biến động của giá dầu, gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.
- ★ Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, áp dụng chính sách giá linh hoạt để phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.
- ★ Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.
- ★ Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí nằm trong ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2016

Với các biện pháp phòng ngừa rủi ro giá khí hợp lý, Công ty đã đạt được những thành quả tích cực:

Giá khí đầu vào được quản lý hiệu quả, chính sách giá hợp lý đã giúp Công ty thu hút thêm 6 khách hàng mới, với sản lượng khí cung cấp đạt 119,6 triệu Sm³, tăng 25,5% so với năm 2015.

Việc kiểm soát tốt chi phí giúp tổng chi phí năm 2016 chỉ còn 750,4 tỷ đồng, bằng 92,2% năm 2015, góp phần đưa lợi nhuận sau thuế đạt 120 tỷ đồng, tăng 1,3% so với năm trước dù chịu sự sụt giảm của doanh thu.

119,6 Sm³
SẢN LƯỢNG KHÍ, **▲ 25,5%**
SO VỚI NĂM 2015

120 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ, **▲ 1,3%**
SO VỚI NĂM 2015

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- ★ Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro
- ★ Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- ★ Mục tiêu chiến lược dài hạn

BẢN CHẤT RỦI RO

Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao làm việc huy động vốn cho các dự án đầu tư trong tương lai sẽ trở nên khó khăn hơn.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.
- ★ Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2016

Năm 2016, tỷ trọng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn lần lượt đạt mức 28,5% và 71,5%. Điều này cho thấy sức mạnh tài chính của Công ty là rất lớn. Nhờ dòng tiền hoạt động kinh doanh tốt, Công ty đã tăng cường công tác trả nợ vay. Theo đó, tổng nợ vay của Công ty đến cuối năm 2016 chỉ còn 47,4 tỷ đồng, giảm 36,8% so với năm 2015, trong đó 65% là nợ vay ngắn hạn. Với mục tiêu duy trì tính lành mạnh của cấu trúc vốn thì việc ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ cho hoạt động của Công ty là khá hợp lý.





RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- ★ Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- ★ Mục tiêu chiến lược dài hạn
- ★ Hiệu quả kinh doanh

BẢN CHẤT RỦI RO

Khách hàng tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là hộ sản xuất công nghiệp nên khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, bất động sản trầm lắng, doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm.

Thêm vào đó, khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá CNG đã khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Rõ ràng đây sẽ là yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Trong những năm tiếp theo, tình hình kinh tế được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường, và có khả năng gây ra những ảnh hưởng không tích cực đến Công ty.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty luôn quan tâm để thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có và tìm kiếm khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.
- ★ Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.
- ★ Tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt sự ảnh hưởng do việc tập trung ở một số ngành nghề cũng như khu vực như hiện tại.
- ★ Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.
- ★ Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả, hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.
- ★ Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả nhằm lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu Sm³/năm trở lên và khoảng cách ngắn hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư, phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí nằm trong ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2016

Với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, CBCNV, năm 2016 đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng khí cung cấp cũng như thêm 6 khách hàng mới, từ 41 lên 47 khách hàng sử dụng khí nén CNG. Trong đó, có 3 khách hàng đã thực hiện cung cấp khí trong năm 2016.

RỦI RO VỀ KHOẢN PHẢI THU

PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- ★ Hiệu quả kinh doanh

BẢN CHẤT RỦI RO

Nền kinh tế khó khăn làm giá trị dòng tiền trở nên quan trọng hơn bao giờ hết; trong đó khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn bị chiếm dụng vốn, thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ.
- ★ Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

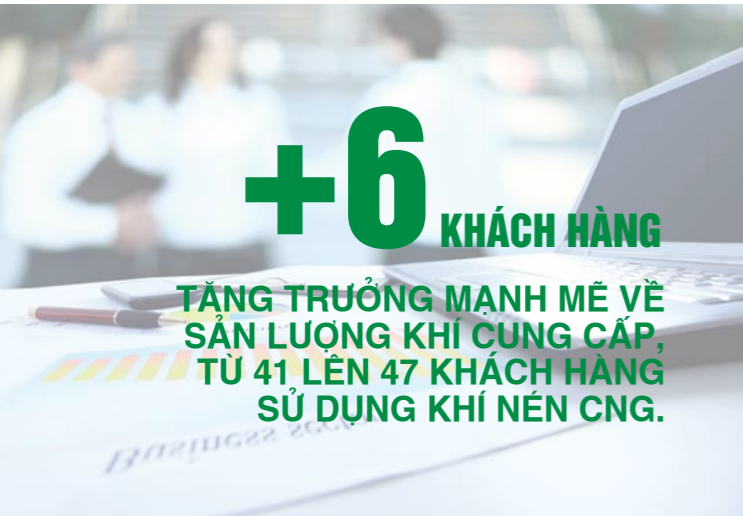
106 TỶ ĐỒNG
SỐ DƯ KHOẢN PHẢI THU NĂM 2016
↓ 22% SO VỚI NĂM 2015

★ Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác, vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

★ Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2016

Trong năm 2016, các khoản phải thu được Công ty tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ, việc thu hồi các khoản phải thu cũng được đẩy mạnh, nhờ đó số dư khoản phải thu chỉ còn 106 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2015. Đáng chú ý, các khoản nợ thu khó đòi cũng được đẩy mạnh thu hồi và dự phòng rủi ro phải thu ngắn hạn khó đòi cũng giảm xuống chỉ còn 3 tỷ đồng, từ mức 3,3 tỷ đồng của năm 2015.





RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG



PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- ★ Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- ★ Danh tiếng của Công ty

BẢN CHẤT RỦI RO

Với đặc thù ngành Dầu khí các rủi ro trong quá trình vận hành như hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sét đánh, rò rỉ khí luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối khí.

Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.
- ★ Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.
- ★ Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất.



- ★ Hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp trong ngành khí.

- ★ Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động với các mức trách nhiệm từ 80 – 180 triệu đồng/người/vụ. Điều này giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2016

Trong năm 2016, hoạt động sản xuất, vận hành, vận chuyển của CNG Việt Nam được tiến hành một cách an toàn và hiệu quả, không có sự cố lớn đáng tiếc nào xảy ra. Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường được tuân thủ triệt để và không ngừng được hoàn thiện.

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- ★ Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- ★ Mục tiêu chiến lược dài hạn

BẢN CHẤT RỦI RO

Rủi ro trong việc quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm bởi con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của bất kỳ doanh nghiệp nào.

Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí CNG, LNG và LPG, nguồn nhân lực Công ty luôn được đào tạo bài bản với trình độ chuyên môn cao. Việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng đòi hỏi kỹ năng và trình độ cao. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, nguồn nhân lực chất lượng càng là vấn đề thách thức đối với Công ty.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.
- ★ Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực và hiệu quả trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và chế độ khác một cách công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng đây cũng là cơ hội để Công ty tìm kiếm, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng với chi phí hợp lý.
- ★ CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2016

Trong năm 2016, Công ty đã tuyển dụng thêm 13 lao động, nâng tổng số lao động lên 239 người.

Đồng thời, người lao động Công ty cũng được hưởng tiền lương, thu nhập ổn định cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi khác, xứng đáng với năng suất lao động cao. Mức lương bình quân duy trì ổn định ở mức cao với 18,3 triệu đồng/tháng trong năm 2016, Công ty tiến hành mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm bổ sung thu nhập cho người lao động khi về hưu, tổ chức được 52 khóa đào tạo, với 721 lượt người, tương ứng chi phí gần 3,34 tỷ đồng...

Nhân lực là nền tảng giá trị luôn được ưu tiên hàng đầu trong quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Xây dựng nguồn nhân lực vững chắc, tạo mọi điều kiện để các cá nhân phát huy được tài năng đóng góp cho doanh nghiệp, phục vụ cộng đồng là giá trị cốt lõi mà CNG Việt Nam luôn theo đuổi và vun đắp.



- 79 Năm 2016 qua những con số
- 81 Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2016
- 83 Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2016
- 85 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 86 Phân tích tình hình tài chính



Đồng Thuận Nỗ Lực
ĐỂ GẶT HÁI THÀNH QUẢ


**HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**

	2012	2013	2014	2015	2016
Sản lượng tiêu thụ (triệu Sm ³)	53,0	62,3	74,6	94,3	119,6
Số lượng khách hàng	28	23	36	41	47

**KẾT QUẢ HOẠT
ĐỘNG KINH DOANH**

ĐVT: Tỷ đồng	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	801,2	949,8	1,085,6	950,2	890,6
Lợi nhuận gộp	185,0	205,5	229,5	232,7	238,5
Lợi nhuận từ HĐKD	135,5	139,0	136,1	146,2	150,5
Lợi nhuận trước thuế	132,2	138,2	130,0	145,1	147,7
Lợi nhuận sau thuế	117,9	114,5	112,5	118,7	120,3

**BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN**

ĐVT: Tỷ đồng	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng tài sản	623,7	628,1	641,5	643,8	649,9
Vốn chủ sở hữu	380,6	423,0	432,4	398,7	464,6
Vốn điều lệ	213,3	270,0	270,0	270,0	270,0

**HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG**

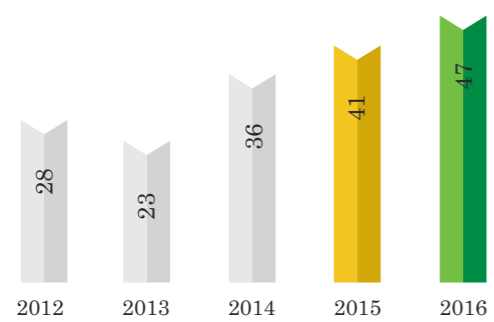
ĐVT: %	2012	2013	2014	2015	2016
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	17,7%	18,3%	17,7%	18,5%	18,6%
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	30,7%	28,5%	26,3%	28,6%	27,9%

**CHỈ TIÊU
VỀ CỔ PHIẾU**

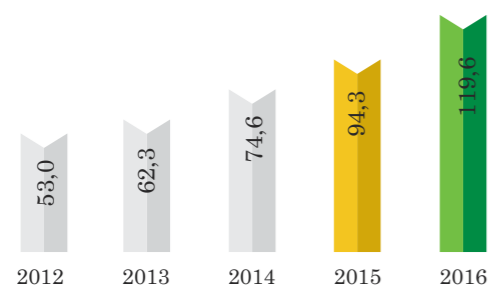
	2012	2013	2014	2015	2016
Số lượng cổ phiếu lưu hành (Triệu cp)	21	27	27	27	27
Lãi cơ bản của 1 cổ phiếu (Đồng) (*)	4.569	4.377	4.166	3.943	3.900
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (Đồng)	17.844	16.426	16.014	14.760	17.207
Cổ tức (%)	45	35	35	30	30
Giá cuối năm (Đồng)	14.500	30.000	29.000	31.400	40.800
Vốn hoá thị trường (Tỷ đồng)	309,3	810,0	783,0	847,8	1.101,5



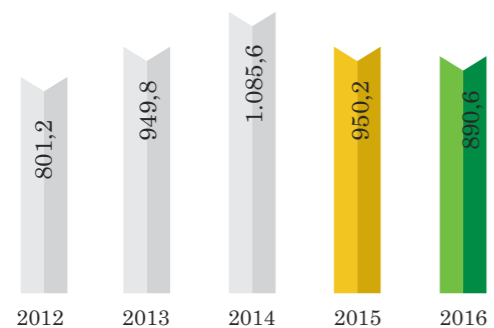
NĂM 2016 QUA NHỮNG CON SỐ



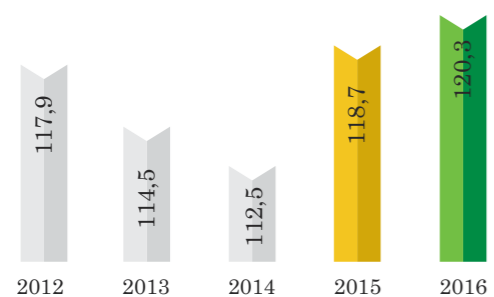
SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG



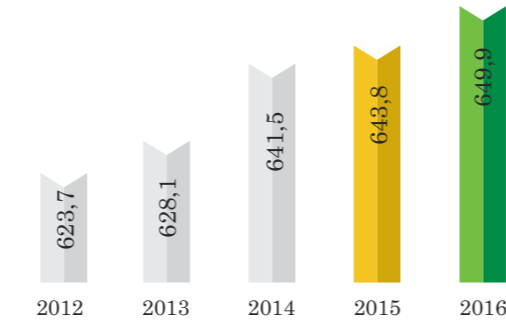
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (triệu m³)



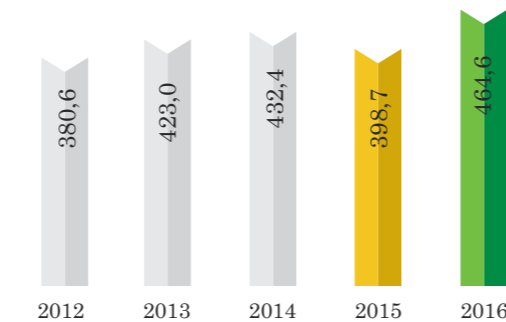
DOANH THU (tỷ đồng)



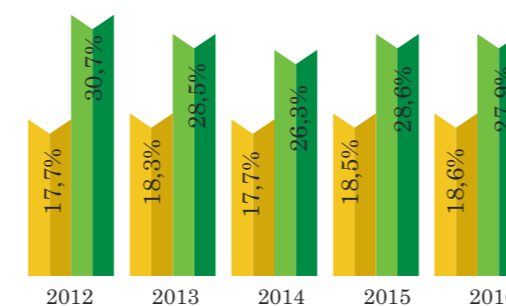
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (tỷ đồng)



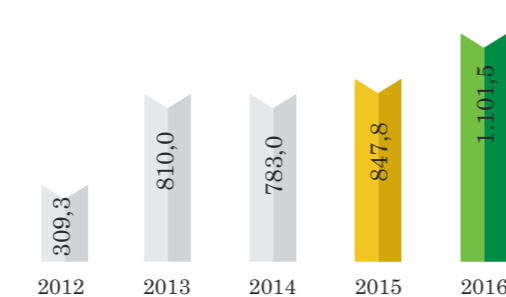
TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)



Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)
 Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)



VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (tỷ đồng)

NHỮNG GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NỔI BẬT NĂM 2016



Nhận biết được những khó khăn và thuận lợi của ngành và nền kinh tế trong năm 2016, Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã kịp thời đề ra những kế hoạch và giải pháp phù hợp với tình hình hoạt động để không ngừng cải thiện hiệu quả, cụ thể như:

VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH DOANH

CNG Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc, quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG, các chính sách bán hàng và chính sách hỗ trợ hợp lý:

- ★ Áp dụng chính sách linh hoạt trong việc chiết khấu giá và có chính sách khuyến khích khách hàng theo từng khu vực cũng như từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng. Công ty tiếp tục phát triển dịch vụ và công tác hỗ trợ nhằm tạo ra điều kiện tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí.
- ★ Phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định, với các chiến lược đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới.
- ★ Đẩy mạnh phát triển thị trường miền Bắc nhằm gia tăng sản lượng, giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực từ việc giá dầu giảm và để nâng cao lợi nhuận.
- ★ Thành lập bộ phận chuyên trách về giám sát và dự báo giá dầu nhằm bám sát diễn biến thị trường dầu khí thế giới và có các giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động xấu nhất. Phối hợp cùng các phòng ban để đưa ra giải pháp phù hợp, trong đó tập trung vào các giải pháp thị trường phù hợp, giải pháp cân đối dòng tiền, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ★ Phối hợp chặt chẽ với PVGas, PVGas-D nhằm đảm bảo có được nguồn cung cấp khí ổn định, liên tục và cơ chế giá thành hợp lý.

VỀ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

Về tổ chức

- ★ Nhằm nâng cao tính chủ động điều hành, quản lý sản xuất, vận hành an toàn của các đơn vị sản xuất, Công ty đã nâng cấp Nhà máy CNG Phú Mỹ thành Chi nhánh CNG Phú Mỹ.
- ★ Thay đổi cấu trúc phòng – ban công ty theo hệ thống quản lý của Tổng công ty Khí Việt Nam

Về chính sách – quản lý

- ★ Nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường sang phiên bản mới 2015: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, OHSAS 18001:2007.
- ★ Rà soát, cập nhật các quy trình, quy định, quy chế theo Tổng Công ty khí Việt Nam;
- ★ Tổ chức huấn luyện 5S cho CBCNV trong toàn Công ty & triển khai thực hành 5S.

Về sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

- ★ Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
- ★ Công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển luôn tuân theo quy định của nhà sản xuất và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa giúp giảm thiểu thời gian dừng vận hành do sự cố, cũng như tận dụng hiệu quả các máy móc phương tiện đã hết khấu hao





VỀ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Về đầu tư:

Theo dõi, giám sát, đôn đốc chặt chẽ quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

Về tài chính:

- ★ Ưu tiên, chủ động thu xếp nguồn vốn để phục vụ các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- ★ Giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng. Các nguồn vốn, quỹ được sử dụng linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính.

Về nhân sự và phát triển nguồn lực:

- ★ Thực hiện luân chuyển, sắp xếp bố trí nhân sự hợp lý trong sản xuất đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- ★ Duy trì môi trường làm việc hiệu quả, các chính sách đãi ngộ đối với người lao động hợp lý, theo hiệu quả công việc, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- ★ Công tác đào tạo tiếp tục được công ty triển khai nhằm bồi dưỡng trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng cho CBCNV.



Năm 2016 tiếp tục là một năm đầy thử thách trong công tác điều hành của Ban lãnh đạo Công ty. Với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý, Ban Giám đốc đã nỗ lực hết mình cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng định hướng và kế hoạch đã đề ra.

- ★ **Số lượng khách hàng đã tăng mạnh từ 41 lên 47 khách hàng.** Trong đó có 2 khách hàng từ khu vực miền Nam và 01 khách hàng của khu vực miền Bắc.

Ngoài ra, trong năm 2016, CNG Việt Nam cũng đã ký thỏa thuận với 3 khách hàng nữa và sẽ tiến hành cấp khí trong năm 2017.

- ★ **Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 119,6 triệu Sm³, tăng 26,8% so với năm 2015.** Trong đó, sản lượng khí tiêu thụ tại thị trường miền Nam đạt 92,4 triệu Sm³, tăng 8,3%, sản lượng khí tiêu thụ tại thị trường miền Bắc đạt 27,2 triệu Sm³, tăng mạnh so với con số 9 triệu Sm³ của năm 2015.
- ★ **Doanh thu giảm nhưng lợi nhuận tăng trưởng 1,3% và hoàn thành 113,5% kế hoạch năm.** Năm 2016, giá dầu biến động mạnh và duy trì ở mức thấp so với mặt bằng giá dầu năm 2015, kéo theo doanh thu năm 2016 chỉ đạt 890,5 tỷ đồng, giảm 6,3% so với năm 2015. Dù doanh thu sụt giảm khá mạnh nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 120,3 tỷ đồng, tăng trưởng 1,3% so với năm 2015 và hoàn thành 113,5% kế hoạch năm.



- ★ **Vốn hóa thị trường vượt mốc 1.000 tỷ đồng, duy trì mức cổ tức cao 30%.** Vốn hóa thị trường (market capitalization) của Công ty vào cuối năm 2016 vượt mốc 1.000 tỷ đồng, đạt gần 1.102 tỷ đồng, tăng mạnh 29,9% so với năm 2015.

Công ty tiếp tục duy trì chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ hiện hành, đây được xem là mức cổ tức cao so với mặt bằng chung trên thị trường, nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

- ★ **Phúc lợi cho người lao động được duy trì ổn định.** Trong bối cảnh ngành dầu khí gặp nhiều khó khăn trong hoạt động và CNG Việt Nam cũng không phải ngoại lệ, nhưng công ty vẫn gia tăng lực lượng lao động lên 239 người, duy trì chính sách phúc lợi cho người lao động ổn định cụ thể:

➤ **Tiền lương bình quân theo số thực chi của CBCNV trong năm 2016 giữ mức 18,3 triệu đồng/người/tháng.**

➤ **Mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp năm viện, phẫu thuật) với các mức trách nhiệm từ 80 – 180 triệu/người/vụ.**

➤ **Mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV.**

➤ **Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho CBCNV.**

30%
**CỔ TỨC TIỀN MẶT,
VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
ĐẠT GẦN 1.102 TỶ ĐỒNG**



THÀNH QUẢ KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016 (tiếp theo)

★ **Hoạt động phát triển bền vững tiếp tục được nâng cao.** Với các chính sách mới được thực hiện như tái cấu trúc bộ máy công ty, nâng cấp hệ thống quản lý “ An toàn – Chất lượng – môi trường”, duy trì tốt công tác quản trị rủi ro, đóng góp cho cộng đồng, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan đã giúp cho hoạt động phát triển bền vững của CNG Việt Nam tiếp tục được nâng cao. Cụ thể

a. Liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, tiêu thụ năng lượng, phát thải,...): Thực hiện chủ trương, chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 của Tổng Công ty, CNG Việt Nam thực hiện đồng thời nhiều giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động SXKD (chi phí nhiên liệu, điện, nước, ...) với tổng chi phí tiết giảm là 18,89 tỷ đồng.

b. Liên quan đến vấn đề người lao động: Các vấn đề liên quan tới người lao động trong năm 2016 như: việc làm, chế độ chính sách, lương thưởng, bảo hiểm, phúc lợi, hợp đồng lao động, công tác đào tạo, thực

hiện dân chủ tại nơi làm việc ... được Công ty chú trọng thực hiện tốt, đảm bảo nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động. Song song với đó, Công ty tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện giúp người lao động phát huy tối đa khả năng chuyên môn, tính sáng tạo.

c. Liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương: Năm 2016 là năm kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, tình hình SXKD bị ảnh hưởng do giá dầu giảm sâu, tuy nhiên Công ty vẫn cố gắng nỗ lực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội thông qua các chương trình từ thiện (chương trình “Trái tim cho em”, xây nhà tình nghĩa,...), đóng góp ủng hộ các quỹ theo chương trình phát động của Tổng Công ty (Quỹ nghĩa tình đồng đội, Quỹ tương trợ Dầu khí, Quỹ vì thế hệ trẻ,...) cũng như các phong trào đền ơn đáp nghĩa, từ thiện của địa phương.

Xem thêm đánh giá chi tiết trong Báo cáo Phát triển Bền vững.

THỰC HIỆN NĂM 2016 SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ NĂM TRƯỚC

Như vậy, kết thúc năm tài chính 2016:

- ★ Sản lượng khí tiêu thụ đạt 119,6 triệu Sm³, hoàn thành 108,7% kế hoạch năm.
- ★ Tổng doanh thu (bao gồm doanh thu tài chính) đạt 898,1 tỷ đồng, hoàn thành 108,6% kế hoạch năm.
- ★ LNTT đạt 147,7 tỷ đồng, hoàn thành 111,9% kế hoạch năm và tăng 1,8% so với 2015.
- ★ LNST đạt 120,3 tỷ đồng, vượt 13,5% kế hoạch năm và tăng 1,3% so với 2015. EPS tương ứng đạt 3.900 đồng.

Kết quả đạt được trong năm là một minh chứng khẳng định năng lực, tâm huyết của Ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV của Công ty.

Chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2016			Năm 2015	
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Sản lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm ³	110,0	119,6	108,7	94,3	126,8
Miền Nam	Triệu Sm ³	82,2	92,4	112,4	85,3	108,3
Miền Bắc	Triệu Sm ³	27,8	27,2	97,8	9,0	302,2
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	827,1	898,1	108,6	959	93,7
Tổng chi phí	Tỷ đồng	695,0	750,4	108,0	814	92,2
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	132,0	147,7	111,9	145	101,8
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	106,0	120,3	113,5	118,7	101,3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Năm 2016, CNG Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh hoạt động đầu tư để tăng cường khả năng cung cấp khí cho khách hàng. Các dự án đầu tư thực hiện trong năm 2016 đều đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, đúng tiến độ, tuyệt đối an toàn và đáp ứng kế hoạch SXKD của Công ty và nhu cầu nhận khí của khách hàng, cụ thể:

CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2014:

Dự án “Đầu tư phát triển thị trường”: Không thực hiện phân còn lại do khách hàng tự đầu tư.

CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRONG NĂM 2016:

Dự án “Đầu tư phát triển thị trường miền Bắc”: Công ty tạm dừng triển khai theo chỉ đạo của Tổng công ty Khí Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty sẽ đầu tư trạm nạp để cấp khí cho xe bus tại khu vực Quảng Ninh trong năm 2017.

Mua sắm trang thiết bị:

- ★ Mua sắm và lắp đặt 02 máy nén khí CNG 250 bar: Hoàn thành trong quý I/2016
- ★ Mua sắm và lắp đặt 01 trạm biến áp 3000 KVA: Hoàn thành vào cuối tháng 6/2016;
- ★ Ngoài ra, một số hạng mục mua sắm được chuyển sang cho khách hàng tự thực hiện như: cung cấp 10 bồn vận chuyển CNG composite 40ft & 10 rơ moóc, hệ thống chuyển đổi nhiên liệu cho Viglacera.

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN:

Tổng giá trị giải ngân các gói mua sắm trang thiết bị trong năm 2016: 32,65 tỷ đồng, cụ thể:

- ★ Mua sắm và lắp đặt PRU: 2,53 tỷ đồng
- ★ Trạm biến áp 3000 KVA: 3,56 tỷ đồng
- ★ Mua sắm và lắp đặt 03 máy nén 2000 Sm³-2500 Sm³, áp suất đầu vào 18 bar: 26,57 tỷ đồng.



32,65 TỶ ĐỒNG
TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN
TRONG NĂM 2016



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)	2015	2016	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	950,2	890,6	-6,3%
Giá vốn hàng bán	717,5	652,1	-9,1%
Lợi nhuận gộp	232,7	238,5	2,5%
Doanh thu hoạt động tài chính	8,7	7,4	-14,4%
Chi phí tài chính	6,2	6,2	-1,0%
Trong đó: Chi phí lãi vay	6,1	6,2	0,8%
Chi phí bán hàng	18,8	26,3	40,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70,2	63,0	-10,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	146,2	150,5	3,0%
Thu nhập khác	0,0	0,1	310,9%
Chi phí khác	1,1	2,9	161,1%
Lợi nhuận khác	(1,1)	(2,8)	156,5%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145,1	147,7	1,8%
Lợi nhuận sau thuế	118,7	120,3	1,3%

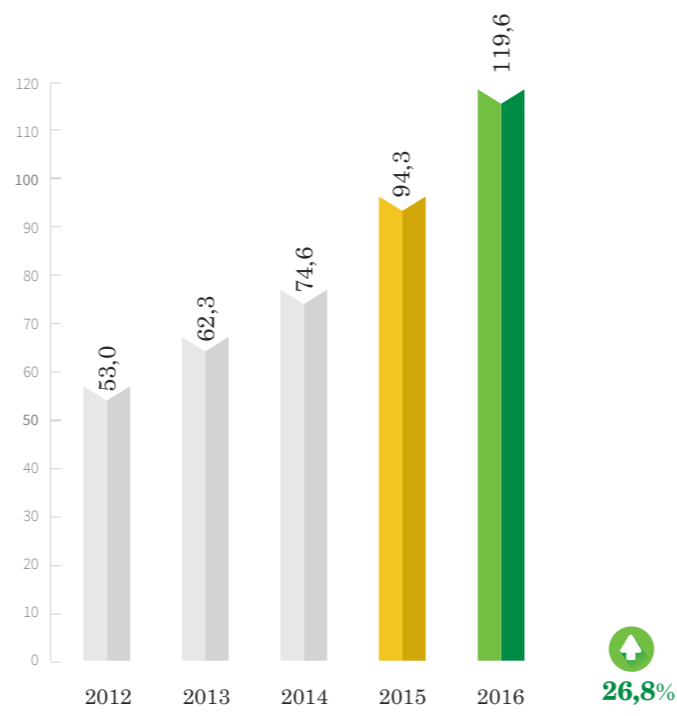
SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ ĐẠT 119,6 TRIỆU SM³, TĂNG MẠNH 26,8% SO VỚI NĂM 2015, HOÀN THÀNH 108,7% KẾ HOẠCH

Hoạt động bán hàng của Công ty tiếp tục gặt hái những kết quả khả quan trong năm 2016 khi sản lượng tiêu thụ đạt 119,6 triệu Sm³, tăng trưởng 26,8% so với năm 2015, đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây.

Với chính sách gia tăng mở rộng thị phần và đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt là ở thị trường miền Bắc, mức tăng trưởng này là thành quả xứng đáng với những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể thành viên của Công ty trong năm vừa qua.

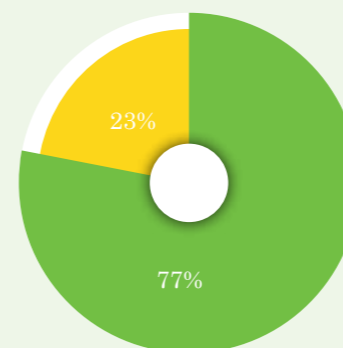
Cụ thể, sản lượng tiêu thụ khí khu vực miền Nam đạt 92,4 triệu Sm³, tăng trưởng 8,3% so với năm 2015, và sản lượng tiêu thụ khí khu vực miền Bắc cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 202%, đạt 27,2 triệu Sm³.

So với năm 2015, cơ cấu sản lượng tiêu thụ khí của Công ty đã có sự thay đổi với sự gia tăng đóng góp ở Miền Bắc chiếm tới 23% tổng sản lượng khí tiêu thụ toàn Công ty, trong khi Miền Nam giảm xuống còn 77%.



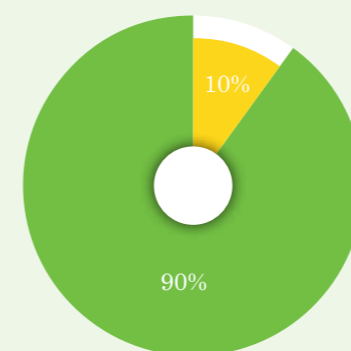
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (Triệu Sm³)

SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2016



Khu vực	Tỷ lệ
Miền Bắc	23%
Miền Nam	77%

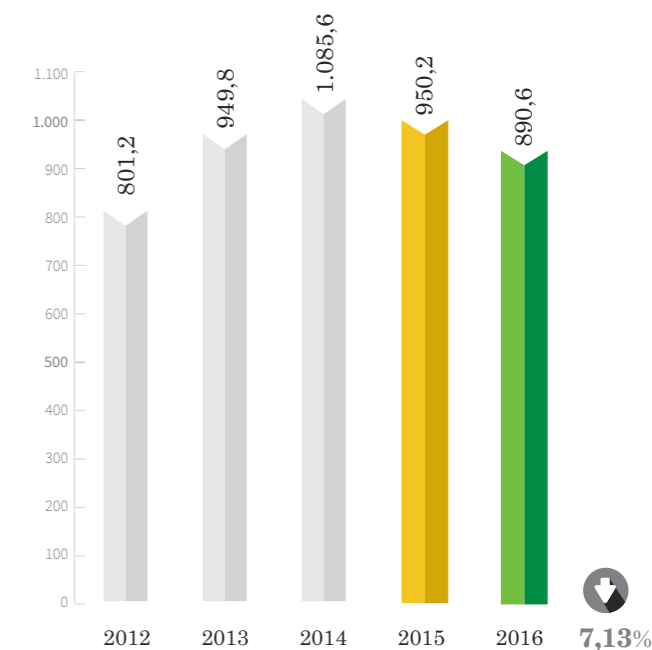
SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2015



Khu vực	Tỷ lệ
Miền Bắc	10%
Miền Nam	90%

DOANH THU ĐẠT 890,6 TỶ ĐỒNG, HOÀN THÀNH 108,6% KẾ HOẠCH NĂM

Dù sản lượng tiêu thụ tăng trưởng mạnh nhưng doanh thu của Công ty vẫn sụt giảm nhẹ 7,13% trong năm 2016 và chỉ đạt 890,6 tỷ đồng. Nguyên nhân đến từ việc giá dầu khí thế giới vẫn duy trì thấp hơn so với mặt bằng giá của năm 2015 và ảnh hưởng đến giá bán khí của Công ty. Cụ thể, điều này đã khiến giá bán khí trung bình năm 2016 của Công ty chỉ đạt 7.524 VND/Sm³, sụt giảm 25% so với năm 2015. Nhờ bù lại bằng công tác mở rộng thị trường, gia tăng sản lượng, Công ty vẫn xuất sắc hoàn thành 108,6% kế hoạch doanh thu năm đã đạt ra.



DOANH THU (Tỷ đồng)

TỶ LỆ LỢI NHUẬN GỘP CẢI THIỆN MẠNH LÊN 26,8% SO VỚI MỨC 24% CỦA NĂM 2015, GIÚP LỢI NHUẬN GỘP VẪN TĂNG 2,5%

Dù doanh thu sụt giảm nhưng lợi nhuận gộp của Công ty vẫn tăng 2,5% so với năm 2015 đạt 239 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi nhuận gộp cũng ghi nhận tín hiệu tích cực khi đạt 26,8%, cải thiện mạnh so với mức 24% của năm 2015.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp được cải thiện chủ yếu nhờ:

- ★ **Duy trì chính sách giá bán hợp lý.** Công ty áp dụng cơ chế giá khí mua vào thả nổi theo giá dầu FO, và giá khí bán ra thả nổi theo giá FO hoặc các sản phẩm liên quan đến dầu thô khác như LPG, DO (tùy khách hàng), song song đó là điều chỉnh giá bán hàng tháng theo sự biến động của giá dầu và tiến hành đàm phán lại với khách hàng hàng tháng. Điều này giúp Công ty duy trì được mức tỷ lệ lợi nhuận gộp tích cực trong bối cảnh giá dầu khí thế giới biến động tiêu cực.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TỶ LỆ LỢI NHUẬN GỘP CẢI THIỆN MẠNH LÊN 26,8% SO VỚI MỨC 24% CỦA NĂM 2015, GIÚP LỢI NHUẬN GỘP VẪN TĂNG 2,5% (tiếp theo)

★ **Giá dầu khí hồi phục.** Giá dầu khí dù đứng ở mức thấp nhưng đã có sự hồi phục khá tốt vào nửa cuối năm 2016, điều này cũng góp phần giúp tỷ lệ lợi nhuận gộp của Công ty cải thiện nếu tính trung bình cả năm.

★ **Chi phí khấu hao giảm.** Công tác bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị tiếp tục được Công ty triển khai thực hiện tích cực trong năm qua. Điều này đã giúp nhiều máy móc vẫn hoạt động hiệu quả và duy trì năng suất ổn định dù đã hết thời gian trích khấu hao, và đóng góp đáng kể vào việc cải thiện biên lợi nhuận gộp. Theo đó, chi phí khấu hao năm 2016 chỉ ở mức 60,8 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2015. So với các năm gần đây, tốc độ giảm chi phí khấu hao năm 2016 khá thấp so với những năm trước, vì các khoản chi phí khấu hao phát sinh mới từ các dự án được triển khai đã đi vào hoạt động trong năm vừa qua.



CẮT GIẢM CHI PHÍ, DUY TRÌ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CHI PHÍ

Năm 2016, tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là 89,3 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ 0,3% so với năm 2015.

Với những khó khăn do biến động tiêu cực trên thị trường dầu khí, Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý chi phí để giúp đảm bảo mức sinh lời. Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp được Công ty theo dõi chặt chẽ. Nhờ đó, dù vẫn đang trong quá trình tập trung hoàn thiện trang thiết bị, nguồn nhân lực

cho việc mở rộng thị trường, nhưng tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu vẫn tiếp tục giảm xuống mức 7,07%.

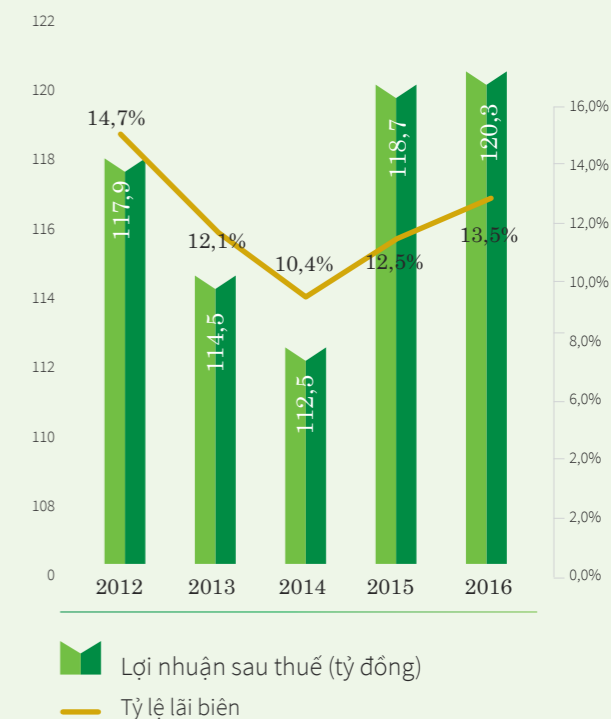
Nhưng ở chiều ngược lại, Công ty vẫn sẵn sàng chi mạnh cho công tác bán hàng, chăm sóc và tìm kiếm khách hàng mới; và điều này đã khiến cho tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu tăng lên mức 2,96% trong năm 2016. Nhưng bù đắp lại, Công ty đã đón nhận thêm 3 khách hàng mới cùng với đó sản lượng tiêu thụ khí gia tăng mạnh trong năm 2016, bù đắp phần nào cho sự sụt giảm về giá bán.

Cơ cấu chi phí	2015	2016
Chi phí khấu hao/Doanh thu thuần	6,8%	6,8%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,65%	0,69%
- Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	0,64%	0,69%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,98%	2,96%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	7,39%	7,07%
Chi phí khác / Doanh thu thuần	0,12%	0,32%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 120,3 TỶ ĐỒNG, HOÀN THÀNH GẦN 114% KẾ HOẠCH

★ Với những nỗ lực trong công tác quản lý chi phí, kiểm soát giá vốn cùng những chính sách điều hành hoạt động hợp lý đã giúp cho lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 120,3 tỷ đồng trong năm 2016, tăng nhẹ 1,3% so với năm ngoái và hoàn thành 113,5% kế hoạch năm.

★ Hệ số lợi nhuận biên cũng cải thiện tích cực đạt 13,5% trong khi năm 2015 dừng ở mức 12,5%, đánh dấu đã cải thiện tích cực trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm vừa qua.



TÀI SẢN & NGUỒN VỐN

Cơ cấu tài sản – nguồn vốn ổn định và lành mạnh đã giúp duy trì sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ba nguyên tắc vàng trong việc quản lý tài chính vẫn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt:

★ Tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh chính, không đầu tư vốn dàn trải.

★ Ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ cho hoạt động kinh doanh, giúp giảm thiểu áp lực chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

★ Hiểu rõ bản chất hoạt động sản xuất đòi hỏi nhu cầu vốn luân chuyển cao, Công ty luôn duy trì giá trị tài sản ngắn hạn hàng năm chiếm 70%-80% tổng tài sản.

Năm	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	623,7	628,1	641,5	643,8	649,9
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	316,4	511,0	521,1	465,6	500,5
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	307,3	117,2	120,4	178,2	149,4
Nợ phải trả	Tỷ đồng	243,2	205,2	209,2	245,1	185,3
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	166,4	168,0	184,3	201,2	157,3
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	76,7	37,2	24,9	43,9	28,0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	380,6	423,0	432,4	398,5	464,6

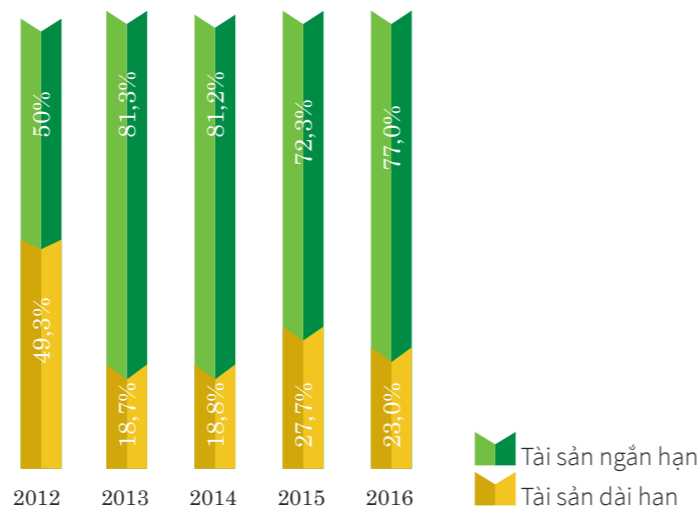
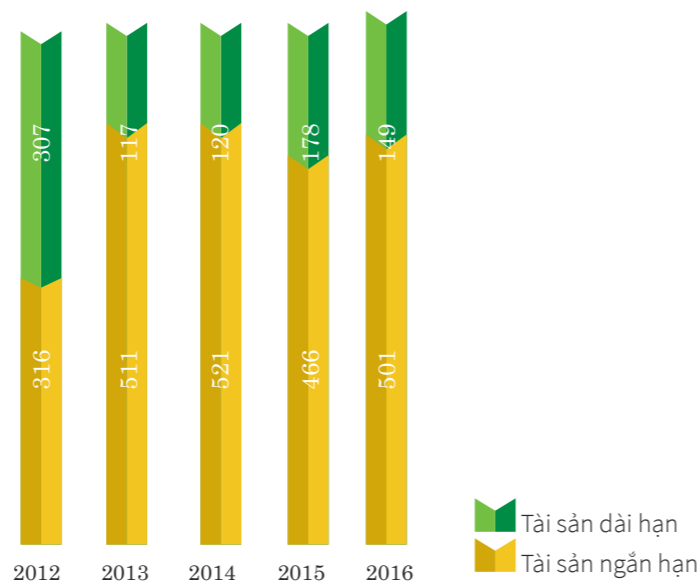


TÀI SẢN

Tính đến cuối năm 2016, tổng tài sản của Công ty đạt 649,9 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với năm 2015. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi tỷ trọng đáng kể trong năm qua, theo đó tài sản ngắn hạn đã tăng lên 500,5 tỷ đồng, chiếm 77% tổng tài sản. Trong khi tài sản dài hạn chỉ còn chiếm 23% tổng tài sản với 149,4 tỷ đồng.

649,9 TỶ ĐỒNG
TỔNG TÀI SẢN TĂNG NHẸ
1% SO VỚI NĂM 2015

500,5 TỶ ĐỒNG
TÀI SẢN NGẮN HẠN
CHIẾM 77% TỔNG TÀI SẢN

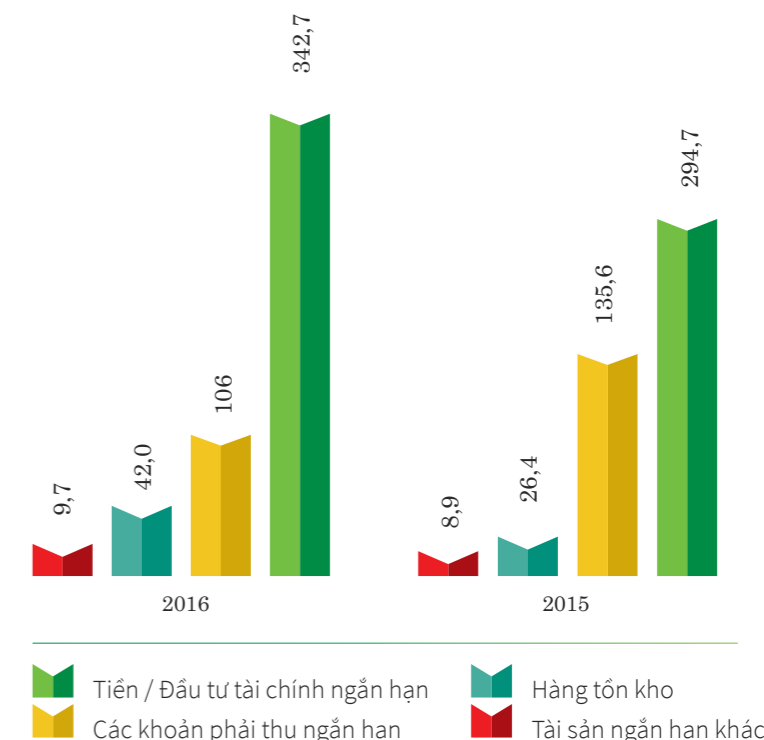


TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tính đến cuối năm 2016, tài sản ngắn hạn đạt 500,5 tỷ đồng, chiếm 77% tổng tài sản. Trong đó, tiền mặt chiếm tỷ trọng cao nhất với hơn 342,6 tỷ đồng, tăng mạnh 21,6%, tương ứng hơn 52,7% giá trị tài sản (xem thêm trong Phân tích dòng tiền). Tiền mặt luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản của Công ty trong những năm qua. Điều này giúp Công ty luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn và đảm bảo nguồn vốn luôn trong trạng thái sẵn sàng cho nhu cầu đầu tư mở rộng.

Khoản phải thu ngắn hạn của Công ty đã giảm mạnh 21,8% trong năm, chỉ còn 106 tỷ đồng và chủ yếu nằm ở khoản phải thu khách hàng ngắn hạn. Năm 2016, CNG tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát các khoản phải thu, nhờ đó các khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục được thu hẹp, giúp tối ưu hóa nguồn vốn lưu động cũng như giảm chi phí tài chính cho Công ty.

Bên cạnh sự sụt giảm khoản phải thu ngắn hạn, Công ty cũng cho thấy công tác thu hồi nợ xấu khá tốt, khi khoản mục trích lập dự phòng nợ xấu tính đến cuối năm 2016 cũng chỉ còn hơn 2,9 tỷ đồng, giảm 8% so với năm 2015.



CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN

TÀI SẢN DÀI HẠN

Tính đến cuối năm 2016, tài sản dài hạn của Công ty chỉ còn 149,4 tỷ đồng, giảm 16,4% so với năm 2015 và chiếm 23% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty tập trung tại khoản mục tài sản cố định với tổng giá trị còn lại đến cuối năm 2016 là 142,6 tỷ đồng. Tài sản cố định giảm mạnh chủ yếu do việc thực hiện khấu hao tài sản trong năm.

So với năm 2015, nguyên giá tài sản cố định tăng nhẹ 31,2 tỷ đồng và đang đứng ở mức 711,6 tỷ đồng, chủ yếu do các dự án lớn phần đã được hoàn thiện chủ yếu trong năm 2015.





NGUỒN VỐN

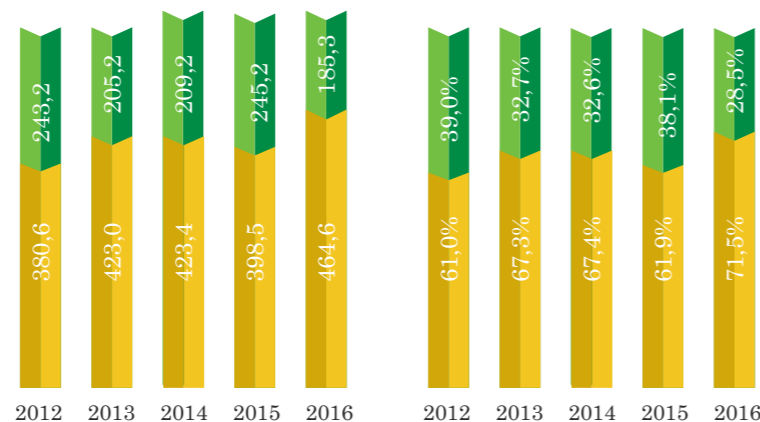
Vốn chủ sở hữu vẫn đang là là nguồn tài trợ chính cho Công ty khi chiếm 71,5% tổng nguồn vốn với 465 tỷ đồng. Trong khi đó, Nợ phải trả chỉ chiếm 28,5% với 185,3 tỷ đồng.

465 TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU CHIẾM 71,5% TỔNG NGUỒN VỐN

185,3 TỶ ĐỒNG

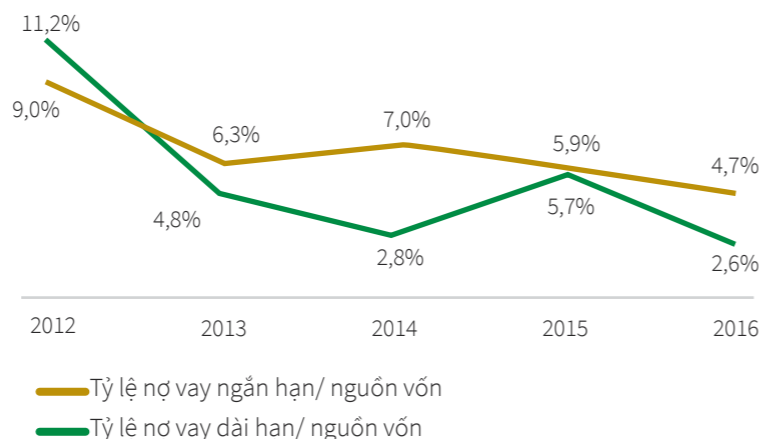
NỢ PHẢI TRẢ CHIẾM 28,5% TỔNG NGUỒN VỐN



NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến hết ngày 31/12/2016, tổng nợ phải trả của Công ty đang ở mức 185,3 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nợ ngắn hạn với 157 tỷ đồng, trong khi nợ dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng 15%, ở mức 28 tỷ đồng.

Tổng giá trị nợ vay giảm mạnh 36,8%, chỉ còn hơn 47 tỷ đồng.; và tỷ lệ nợ vay/nguồn vốn cũng chỉ còn hơn 7%. Việc duy trì nợ vay ở mức thấp giúp Công ty không phải gánh chịu áp lực từ lãi vay và giúp Công ty dễ dàng huy động vốn cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai khi cần thiết.



VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 465 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm trước và chiếm 71% tổng nguồn vốn.

Mức sinh lời tốt trong năm qua đã giúp khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 114 tỷ đồng, tăng 58,8% so với năm 2015, và quỹ đầu tư phát triển (cũng được trích lập từ lợi nhuận của Công ty) tăng mạnh 51,3% đạt 70 tỷ đồng. Đây cũng là các yếu tố giúp nguồn vốn chủ sở hữu gia tăng mạnh trong năm.

70 TỶ ĐỒNG
QUỸ ĐẦU TƯ TRÍCH TỪ LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY ↑ 51,3%

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

	2012	2013	2014	2015	2016
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	176,4	210,4	189,6	164,0	181,4
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(78,6)	67,9	(48,7)	(87,7)	(12,2)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(191,8)	(113,8)	(101,9)	(83,5)	(108,3)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(94,0)	164,5	38,9	(7,2)	61,0

Hoạt động kinh doanh chính tiếp tục là động lực tăng trưởng của Công ty khi mang về hơn 181,4 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm, Công ty tiếp tục gia tăng hoạt động đầu tư tài sản cố định (lắp đặt các trạm PRU, máy biến áp, máy nén...) với tổng vốn giải ngân đạt 32,6 tỷ đồng. Song song đó, Công ty cũng đã thu hồi các khoản cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác với 13 tỷ đồng, đã giúp tổng giải ngân cho hoạt động đầu tư trong năm 2016 dừng ở mức 12,2 tỷ đồng.

Giải ngân cho hoạt động tài chính trong năm tăng lên mức 108,3 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là do chi trả cổ tức cho cổ đông với 80,7 tỷ đồng và trả nợ vay gốc với 42 tỷ đồng.

Với hoạt động kinh doanh chính hiệu quả, công tác quản lý dòng tiền hợp lý cùng với tiết giảm mạnh các khoản mục phát sinh chi phí đã giúp Công ty gia tăng dòng tiền của mình trong năm 2016, giúp khoản mục tiền và tương đương tiền tăng 16,2% so với năm 2015 lên mức 342 tỷ đồng.



PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	1,9	3,0	2,8	2,3	3,2
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,8	2,9	2,7	2,2	2,9
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,5	1,5	1,6	1,4	2,2
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động						
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	65,8	61,6	54,9	56,4	49,5
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	9,3	11,0	9,6	12,3	19,2
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	57,6	44,7	45,5	56,5	55,0
Vòng quay tổng tài sản	lần	1,2	1,5	1,7	1,5	1,4
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	23,1	21,6	21,1	24,5	26,8%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,9	14,6	12,5	15,4	16,9%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	14,7	12,1	10,4	12,5	13,5%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	30,7	28,5	26,3	28,6	27,9%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	17,7	18,3	17,7	18,5	18,6%
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	39,0	32,7	32,6	38,1	28,5%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	63,9	48,5	48,4	61,5	39,9%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Nhóm chỉ tiêu thanh toán của Công ty không có nhiều biến động so với các năm trước. Việc duy trì tỷ trọng tiền và tương đương tiền cao giúp Công ty luôn duy trì khả năng thanh toán tốt qua các năm.

Các chỉ số thanh toán đều gia tăng và vượt xa mốc 1 lần cho thấy tình hình tài chính vững mạnh và là nền tảng vững chắc giúp gia tăng khả năng huy động vốn để đáp ứng cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty khi cần.

KỠ THU TIỀN BÌNH QUÂN

Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý công nợ và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định kế toán. Điều này đã giúp kỳ thu tiền bình quân trong năm 2016 được rút ngắn chỉ còn 49,5 ngày; và khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chỉ còn 106 tỷ đồng, giảm 20% so với năm 2015.

KỠ TRẢ TIỀN BÌNH QUÂN

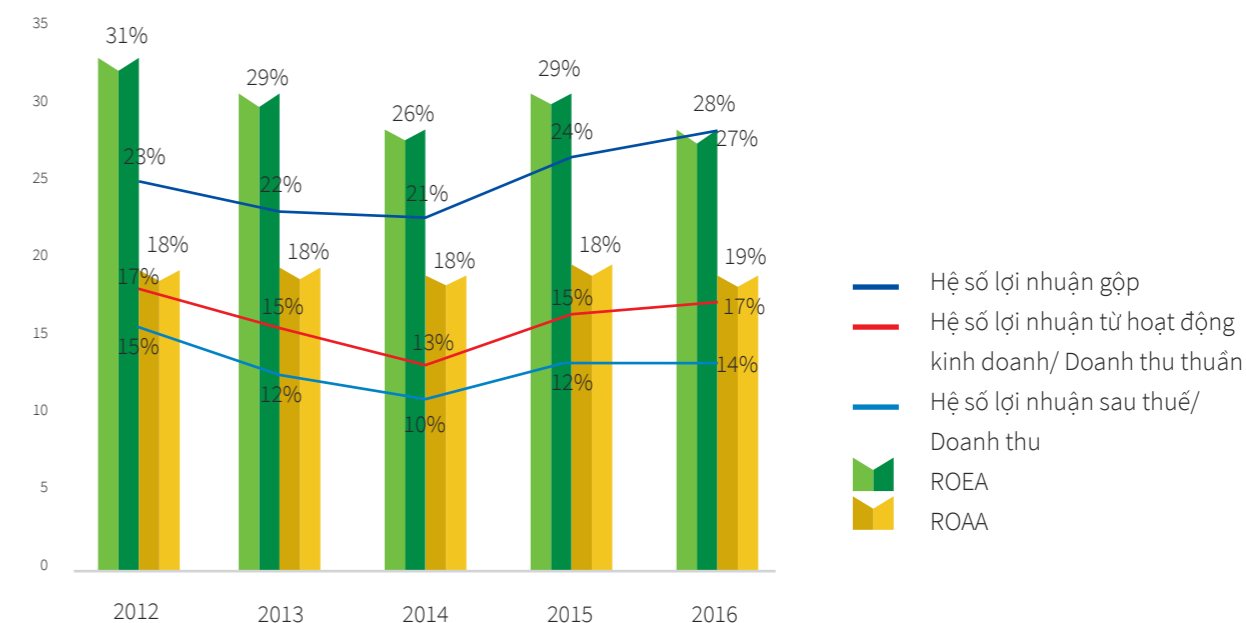
Kỳ trả tiền bình quân của công ty cũng giảm nhẹ xuống còn 55 ngày. Trong công tác quản lý khoản phải trả, Công ty luôn coi trọng việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn đối với các nghĩa vụ phải trả đối với đối tác. Điều này đã giúp gia tăng uy tín và niềm tin đối với thương hiệu CNG trong những năm qua, góp phần thuận lợi cho công tác quản trị dòng tiền của Công ty.

KỠ LƯU KHO BÌNH QUÂN

Năm 2016, số ngày hàng tồn kho đã tăng lên đáng kể, từ 12,3 ngày trong năm 2015 lên 19,2 ngày. Tuy vậy, đây không phải điều đáng lo ngại khi sự gia tăng kỳ lưu kho chủ yếu đến từ hoạt động mở rộng thị trường. Việc mở rộng khách hàng cũng như thị trường phía Bắc đòi hỏi Công ty phải gia tăng tích trữ hàng tồn kho, nguyên vật liệu... cao hơn.

VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN

Vòng quay tổng tài sản năm 2016 đạt 1,4 lần, giảm nhẹ so với năm 2015. Vòng quay tổng tài sản sụt giảm chủ yếu đến từ sự sụt giảm doanh thu do giá bán khí suy giảm trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, dự trữ tiền mặt cùng nhu cầu gia tăng tích trữ hàng tồn kho cũng là một nguyên nhân khiến vòng xoay tổng tài sản giảm nhẹ trong năm vừa qua.



CƠ CẤU VỐN

Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động, do đó, cơ cấu nợ luôn giữ tỷ trọng thấp trong cơ cấu nguồn vốn. Năm 2016, tỷ trọng nợ phải trả/nguồn vốn sụt giảm chỉ còn 28,5%, nhờ vào sự hiệu quả của của hoạt động kinh doanh giúp Công ty có thêm nguồn lực tài chính từ sự gia tăng của khoản mục lợi nhuận giữ lại.

Với tình hình tài chính tích cực, Công ty cũng giảm nhanh việc sử dụng nợ vay. Theo đó, Nợ vay ngắn hạn và dài hạn cũng giảm mạnh 37% so với năm 2015, giúp Công ty giảm mạnh áp lực chi phí lãi vay trong các năm tới.

CHỈ SỐ SINH LỜI

Sự hiệu quả của chính sách thay đổi giá bán đã giúp lợi nhuận của Công ty vẫn ghi nhận tăng trưởng khả quan trong năm 2016. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 12,6% và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 26,2%, đều cải thiện tích cực so với năm 2015.

Chỉ số sinh lời trên tổng tài sản (ROAA) đạt 18,6%, tăng nhẹ so với năm 2015, trong khi chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROEA) lại sụt giảm nhẹ so với năm trước, đạt 27,9%. Chỉ số ROEA sụt giảm chủ yếu do tốc độ tăng trưởng khá nhanh của vốn chủ sở hữu trong năm vừa qua khi đã tăng gần 17% so với năm 2015.

- 97 Thông tin chung
- 98 Các bên liên quan quan trọng và lĩnh vực báo cáo
- 100 An toàn trong Sản xuất, vận chuyển và phục vụ khách hàng
- 104 Ưu đãi Nguồn nhân lực
- 110 Trách nhiệm với Môi trường
- 118 Đóng góp kinh tế
- 119 Trách nhiệm với Cộng đồng



Chìa Sẻ ĐỂ VỮNG BỀN



Báo cáo Phát triển Bền vững này được CTCP CNG Việt Nam lập cho năm tài chính 2016, dựa trên các thông tin và dữ liệu do chúng tôi thu thập và xác minh, trong đó các số liệu về tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, các quy trình đảm bảo An toàn – Chất lượng – Môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO & OHSAS bởi Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam.

KỲ BÁO CÁO: Báo cáo được lập theo niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Báo cáo được lập định kỳ hàng năm.

PHẠM VI BÁO CÁO: Thông tin và dữ liệu trình bày trong báo cáo được thu thập và phân tích cho niên độ 2016 trong phạm vi toàn Công ty, bao gồm Văn phòng tại TP. Vũng Tàu, Chi nhánh Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 1, Trạm xử lý trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 – Bình Dương, các trạm giảm áp (PRU) và Chi nhánh Miền Bắc tại Hà Nội.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: GRI-G4

THÔNG TIN LIÊN HỆ: Nếu Quý vị có ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi liên quan đến nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với:

CTCP CNG VIỆT NAM - TỔ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

🏠 | Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, 61B Đường 30/4, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu

☎ | (+84 64) 3574635

☎ | (+84 64) 3574619

Bà Nguyễn Thị Hồng Hải – Phó Tổng Giám đốc



CNG Việt Nam đã chủ động tham vấn các bên liên quan có tầm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về phương diện kinh tế, môi trường và xã hội. Các bên liên quan quan trọng của chúng tôi bao gồm: khách hàng, cổ đông/nhà đầu tư, nhà cung cấp, người lao động, các cơ quan quản lý/hiệp hội và cộng đồng địa phương



BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỖI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	NỘI DUNG BÁO CÁO
CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> ★ Đại hội cổ đông ★ Viếng thăm doanh nghiệp ★ Trao đổi qua điện thoại 	<ul style="list-style-type: none"> ★ Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. ★ Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin. 	Tình hình hoạt động kinh doanh, Tình hình tài chính, Triển vọng thị trường, Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR).
KHÁCH HÀNG NHÀ CUNG CẤP	<ul style="list-style-type: none"> ★ Liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”. ★ Phiếu thăm dò ý kiến ★ Đối thoại, đàm phán giá mua/giá bán và các điều khoản. 	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục. ★ An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường. ★ Giá mua/bán và các điều khoản. ★ Dịch vụ hỗ trợ khách hàng 	Tình hình hoạt động kinh doanh, Tình hình tài chính, Triển vọng thị trường, An toàn trong sản xuất, vận chuyển và phục vụ khách hàng, Môi trường
NGƯỜI LAO ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> ★ Các cuộc họp giao ban, đối thoại định kỳ ★ Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương. ★ Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty. ★ Hội nghị Người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> ★ Quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp... ★ Môi trường làm việc và cơ hội đào tạo, thăng tiến. ★ Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội. 	Môi trường làm việc, Đào tạo và huấn luyện, An toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Tình hình hoạt động kinh doanh, Tình hình tài chính, Triển vọng thị trường, Hỗ trợ cộng đồng
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, HIỆP HỘI CHUYÊN NGÀNH	<ul style="list-style-type: none"> ★ Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan ban ngành tổ chức. ★ Gặp mặt, trao đổi thông tin 	Môi trường, chăm sóc về sức khỏe và an toàn lao động, quản lý nước thải và chất thải, việc tuân thủ các quy định pháp luật	An toàn trong sản xuất, vận chuyển và phục vụ khách hàng, Môi trường, Môi trường làm việc
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	<ul style="list-style-type: none"> ★ Hoạt động xã hội, cộng đồng. ★ Thông tin từ cơ quan quản lý, truyền thông... 	Môi trường, an toàn sản xuất và quyền lợi cho người lao động địa phương	An toàn trong sản xuất, vận chuyển và phục vụ khách hàng, Môi trường, Hỗ trợ cộng đồng.





AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN & PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

An toàn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có tính chất sống còn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong ngành Dầu khí như CNG Việt Nam.

GIẢI PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI

- ★ Ngay từ khi bắt đầu hoạt động đã thành lập Bộ phận Kỹ thuật – An toàn, chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- ★ Các biện pháp để đảm bảo an toàn cũng như ứng phó với tình trạng khẩn cấp được thực hiện một cách liên tục, xuyên suốt quy trình sản xuất kinh doanh, và định kỳ được đánh giá, cải tiến, hoàn thiện.
- ★ Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường tại CNG Việt Nam xây dựng theo tiêu chuẩn ISO &

OHSAS và được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Năm 2016, Công ty đã nâng cấp hệ thống quản lý Chất lượng ISO 9001 và hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001 sang phiên bản mới 2015.

- ★ Hệ thống được duy trì và cải tiến liên tục, nhằm kiểm soát tất cả các mối nguy và yếu tố tác động môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

AN TOÀN TRONG CÔNG NGHỆ – THIẾT BỊ

- ★ Hầu hết các thiết bị như bồn, máy nén, trạm giảm áp có xuất xứ từ các nhà sản xuất hàng đầu của Canada, Mỹ, Đức, Ý, Anh, với công nghệ hiện đại, tiên tiến, giúp giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.
- ★ Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG với quá trình thao tác đơn giản, tự động hóa cao.
- ★ Thiết bị được đăng ký kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng, cũng như được kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng.

AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT - VẬN HÀNH - VẬN CHUYỂN

- ★ Xây dựng các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Trạm trung tâm Mỹ Phước 3 và các trạm giảm áp (PRU), tiếp khí tại khách hàng: áp dụng, giám sát thực hiện, cập nhật thường xuyên.
- ★ Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí và con người điều khiển trước khi thực hiện, nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.
- ★ Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị theo đúng định kỳ, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.
- ★ Tổ chức huấn luyện, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn đầy đủ cho CBCNV, đưa văn hóa an toàn thấm nhuần đến từng CBCNV, đặc biệt là lực lượng sản xuất trực tiếp.
- ★ Thiết lập hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên và xây dựng quy chế hoạt động với mục đích đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động.
- ★ Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho mạng lưới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động cho Công ty.
- ★ Triển khai thực hiện chương trình 5S cho toàn thể CBCNV tại Văn phòng Công ty cũng như Chi nhánh Phú Mỹ, Chi nhánh miền Bắc. Chương trình bao gồm 5 bước: Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng và Sẵn sàng, với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở lên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.





AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN VÀ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

AN TOÀN TRONG CẤP KHÍ CHO KHÁCH HÀNG

Trước khi cấp khí:

- ★ Thực hiện khảo sát địa điểm để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn cho trạm con.
- ★ Lên bản vẽ chi tiết.
- ★ Cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh về phòng cháy chữa cháy, quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng.
- ★ Hỗ trợ khách hàng về đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn, hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.

Sau khi cấp khí:

- ★ Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật
- ★ Định kỳ khảo sát, đánh giá chất lượng và bảo dưỡng sửa chữa thiết bị.

SẴN SÀNG CHO TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

- ★ Phòng Kỹ thuật – An toàn chịu trách nhiệm chính trong việc xử lý khủng hoảng, các tình huống khẩn cấp, truyền thông kế hoạch ứng phó đến toàn thể CBCNV Công ty. Tùy mức độ, một nhóm xử lý khủng hoảng sẽ được thành lập với sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty để ứng phó và giải quyết.
- ★ Triển khai quy trình ứng phó với các tình huống khẩn cấp theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý ISO và OHSAS, xây dựng các bài tập tình huống khẩn cấp cụ thể và tổ chức tập luyện theo kế hoạch.
- ★ Định kỳ hàng năm, diễn tập PCCC có sự phối hợp của lực lượng Phòng cháy Chữa cháy tỉnh, Trung tâm Y tế dự phòng và các đơn vị trong ngành.
- ★ Thường xuyên tham vấn các cơ quan chức năng, thông báo đến cộng đồng địa phương về các hoạt động phòng cháy chữa cháy, diễn tập ứng phó sự cố...
- ★ Chuẩn bị sẵn sàng các vật tư, dụng cụ phòng chống lụt bão thiên tai và cách xử lý tình huống thiên tai gây ra



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

- ★ Hoạt động sản xuất được đảm bảo an toàn, lượng khí cấp cho các khách hàng đầy đủ và an toàn.
- ★ Trong năm đã xảy ra 2 vụ tai nạn/sự cố, gồm 01 vụ va quệt đối với phương tiện vận chuyển và 01 sự cố vận hành lái xe. Các vụ việc này đã tìm ra nguyên nhân, xử lý kỷ luật, kiểm điểm các cá nhân có liên quan.
- ★ Hoàn thành kế hoạch bảo hộ lao động cho CBCNV.
- ★ 100% CBCNV Văn phòng Công ty, Chi nhánh, các trạm con được đào tạo PCCC và tổ chức diễn tập các tình huống sự cố có thể xảy ra.
- ★ Hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa máy móc, thiết bị, phù hợp với quy định của nhà sản xuất và tình hình thực tế.
- ★ 100% máy móc/thiết bị/ phương tiện được kiểm định theo quy định của pháp luật.
- ★ Hoàn thành kế hoạch tập huấn ứng cứu khẩn cấp.



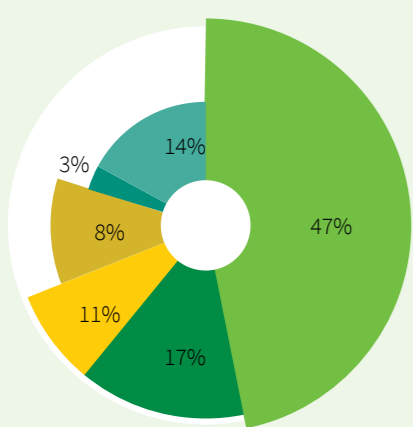
Công tác đảm bảo an toàn

	2015	2016
Cấp khí đầy đủ - an toàn cho khách hàng	Hoàn thành	Hoàn thành
Tai nạn lao động (Vụ)	0	2
Kế hoạch Bảo hộ Lao động	Hoàn thành	Hoàn thành
Công tác đào tạo PCCC	Hoàn thành	Hoàn thành
Kế hoạch bảo dưỡng	Hoàn thành	Hoàn thành
Kiểm định thiết bị/phương tiện	100%	100%
Tập huấn UCKC	Hoàn thành	Hoàn thành

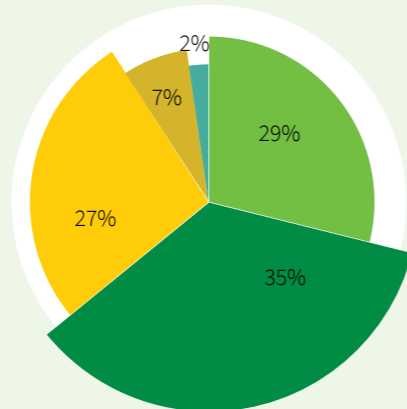


ƯU ĐÃI NGUỒN NHÂN LỰC

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CNG VIỆT NAM



Độ tuổi	Tỷ lệ
Thạc sỹ	3%
Đại học	47%
Cao đẳng	8%
Trung cấp	17%
Công nhân kỹ thuật	14%
Lái xe	11%

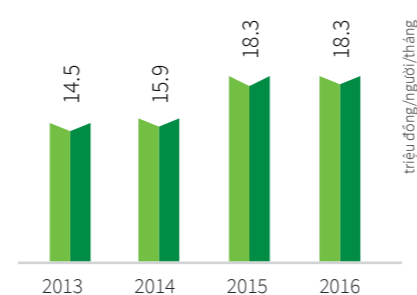


Độ tuổi	Tỷ lệ
Tuổi 21 - 30	29%
Tuổi 31 - 39	35%
Tuổi 40 - 49	27%
Tuổi 50 - 55	7%
Tuổi 56 - 60	2%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG TẠI CNG VIỆT NAM THEO GIỚI TÍNH

Chỉ tiêu	Nam	Nữ	Tỷ trọng Nữ
Hội đồng Quản trị	3	2	40,0%
Ban Giám đốc	6	1	14,3%
Ban Kiểm soát	1	2	66,7%
Tổng lực lượng lao động	193	46	19,2%

BẢNG THỐNG KÊ THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

CNG Việt Nam xây dựng môi trường làm việc đảm bảo các yếu tố sau: (1) Trân trọng giá trị lao động; (2) Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp; (3) Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện.

Trân trọng giá trị lao động:

- ★ Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện cho nhân viên chủ động trong công việc.
- ★ CBCNV luôn nhận được sự hỗ trợ tối đa từ phía Ban Tổng Giám đốc, Trưởng bộ phận khi có yêu cầu hoặc khi gặp khó khăn trong xử lý công việc.
- ★ Xây dựng quy chế tiền lương, tiền lương tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhằm xây dựng một cơ chế trả lương công bằng và hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Số lượng CBCNV được đề bạt, bổ nhiệm năm 2016

Chỉ tiêu	Số lượng	% Tổng lao động
Số lượt người được bổ nhiệm	15	6,3%
Số lượt người được giao nhiệm vụ	0	0,0%



★ Chính sách thi đua khen thưởng công bằng, cạnh tranh, phù hợp với đặc thù SXKD của Công ty, chính sách của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngoài những chế độ đãi ngộ cho nhân viên theo quy định của Nhà nước, Công ty còn phát triển chính sách khen thưởng, phúc lợi đặc thù như thưởng an toàn, đãi ngộ về y tế, bảo hiểm nhân thọ, ...

★ Xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng và cạnh tranh, tất cả CBCNV trong Công ty đều được đối xử công bằng, không phân biệt giới tính, tuổi tác, chủng tộc, thân thế, ...

★ Công ty luôn quan tâm đến hoạt động tinh thần của CBCNV, thường xuyên tổ chức: CLB bóng đá, tennis, cầu lông, bơi lội, CLB văn nghệ, phong trào Chung tay giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp, các hoạt động tham quan du lịch, vui chơi Trung thu cho thiếu nhi...

Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

- ★ Mọi nhân viên đều được tạo cơ hội một cách bình đẳng dựa trên năng lực.
- ★ Ưu tiên việc bổ nhiệm CBCNV trong cơ cấu công ty, chỉ tuyển mới khi lực lượng lao động thiếu hụt, hoặc do yêu cầu đặc thù công việc.
- ★ Định kỳ thực hiện đánh giá nhân viên, xác định điểm mạnh điểm yếu, điểm còn thiếu sót để lên kế hoạch đào tạo hiệu quả, xây dựng phát triển đội ngũ kế thừa.
- ★ Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu để phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt là năng lực quản lý.



ƯU ĐÃI NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC (tiếp theo)

Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện

Công ty sử dụng lao động trên cơ sở tuân thủ theo các quy định pháp luật lao động hiện hành và Thỏa ước lao động tập thể.

Người lao động thường xuyên được trao đổi với lãnh đạo về các vấn đề mà họ quan tâm thông qua Đoàn thanh niên, Công đoàn và định kỳ tại các cuộc đối thoại trực tiếp với người lao động hàng quý và tại Hội nghị người lao động hàng năm.

Áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 195/QĐ-CNG ngày 19/8/2013, cụ thể:

- ★ Việc lập kế hoạch SXKD hàng quý, năm được thực hiện từ các phòng, ban, đơn vị.

- ★ Công khai hóa kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của Công ty trước Hội nghị người lao động.
- ★ Ban lãnh đạo luôn tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty, thông qua các cấp quản lý đơn vị, các tổ công đoàn và trực tiếp người lao động.
- ★ Phát huy quyền dân chủ trực tiếp của Người lao động; tạo điều kiện để Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người lao động; ...

Bảng thống kê về lao động qua các năm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2016
1	Hợp đồng lao động					
a	Không xác định thời hạn	Người	97	131	161	174
b	Xác định thời hạn 1 – 3 năm	Người	74	54	65	63
c	Thời hạn ngắn hơn 01 năm	Người	4	4	0	2
2	Tỷ lệ nhân viên được ký hợp đồng lao động	%	100%	100%	100%	100%
3	Biến động về nhân viên					
a	Tuyển dụng mới	Người	16	19	37	18
b	Nghỉ việc, trong đó	Người	10	5	0	5
	Nghỉ hưu	Người	0	0	0	0
	Chấm dứt hợp đồng	Người	10	5	0	5

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN

Ban hành quy trình đào tạo – huấn luyện, đảm bảo lựa chọn đúng các khóa đào tạo và đối tượng đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng bám sát nhu cầu thực tế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, đáp ứng những đòi hỏi mới của yêu cầu SXKD.

Đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý như các khóa học “Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý cấp trung”, “Quản trị Công ty”...

Sau khi tham gia các khóa đào tạo, các cán bộ được đào tạo sẽ đào tạo lại cho các nhân viên khác theo mô hình đào tạo nội bộ.

Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về an toàn, về quy trình vận hành, quy trình phối hợp để đảm bảo an toàn trong vận hành và vận chuyển khí CNG.

Bảng thống kê hoạt động đào tạo của CNG Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Số lượng khóa đào tạo	Khóa	43	45	44	52
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	12	13	13	12
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	31	32	31	40
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	427	552	973	721
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	369	467	908	639
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	58	85	65	82
3	Số giờ đào tạo/nhân viên	Giờ	1,61	1,3	2,5	2,8
4	Chi phí dành cho hoạt động đào tạo					
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	1,90	1,20	1,81	3,6
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	0,75	1,20	2,18	3,34
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	39,5%	100,0%	120,9%	92,78%





AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

- ★ Đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng Công ty cho đến Nhà máy, Chi nhánh, trạm con. Phương tiện, công cụ bảo hộ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn theo Luật Bảo hộ lao động.
- ★ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm, như: an toàn lao động, PCCC, diễn tập PCCC.
- ★ Liên tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản lý tích hợp về An toàn - Sức khỏe - Môi trường và chất lượng trong tất cả các khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- ★ Triển khai chương trình 5S “Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng và Sẵn sàng”, với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở nên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.
- ★ Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người lao động, tới các cấp quản lý và người lao

động; đảm bảo 100% người lao động được quản lý hồ sơ sức khỏe và hỗ trợ y tế khi cần thiết

- ★ Công tác Vệ sinh lao động được tuân thủ theo Pháp luật, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chăm sóc sức khỏe cho người lao động

- ★ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV, khám sức khỏe cho CBCNV nữ và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại.
- ★ Khám tầm soát phát hiện, tư vấn điều trị, quản lý các bệnh có nguy cơ cao cho sức khỏe CBCNV như viêm gan siêu vi B, ung thư, lao...; chủ động phòng ngừa dịch bệnh theo các khuyến cáo y tế trên địa bàn như phòng chống sốt xuất huyết, HIV-AIDS, cúm...
- ★ Mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định và bảo hiểm trách nhiệm cao từ 80-180 triệu/ người/vụ cho người lao động; bảo hiểm cho người thân của CBCNV từ 50-150 triệu/ người/vụ; hỗ trợ bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức 1.000.000 đồng/người/ tháng.



Các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động năm 2016

TT	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ (*)	99.5% CBCNV
2	Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ	100% CBCNV
3	Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại	100% CBCNV
4	Bảo hiểm y tế	100% CBCNV
5	Bảo hiểm xã hội	100% CBCNV
6	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	100% CBCNV
7	Bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức ủng hộ của Công ty: 1.000.000 đồng/tháng/người	100% CBCNV

(*) Khám sức khỏe định kỳ chỉ đạt 99,5% CBCNV chủ yếu do 0,5% còn lại là CBCNV nữ nghỉ thai sản không tham gia.

Thống kê về chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp tại CNG Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Chi phí bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	Triệu đồng	709,27	771,34	842,49	852,03
2	Chi phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe	Triệu đồng	343,24	337,28	500	874,13
3	Số ca tai nạn lao động ảnh hưởng đến khả năng lao động	Ca	0	0	0	0



Bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề toàn cầu và là thành tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, quốc gia.

Không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn giúp định hình thương hiệu “sạch” cho sản phẩm khí CNG của Công ty.

GIẢI PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI

- ★ Áp dụng hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- ★ Kiểm soát và xử lý chất thải, nước thải.
- ★ Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.
- ★ Tiến hành đo đạc, kiểm tra để đánh giá chất lượng môi trường bên trong xưởng sản xuất và môi trường xung quanh theo định kỳ. Từ đó, đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhất để khắc phục ô nhiễm. Tần suất thực hiện: 6 tháng 1 lần.
- ★ Tiết kiệm năng lượng và nước.

ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 14001:2015

- ★ Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001 được Công ty áp dụng tích hợp cùng với Hệ thống quản lý An toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 và hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001. Công ty không ngừng hoàn thiện hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng các yêu cầu của phiên bản mới nhất, và trong năm 2016 đã được BSI Việt Nam chứng nhận đạt tiêu chuẩn Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001: 2015, thể hiện trách nhiệm cao của Công ty đối với các vấn đề môi trường.

KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI

	NGUỒN PHÁT SINH	BIỆN PHÁP XỬ LÝ
CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT	Hoạt động ăn uống, vệ sinh các nhân, sinh hoạt hằng ngày...	Bố trí hệ thống các thùng rác trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng rác thải sinh hoạt này bị vứt bỏ bừa bãi. Lượng rác thải này sẽ được Công ty Môi trường Đô thị Tân Thành thu gom hằng ngày.
CHẤT THẢI SẢN XUẤT KHÔNG NGUY HẠI	Quy trình hoạt động sản xuất của Công ty. Khu vực văn phòng của Công ty.	Chất thải được phân loại theo 4 nhóm: nhóm sản phẩm thuộc nhóm kim loại, nhựa, giấy, thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng (bao bì và thùng giấy, kim loại đóng gói sản phẩm,...) được thu gom, cho vào bao tải và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Chất thải công nghiệp không có khả năng tái chế sẽ được thu gom riêng, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
CHẤT THẢI SẢN XUẤT NGUY HẠI	Quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, phát sinh từ hoạt động sản xuất, từ quá trình vệ sinh nhà xưởng định kỳ.	Phân loại và đóng gói theo từng chủng loại và trong các bao bì thích hợp, đáp ứng được yêu cầu về an toàn kỹ thuật và được dán nhãn theo quy định. Được lưu trữ trong thời gian ngắn, tại khu vực an toàn riêng biệt, có rào chắn và biển báo; sau đó yêu cầu đơn vị đã ký kết hợp đồng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hà Lộc để vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại theo thông tư 36/2015/TT-BTNMT.
NƯỚC THẢI SINH HOẠT	Hoạt động hằng ngày của CBCNV như: nước thải từ nhà vệ sinh, nước rửa chân tay, nước tưới cây, rửa phương tiện vận chuyển...	Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh. Sau đó được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Mỹ 1 để xử lý cho đạt yêu cầu mới thải ra môi trường. Công ty cũng có hợp đồng xử lý nước với Ban quản lý KCN.



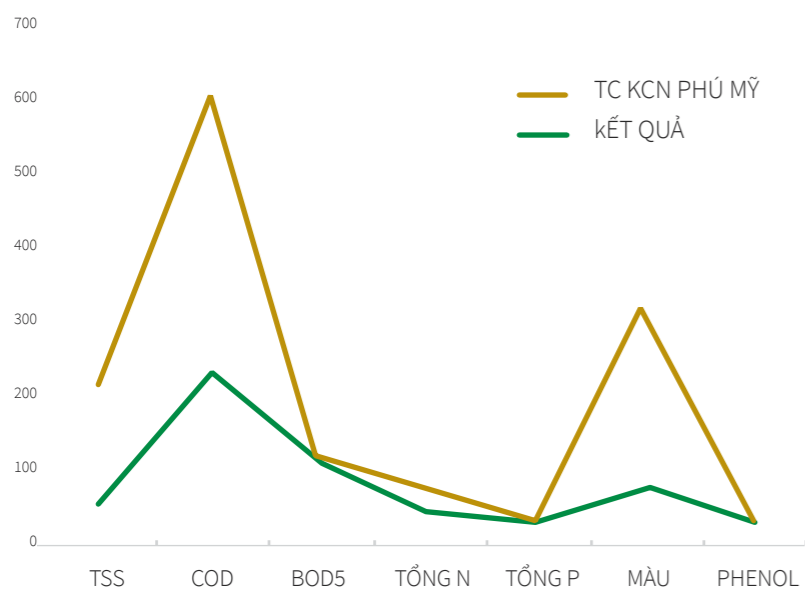


TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

BẢNG TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT THẢI TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TẠI CNG VIỆT NAM

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên				
Chất thải rắn	372 kg/năm	1.000 kg/năm	670 kg/năm	2.837 kg/năm
Chất thải lỏng	3.360 kg/năm	4.000 kg/năm	3.860 kg/năm	3.981 kg/năm
2 Chất thải thông thường				
Chất thải rắn	1.180 kg/năm	1.680 kg/năm	1.500 kg/năm	2.808 kg/năm
Chất thải lỏng bùn	n/a	n/a	n/a	n/a
3 Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải				
Thải vào khu xử lý chung của KCN	10.322,80 m ³ /năm	740,00 m ³ /năm	5.109 m ³ /năm	6.052 m ³ /năm

BIỂU ĐỒ SO SÁNH KẾT QUẢ NƯỚC THẢI



Biểu đồ kết quả phân tích nước thải đầu ra tại hố gas cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt tiêu chuẩn, nằm trong giới hạn cho phép xả thải ra KCN theo tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ 1

KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

NGUỒN PHÁT SINH	BIỆN PHÁP XỬ LÝ
HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN	<ul style="list-style-type: none"> ★ Quy định khu vực làm riêng cho từng loại xe, không chờ quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt. ★ Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí. ★ Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí. ★ Đường nội bộ, sân bãi được tráng nhựa và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra. ★ Không cho xe nổ trong khi chờ bốc hàng.
HOẠT ĐỘNG CỦA MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG	<ul style="list-style-type: none"> ★ Máy phát điện chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng được công ty áp dụng như sau: ★ Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp hơn 0,25% (dầu DO) để giảm nồng độ SO₂ trong khí thải. ★ Phòng đặt máy phát điện sẽ được xây dựng đúng kỹ thuật và được đặt tại các vị trí thích hợp nhằm hạn chế sự tác động đến môi trường xung quanh và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung. ★ Máy phát điện nhà máy sử dụng là loại mới (100%) có trang bị các bộ phận giảm ồn, và rung nên hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, rung và lượng khói thải gây ô nhiễm. ★ Sử dụng biện pháp phát tán khí thải theo chiều cao nhằm pha loãng khí thải vào không khí. ★ Công ty ưu tiên sử dụng điện lưới vì lý do kinh tế và môi trường.



**TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
TRONG QUÁ TRÌNH
SẢN XUẤT**

- ★ Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của thiết bị máy móc.
- ★ Lắp đặt các bộ đệm chống ồn bằng cao su, kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh khi cần thiết, thường xuyên bảo trì theo định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất.
- ★ Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai hoặc bao tai chống ồn.
- ★ Sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sóc và hệ thống giảm chấn.
- ★ Gia cố nền móng đặt máy gây rung riêng, cách ly với nền móng của các công trình khác bằng hệ thống kết cấu đàn hồi giảm rung.
- ★ Khi thiết kế nền móng phải tính toán sao cho tần số dao động riêng của nền móng khác với tần số dao động của thiết bị nhằm không gây hiện tượng cộng hưởng rung động.
- ★ Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại ít gây rung.

Định kỳ 6 tháng/1 lần, Công ty tiến hành đo đạc, kiểm tra để đánh giá chất lượng môi trường bên trong xưởng sản xuất và môi trường xung quanh, và có những biện pháp hữu hiệu nhất để khắc phục ô nhiễm.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2016

KẾT QUẢ VI KHÍ HẬU VÀ TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (OC)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1 Khu vực sân nhà máy	60	30,7	70,8	0,7	ASTN
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-	-
2 Khu vực bên trong xưởng sản xuất	54	25,7	63,8	0,2	770
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002)	85	32	80	0,2 - 1,5	>200

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ KHU VỰC SẢN XUẤT

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO2	NO2	CxHy	H2S	Pb
Điểm đo							
1 Khu vực sân nhà máy	0,21	5,12	0,036	0,020	KPH	KPH	KPH
Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT) (QCVN 06:2009/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	5	0,042	-
2 Khu vực bên trong xưởng sản xuất	0,41	5,36	0,041	0,021	KPH	KPH	KPH
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT - 10/10/2002)	6	20	5	5	300	10	0,05

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI TẠI HỒ GA ĐẦU NỐI KCN

Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Phụ Mỹ I
1 pH	-	6,52	5 - 9
2 TSS	mg/l	30	200
3 COD	mg/l	212	600
4 BOD5	mg/l	90	100
5 Tổng N	mg/l	29,56	50
6 Tổng P	mg/l	6,24	8
7 Màu	Co-Pt	56,3	300
8 Phenol	mg/l	KPH (10-3)	0,5
9 Tổng Coliform	MPN/100ml	5.800	10.000

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

- ★ CNG Việt Nam, từ năm 2014, đã triển khai và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 và thực hiện kiểm toán năng lượng cho toàn bộ Nhà máy và các trạm con.
- ★ Thành lập Ban quản lý năng lượng, ban hành và xây dựng một số nội quy sử dụng trong Công ty nhằm buộc CBCNV phải có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện, nước đảm bảo cho việc tiết kiệm đi vào nề nếp, ổn định và lâu dài.
- ★ Thay thế hệ thống chiếu sáng hiện tại bằng hệ thống đèn LED hiệu suất cao, giúp tiết kiệm đến 50% năng lượng.
- ★ Thay thế dần các máy lạnh cũ bằng máy sử dụng công nghệ Inverter tiết kiệm năng lượng, giúp tiết kiệm 30% lượng điện năng tiêu thụ.
- ★ Nghiên cứu phương án tối ưu vận chuyển khí đến khách hàng để tiết kiệm việc sử dụng nhiên liệu.
- ★ Mở rộng mô hình trạm cấp khí trung tâm (Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3), giúp tối ưu hóa việc cấp khí cũng như giảm bớt quá trình vận chuyển khí đến từng khách hàng trong cùng KCN.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Dù sản lượng tiêu thụ khí CNG năm 2016 tăng 26,8% so với năm 2015 đạt 119,6 triệu Sm3, nhưng nhờ những phương án tiết kiệm hiệu quả đã giúp:

- ★ Lượng dầu Diesel tiêu thụ giảm 1,5% so với năm 2015 xuống còn 641.248 lít, giúp tiết kiệm 765 triệu đồng.
- ★ Tiêu thụ xăng giảm 20,8% xuống còn 75.000 lít, giúp tiết kiệm 477 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ nhớt PLC
- ★ Komart giảm 49,7% xuống còn 4.104 lít, giúp tiết kiệm gần 400 triệu đồng.
- ★ Sản lượng nước sinh hoạt tiêu thụ giảm 1,9%, xuống còn 8.945 m3.



BẢNG TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠI CNG VIỆT NAM

Tên vật tư	ĐVT	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Dầu Diesel 0.05	lít	385.587	7.674.657.695	364.964	7.245.445.269	650.893	8.771.782.557	641.248	6.713.526.454
Nhớt PLC Komart	lít	3.942	183.163.638	4.764	221.114.279	8.155	548.411.169	4.104	219.144.546
Xăng Mogas A92	lít	55.483	1.197.879.441	94.051	2.057.250.910	94.690	1.534.910.408	75.000	1.057.382.177
Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3	Kwh	5.717.400	8.475.523.156	6.097.200	9.096.039.377	7.264.140	11.305.089.631	8.288.375	12.899.093.097
Nước sinh hoạt	m ³	13.531	117.145.610	5.025	50.100.770	9.117	87.914.250	8.945	86.254.302

SÁNG KIẾN CẢI TIẾN SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với mục tiêu hợp lý hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, vận hành và khai thác thiết bị, Hội đồng Khoa học – Công nghệ Công ty đã phát động phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Năm 2016, Hội đồng đã công nhận 12/18 sáng kiến, trong đó:

★ 05 sáng kiến, cải tiến được công nhận cấp Công ty CNG Việt Nam.

★ 07 sáng kiến, cải tiến được đề xuất bình xét cấp Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Một số sáng kiến đáng chú ý gồm có:

★ Lắp đặt hệ thống thu hồi khí xả vent trạm 250 bar: Tiết kiệm mỗi năm trung bình 534 mmBTU tương đương 3.000USD; giảm tiếng ồn khi xả khí; giảm tác động môi trường khi tháo couple link.

★ Chế tạo bộ điều khiển nhiệt độ Boiler trạm PRU Enric: Thay thế bộ điều khiển boiler không còn sản xuất trên thị trường và dự phòng trong trường hợp bộ điều khiển hiện tại bị hỏng.

★ Chế tạo vật tư Valve seat và nút trong Dome loading thay thế vật tư Regulator 5041 nhập khẩu: Giảm chi phí nhập khẩu.

★ Xử lý khe hở cổ chai với gối đỡ của bồn Enric bằng gối đỡ phụ: Nâng cao tuổi thọ, tăng tính an toàn cho thiết bị.

★ Đấu nối nguồn điện ưu tiên cho trụ nạp xe bus Mỹ Phước 3: Chủ động trong sản xuất, không bị ảnh hưởng khi mất điện lưới.

★ Gia công sửa chữa van hút, van xả máy nén để tái sử dụng: Tiết kiệm chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

★ Lắp thêm 01 đường ống (Header) từ máy nén 03 trạm 200 bar song song với ống góp hiện hữu để nạp khí độc lập cho xe đầu kéo: Tiết kiệm thời gian chờ nạp khí, chủ động thời gian nạp khí cho bồn.

★ Lắp đặt hệ thống chuyển đổi nguồn điện giữa bộ lưu UPS và điện lưới để cấp nguồn cho tủ điều khiển các trạm

PRU: Đảm bảo luôn có nguồn điện cho tủ điều khiển trong trường hợp hỏng UPS để cấp khí liên tục cho khách hàng.

★ Lắp nắp bảo vệ đầu coupling tại trạm: Giúp nâng cao tuổi thọ coupling.

★ Lắp đặt thêm hệ thống cảnh báo boiler và bơm nước tuần hoàn cho trạm PRU enric: Tránh được sự cố đóng băng trên đường ống, cấp khí ổn định cho khách hàng.



ĐÓNG GÓP KINH TẾ

Năm 2016, Công ty đã cung cấp 119,6 triệu Sm³, góp phần không nhỏ trong việc ổn định nhiên liệu CNG sạch cho nhiều doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, thực phẩm...; đồng thời thu về doanh thu thuần đạt gần 891 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn các khoản thu khác từ doanh thu tài chính, doanh thu khác với giá trị 7,6 tỷ đồng, giúp nâng tổng doanh thu năm 2016 đạt 898 tỷ đồng.

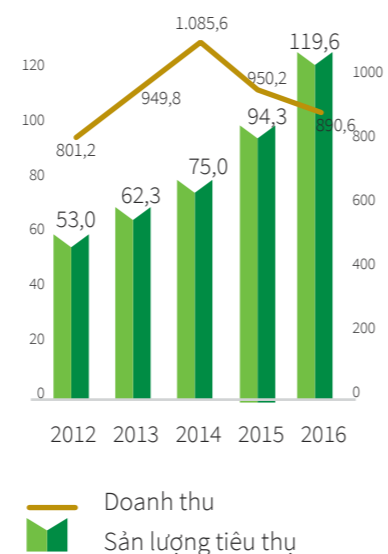
Giá trị kinh tế phân phối của CNG Việt Nam được thể hiện qua:

- ★ Chi trả các chi phí hoạt động cho các bên cung cấp nhiên liệu đầu vào, khấu hao tài sản cố định, người lao động... với tổng chi phí trong năm là 750 tỷ đồng. Trong đó:
- ★ Chi trả lương và phúc lợi cho CBCNV: 60,68 tỷ đồng.
- ★ Chi trả lãi vay cho các bên cung cấp vốn vay: 6,15 tỷ đồng.
- ★ Chi cho hoạt động đầu tư tài sản cố định trong năm là 32,65 tỷ đồng.
- ★ Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, tương ứng 81 tỷ đồng.
- ★ Tổng các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước trong năm là gần 62,1 tỷ đồng.

ĐÓNG GÓP KINH TẾ

Chi tiêu	ĐVT	2015	Năm 2016
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	959	898
Tổng chi phí cho hoạt động sản xuất	Tỷ đồng	814	750
<i>Chi phí lãi vay</i>	Tỷ đồng	6,11	6,15
<i>Chi phí lương thưởng cho CBCNV</i>	Tỷ đồng	57,6	60,68
Thuế đã nộp cho nhà nước	Tỷ đồng	53,07	62,06
Cổ tức chi trả cho cổ đông	Tỷ đồng	81	81
Chi cho công tác đầu tư tài sản cố định	Tỷ đồng	122,64	32,65
Chi cho công tác cộng đồng	Tỷ đồng	1,02	2,03

62 TỶ ĐỒNG
TỔNG CÁC KHOẢN THUẾ
ĐÃ NỘP CHO NHÀ NƯỚC
TRONG NĂM 2016



TRÁCH NHIỆM
VỚI CỘNG ĐỒNG



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG



2

HƠN 2 TỶ ĐỒNG
CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng mà Công ty hướng đến. Năm 2016, Công ty đã chi tổng cộng hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng-xã hội, tiêu biểu có các chương trình:

- ★ Hỗ trợ mổ tim cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn theo chương trình “Trái tim cho em” với tổng số tiền là 928 triệu đồng.
- ★ CBCNV Công ty làm thêm ủng hộ một ngày lương với tổng số tiền là 260 triệu đồng để thăm và trao quà cho các gia đình gặp thiên tai lũ lụt tại miền Trung.
- ★ Nhiều hoạt động khác đầy ý nghĩa như: Viếng nghĩa trang liệt sỹ nhân dịp ngày 27/7; Thăm và tặng quà cho gia đình có công với cách mạng tại huyện Châu Đốc – An Giang, xã Suối Nghệ-Châu Đức và xã Mỹ Xuân-Tân Thành; Quyên góp ủng hộ học sinh nghèo, nấu và phát suất ăn miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Lê Lợi định kỳ 2 lần/tháng, Tổ chức chương trình “Về nguồn” cho đoàn viên,....

★ Phong trào “Thanh niên CNG Việt Nam vì một môi trường xanh” với chuỗi hoạt động cụ thể như: đạp xe đạp đi làm vào thứ 5 hàng tuần, đạp xe đạp vòng quanh thành phố Vũng Tàu để tuyên truyền bảo vệ môi trường và quảng bá hình ảnh Công ty, thu gom rác tại bờ biển nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, trồng và chăm sóc cây xanh tại trạm Mỹ Phước và các trạm con,...





06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

- 124 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 126 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 128 Bảng cân đối kế toán
- 130 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 131 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 132 Thuyết minh báo cáo tài chính



Minh Bạch ĐỂ CÙNG VƯỜN CAO



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "**Công ty**") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Văn Thực	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2016)
Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Văn Nghị	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Vũ Văn Thực	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2016)
Ông Đặng Văn Vĩnh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Quang Đán	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Nguyên Vũ	Phó Giám đốc
Ông Trương Mạnh Thăng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)

BAN KIỂM SOÁT

Ông Huỳnh Lâm Kiệt	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Loan Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ★ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ★ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ★ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ★ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ★ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



VŨ VĂN THỰC
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2017



**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ ĐÌNH TỬ
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

PHẠM THU THÙY
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 2259-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 27 tháng 02 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		500.544.254.289	465.633.340.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	342.673.472.949	281.710.813.470
1. Tiền	111		18.773.472.949	32.310.813.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		323.900.000.000	249.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	13.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.086.387.832	135.602.339.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	106.258.851.793	132.158.317.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.688.852.306	4.945.987.381
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.121.505.453	1.750.218.889
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.982.821.720)	(3.252.184.595)
IV. Hàng tồn kho	140		42.038.312.846	26.446.863.900
1. Hàng tồn kho	141	9	42.038.312.846	26.446.863.900
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.746.080.662	8.873.324.208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	7.495.420.821	8.347.026.069
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.250.659.841	524.215.318
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	2.082.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.367.042.486	178.162.866.544
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.927.000.000	936.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.927.000.000	936.000.000
II. Tài sản cố định	220		142.672.404.911	170.817.116.061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	142.525.687.323	170.390.481.805
- Nguyên giá	222		711.625.098.491	679.452.127.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(569.099.411.168)	(509.061.645.896)
2. Tài sản cố định vô hình	227		146.717.588	426.634.256
- Nguyên giá	228		1.009.806.700	1.009.806.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(863.089.112)	(583.172.444)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.767.637.575	6.409.750.483
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	4.767.637.575	6.409.750.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		649.911.296.775	643.796.207.161

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		185.319.914.805	245.059.826.377
I. Nợ ngắn hạn	310		157.297.948.961	201.176.465.912
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	96.642.193.336	100.003.964.075
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.477.874.058	7.050.802.250
3. Phải trả người lao động	314		6.224.744.849	9.890.753.381
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	9.566.189.146	1.462.174.315
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	626.627.677	43.098.147.358
6. Vay ngắn hạn	320	17	30.839.581.662	38.121.860.356
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.920.738.233	1.548.764.177
II. Nợ dài hạn	330		28.021.965.844	43.883.360.465
1. Vay và nợ dài hạn	338	17	16.614.683.724	36.928.912.826
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	4.452.834.481	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.954.447.639	6.954.447.639
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		464.591.381.970	398.736.380.784
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	464.591.381.970	398.736.380.784
1. Vốn góp của cổ đông	411		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.179.045.649	3.554.581.745
4. Cổ phiếu quỹ	415		(3.270.000)	(3.270.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.972.247.531	46.226.828.725
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.747.678.790	71.638.096.410
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.459.072.048	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		111.288.606.742	71.638.096.410
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		649.911.296.775	643.796.207.161

TRẦN NGỌC LAN
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THỰC
Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2017



Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng	01	22	890.566.896.229	950.207.897.486
2 Doanh thu thuần về bán hàng	10		890.566.896.229	950.207.897.486
3 Giá vốn hàng bán	11	23	652.063.007.671	717.534.764.477
4 Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20		238.503.888.558	232.673.133.009
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.448.617.947	8.699.779.960
6 Chi phí tài chính	22	26	6.155.032.345	6.216.468.597
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.154.516.119	6.107.955.735
7 Chi phí bán hàng	25	27	26.332.102.520	18.784.468.100
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	62.971.342.081	70.220.675.819
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		150.494.029.559	146.151.300.453
10 Thu nhập khác	31		133.808.180	32.563.637
11 Chi phí khác	32		2.886.264.717	1.105.498.429
12 Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(2.752.456.537)	(1.072.934.792)
13 Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		147.741.573.022	145.078.365.661
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	25.810.853.372	25.115.396.372
15 Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	1.642.112.908	1.235.875.260
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		120.288.606.742	118.727.094.029
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	3.900	3.942

TRẦN NGỌC LAN
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THỰC
Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2017



Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	147.741.573.022	145.078.365.661
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	60.815.179.999	64.229.387.506
Các khoản dự phòng	03	4.183.471.606	(3.777.406.913)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.978.031)	4.936.474
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.499.786.890)	(8.556.879.660)
Chi phí lãi vay	06	6.154.516.119	6.107.955.735
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	211.386.975.825	203.086.358.803
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	22.361.056.002	16.583.228.874
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(15.591.448.946)	(4.515.290.815)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(8.510.636.870)	(21.399.757.774)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	851.605.248	(831.269.068)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.202.556.646)	(6.099.381.339)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.850.189.788)	(25.059.565.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	181.444.804.825	161.764.323.648
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(32.670.468.849)	(122.591.837.307)
2 Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	61.500.000	
3 Tiền thu hồi do bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.000.000.000	27.000.000.000
4 Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.421.707.268	8.663.011.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.187.261.581)	(86.928.825.914)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1 Tiền thu từ đi vay	33	14.705.181.872	92.721.764.163
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.301.689.668)	(80.230.753.820)
3 Cổ tức đã trả	36	(80.706.354.000)	(94.508.169.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(108.302.861.796)	(82.017.159.557)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	60.954.681.448	(7.181.661.823)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	281.710.813.470	288.734.892.821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.978.031	157.582.472
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	342.673.472.949	281.710.813.470

TRẦN NGỌC LAN
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THỰC
Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2017



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“PVGas”), Utilico Emerging Markets Limited và Halley Sicav - Halley Asian Prosperity với tỷ lệ sở hữu cổ phần lần lượt là 56%, 10,44% và 9,63%. Các cổ đông khác sở hữu 23,93% cổ phần còn lại của Công ty.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian hoạt động của dự án 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 237 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 226 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 15, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; 01 văn phòng giao dịch tại Tầng 7, Số 61B Đường 30 Tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu và 02 chi nhánh phụ thuộc.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đối với số liệu so sánh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và dự phòng phải trả dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tuổi nợ của các nhóm nợ. Cụ thể như sau:

Nợ quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 11 ngày đến dưới 6 tháng	20%
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	3 - 6

Từ năm 2015, đối với các tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nhân sự. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba năm đến mười năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí quảng cáo và chi phí bảo hiểm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chi để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	664.963.422	240.044.429
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.108.509.527	32.070.769.041
Các khoản tương đương tiền	323.900.000.000	249.400.000.000
	342.673.472.949	281.710.813.470

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất tiền gửi từ 4,3% đến 5,2% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4% đến 4,8% một năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH URC Viet Nam	3.977.188.454	14.770.949.622
Công ty CP Khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng ("VLXD") Trung Nguyên	6.506.863.397	12.250.972.559
Công ty TNHH Thiết bị Hệ Thống LPG	7.993.088.315	9.322.933.765
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật Phúc Sang Minh	10.544.102.698	9.924.037.190
Công ty TNHH Thép KYOEI Việt Nam	11.478.665.707	4.631.848.746
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	17.273.677.918	11.590.839.126
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	-	6.001.144.916
Các khoản phải thu khách hàng khác	48.485.265.304	63.665.591.440
	106.258.851.793	132.158.317.364

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	1.121.505.453	1.750.218.889
- Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	578.497.222	561.917.600
- Thuế giá trị gia tăng của chi phí trích trước	16.645.200	
- Tạm ứng cho nhân viên	222.928.000	219.500.000
- Ký cược, ký quỹ	300.000.000	945.000.000
- Phải thu khác	3.435.031	23.801.289
b. Dài hạn	1.927.000.000	936.000.000
- Ký cược, ký quỹ	1.927.000.000	936.000.000
	3.048.505.453	2.686.218.889

8. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu từ 11 ngày đến 6 tháng						
★ Công ty Cổ phần Tôn Đông Á				2.566.413.394	2.053.130.715	513.282.679
★ Công ty TNHH American Home Việt Nam	3.897.790.058	3.118.232.046	779.558.012	2.183.473.466	1.746.778.773	436.694.693
★ Công ty CP Khai thác Khoáng sản và Sản xuất VLXD Trung Nguyên	2.068.412.323	1.654.729.858	413.682.465	5.641.042.262	4.512.833.810	1.128.208.452
★ Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm	4.035.845.215	3.228.676.172	807.169.043	2.568.048.819	2.054.439.055	513.609.764
★ Công ty TNHH MTV SX VLXD Đồng Tâm	2.675.745.754	2.140.596.603	535.149.150	981.830.083	785.464.066	196.366.017
★ Công ty CP Đồng Tâm Dotalia	2.236.315.248	1.789.052.198	447.263.050	624.498.492	499.598.793	124.899.699
★ Các khách hàng khác				1.450.805.046	1.111.681.755	339.123.291
	14.914.108.598	11.931.286.877	2.982.821.720	16.016.111.562	12.763.926.967	3.252.184.595

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu	23.475.573.184	22.233.192.640
Công cụ, dụng cụ	213.782.629	97.565.688
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.348.957.033	4.116.105.572
	42.038.312.846	26.446.863.900

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí quảng cáo trả trước	2.834.249.996	3.993.194.400
Chi phí bảo hiểm trả trước	4.661.170.825	4.353.831.669
	7.495.420.821	8.347.026.069



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	28.327.423.571	216.126.192.803	433.464.475.342	1.534.035.985	679.452.127.701
Tăng trong năm	-	427.300.000		448.134.910	875.434.910
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	31.795.033.939		-	31.795.033.939
Phân loại lại		56.172.333	(56.172.333)	-	
Thanh lý trong năm		(497.498.059)			(497.498.059)
Số dư cuối năm	28.327.423.571	247.907.201.016	433.408.303.009	1.982.170.895	711.625.098.491
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.582.246.272	167.267.232.867	331.304.565.208	907.601.549	509.061.645.896
Khấu hao trong năm	925.432.884	25.070.443.391	34.164.149.777	375.237.279	60.535.263.331
Thanh lý trong năm		(497.498.059)			(497.498.059)
Số dư cuối năm	10.507.679.156	191.840.178.199	365.468.714.985	1.282.838.828	569.099.411.168
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	18.745.177.299	48.858.959.936	102.159.910.134	626.434.436	170.390.481.805
Tại ngày cuối năm	17.819.744.415	56.067.022.817	67.939.588.024	699.332.067	142.525.687.323

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 81.335.496.245 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 124.787.345.750 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 457.151.197.115 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 423.094.658.028 đồng).

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Thuế suất ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất thông thường	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Chịu thuế suất ưu đãi		1.178.354.412
- Chịu thuế suất thông thường	4.767.637.575	5.231.396.071
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.767.637.575	6.409.750.483

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng các khoản phải trả người bán ngắn hạn	96.642.193.336	96.642.193.336	100.003.964.075	100.003.964.075
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	72.950.343.094	72.950.343.094	82.806.050.165	82.806.050.165
- Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	68.677.748.307	68.677.748.307	66.987.135.161	66.987.135.161
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	4.127.559.187	4.127.559.187	15.571.483.623	15.571.483.623
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam- Chi nhánh Miền Đông	145.035.600	145.035.600	142.667.400	142.667.400
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP Công ty Dịch vụ Khí	-	-	104.763.981	104.763.981
b. Phải trả người bán là bên thứ ba	23.691.850.242	23.691.850.242	17.197.913.910	17.197.913.910

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	789.685.286	31.543.471.562	32.333.156.848	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.568.864.428	25.810.853.372	22.850.189.788	8.529.528.012
Thuế thu nhập cá nhân	692.252.536	6.823.652.986	5.567.559.476	1.948.346.046
Thuế khác	-	1.307.937.056	1.307.937.056	-
	7.050.802.250	65.485.914.976	62.058.843.168	10.477.874.058

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước lãi vay	64.298.106	112.338.633
Trích trước chi phí sử dụng thương hiệu	1.450.783.657	-
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.064.280.395	-
Các khoản trích trước khác	5.986.826.988	1.349.835.682
	9.566.189.146	1.462.174.315

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn		128.834.413
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	292.665.000	40.499.509.500
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được		1.795.675.021
Phải trả khác	333.962.677	674.128.424
	626.627.677	43.098.147.358



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

17. CÁC KHOẢN VAY

	Các khoản vay dài hạn VND
Số đầu năm	
- Giá trị	75.050.773.182
- Số có khả năng trả nợ	75.050.773.182
Trong năm	
- Tăng trong năm	14.705.181.872
- Giảm	42.301.689.668
Số cuối năm	
- Giá trị	47.454.265.386
- Số có khả năng trả nợ	47.454.265.386

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

Tại ngày 08 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”) Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”) để tài trợ mua 10 bồn phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 49.900.000.000 đồng và đáo hạn trong vòng 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng quý với mức lãi suất là 9%/năm cho lần giải ngân đầu tiên chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi tiền vay sau đó được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi vay cơ sở của khoản vay trung hạn áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp cộng với biên độ 1,35%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số VTU20156141/HĐTC ngày 08 tháng 6 năm 2015. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền 47.844.184.000 đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của khoản vay này là 24.143.649.002 đồng.

Trong năm 2015, Công ty ký các hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP An Bình (“ABBank”) để tài trợ cho các dự án đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng lần lượt là 17.040.000.000 đồng, 8.142.000.000 đồng và 15.293.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm cho kỳ giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần theo chính sách của Ngân hàng. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền lần lượt là 9.023.920.740 đồng, 5.712.060.000 đồng và 14.242.428.320 đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các khoản vay này là 21.528.283.384 đồng..

Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”) để tài trợ cho dự án đầu tư 01 trạm biến áp 3000KVA phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 1.944.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất huy động tiền gửi 12 tháng cộng biên độ 1,5%. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền là 1.944.000.000 đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của khoản vay này là 1.782.333.000 đồng.

17. CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

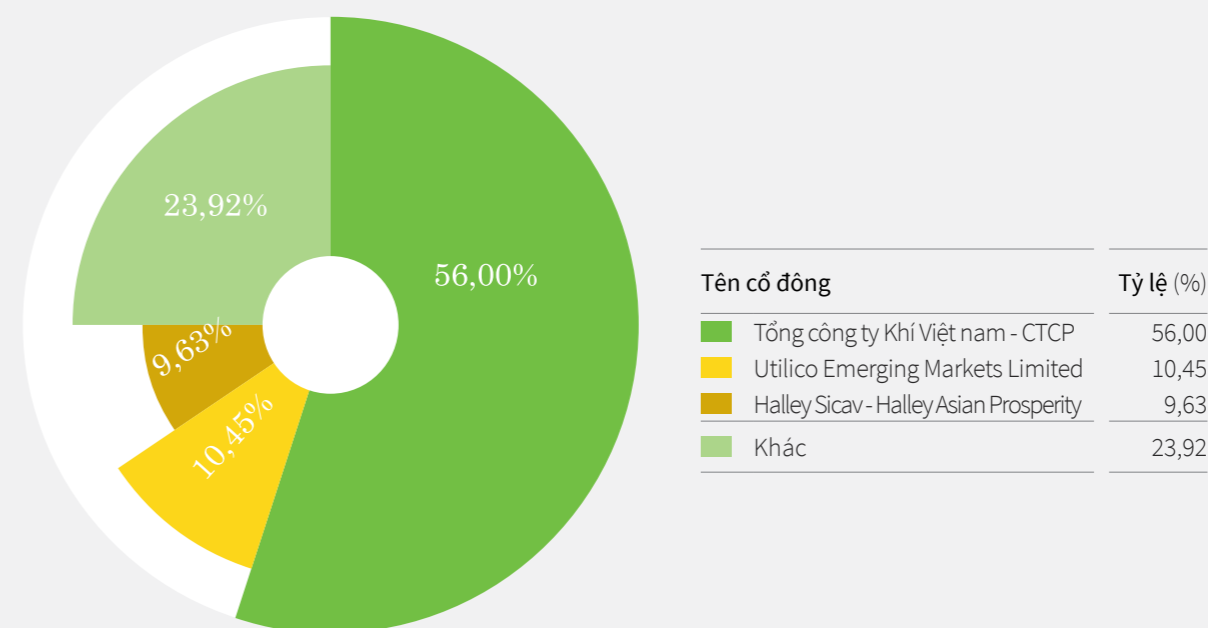
Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	30.839.581.662	38.121.860.356
Trong năm thứ hai	16.614.683.724	25.821.403.876
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	11.107.508.950
	47.454.265.386	75.050.773.182
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	30.839.581.662	38.121.860.356
Số phải trả sau 12 tháng	16.614.683.724	36.928.912.826

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, được trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016.

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN CUỐI NĂM 2016





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của cổ đồng VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	270.000.000.000	1.695.680.000	3.554.581.745	(3.270.000)	40.602.364.821	116.518.422.421	432.367.778.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	118.727.094.029	118.727.094.029
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(134.998.365.000)	(134.998.365.000)
Phân phối quỹ	-	-	5.624.463.904	-	5.624.463.904	(28.609.055.040)	(17.360.127.232)
Số dư đầu năm nay	270.000.000.000	1.695.680.000	9.179.045.649	(3.270.000)	46.226.828.725	71.638.096.410	398.736.380.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	120.288.606.742	120.288.606.742
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(40.499.509.500)	(40.499.509.500)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	23.745.418.806	37.679.514.862)	(13.934.096.056)
Số dư cuối năm nay	270.000.000.000	1.695.680.000	9.179.045.649	(3.270.000)	69.972.247.531	113.747.678.790	464.591.381.970

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2015 là 30%/mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 với tỉ lệ 15%/mệnh giá cổ phần (Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 với tỉ lệ 15%/mệnh giá cổ phần trong tháng 12 năm 2015). Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2015 cho cổ đông bằng tiền mặt với tổng số tiền là 80.706.354.000 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 23.745.418.806 đồng và 4.934.096.056 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016. Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 9.000.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế cho năm 2016 dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	26.999.673	26.999.673
+ Cổ phiếu quỹ	327	327

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Tổng công ty khí Việt Nam-CTCP	151.200.000.000	56,00	149.042.630.000	55,20
Utilico Emerging Markets Limited	28.200.000.000	10,44	28.200.000.000	10,44
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	26.009.400.000	9,63	26.009.400.000	9,63
Cổ đông khác	64.590.600.000	23,93	66.747.970.000	24,73
	270.000.000.000	100	270.000.000.000	100

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	2.981,88	82.659,03

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí CNG. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 22 và số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

22. DOANH THU BÁN HÀNG

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán khí CNG trong năm..

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán là giá vốn của khí CNG đã bán trong năm.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	62.468.927.377	57.048.555.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.792.985.087	63.125.628.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.540.981.953	204.109.429.519
Chi phí khác bằng tiền	11.913.456.261	21.316.116.707
	408.716.350.678	345.599.730.017

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	7.438.286.890	8.556.879.660
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.331.057	142.900.300
	7.448.617.947	8.699.779.960

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.154.516.119	6.107.955.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá	516.226	108.489.470
Khác		23.392
	6.155.032.345	6.216.468.597

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:		
- Chi phí nhân viên quản lý	23.556.548.457	18.283.945.815
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.378.317.029	488.418.095
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.420.507.463	1.322.818.284
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.832.673.095	14.164.395.319
- Các khoản chi khác	22.783.296.037	39.738.505.219
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(3.777.406.913)
	62.971.342.081	70.220.675.819
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.615.360.978	2.756.741.398
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.681.048.674	9.600.664.615
- Các khoản chi phí khác	7.035.692.868	6.427.062.087
	26.332.102.520	18.784.468.100
	89.303.444.601	89.005.143.919



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.848.519.003	25.115.396.372
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	962.334.369	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.810.853.372	25.115.396.372
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.642.112.908	1.235.875.260
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.642.112.908	1.235.875.260

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	147.741.573.022	145.078.365.661
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không tính thuế</i>	23.779.960.162	18.029.578.629
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	17.307.150.765	10.114.473.594
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	141.268.763.625	137.163.260.626
<i>Thu nhập tính thuế suất thông thường 22%</i>	-	94.992.252.579
<i>Thu nhập tính thuế suất thông thường 20%</i>	107.216.426.412	-
<i>Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 10%</i>	34.052.337.213	42.171.008.047
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.848.519.003	25.115.396.372

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 02 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 06 năm tiếp theo (từ năm 2011).

Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	120.288.606.742	118.727.094.029
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.000.000.000)	(12.300.000.000)
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (i)</i>	(15.000.000.000)	(12.300.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	105.288.606.742	106.427.094.029
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.999.673	26.999.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.900	3.942

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016..

Trình bày lại số liệu năm trước

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2015 dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.993	(51)	3.942

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.275.782.936	1.512.183.440

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong vòng một năm	1.628.374.400	946.396.080
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.246.561.600	2.796.018.363
Sau năm năm	9.230.000.000	9.449.579.166
	14.104.936.000	13.191.993.609

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê văn phòng tại Hà Nội. Chi tiết như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

- ★ Tổng số tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 Đô la Mỹ/m² theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và các phụ lục kèm theo.
- ★ Tổng số tiền thuê văn phòng và căn hộ tại Hà Nội, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 47.927.840 đồng theo các hợp đồng thuê số 3/1/2015/HDTVP ngày 03 tháng 3 năm 2015.
- ★ Tổng số tiền thuê văn phòng và các căn hộ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam với giá thuê từ 8.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng, đáo hạn hàng năm tùy theo nhu cầu sử dụng của Công ty.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	47.454.265.386	75.050.773.182
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	342.673.472.949	281.710.813.470
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	464.591.381.970	398.736.380.784
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	342.673.472.949	281.710.813.470
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.101.607.526	131.372.851.658
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	-	13.000.000.000
	448.775.080.475	426.083.665.128
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	47.454.265.386	75.050.773.182
Phải trả người bán và phải trả khác	97.268.821.013	143.102.111.433
Chi phí phải trả	9.566.189.146	1.462.174.315
Dự phòng phải trả dài hạn	4.452.834.481	-
	158.742.110.026	219.615.058.930

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	67.748.313	1.855.695.223	-	1.795.675.021

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Do hoạt động Công ty phát sinh chủ yếu bằng đồng Việt Nam và số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm không trọng yếu nên Công ty không thực hiện việc phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 949.085.308 đồng (năm 2015: 1.501.015.464 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty đã thực hiện đánh giá tình hình tài chính của khách hàng trước khi ký hợp đồng cung cấp khí, thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (xem chính sách trích lập dự phòng tại **Thuyết minh số 4**)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	342.673.472.949	-	342.673.472.949
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.174.607.526	1.927.000.000	106.101.607.526
	446.848.080.475	1.927.000.000	448.775.080.475
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	30.839.581.662	16.614.683.724	47.454.265.386
Phải trả người bán và phải trả khác	97.268.821.013	-	97.268.821.013
Chi phí phải trả	9.566.189.146	-	9.566.189.146
Dự phòng phải trả dài hạn	-	4.452.834.481	4.452.834.481
	137.674.591.821	21.067.518.205	158.742.110.026
Chênh lệch thanh khoản thuần	309.173.488.654	(19.140.518.205)	290.032.970.449
31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	281.710.813.470	-	281.710.813.470
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.436.851.658	936.000.000	131.372.851.658
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000
	425.147.665.128	936.000.000	426.083.665.128
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	38.121.860.356	36.928.912.826	75.050.773.182
Phải trả người bán và phải trả khác	143.102.111.433	-	143.102.111.433
Chi phí phải trả	1.462.174.315	-	1.462.174.315
	182.686.146.104	36.928.912.826	219.615.058.930
Chênh lệch thanh khoản thuần	242.461.519.024	(35.992.912.826)	206.468.606.198

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Utilico Emerging Markets Limited	Cổ đông lớn
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần kinh doanh khí Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần kinh doanh khí Miền Nam - Chi Nhánh Miền Đông	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty trong cùng tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	Công ty trong cùng tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	19.666.386	
Công ty cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam	1.434.032.560	422.987.401
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	314.837.772.480	366.214.196.623
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	35.330.676.094	87.716.080.931
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi Nhánh Miền Đông	1.776.928.820	1.852.703.942
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	431.131.857	921.353.384
Công ty CP Xăng dầu khí Vũng Tàu	7.490.508.321	3.287.956.704
Tổng công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	34.921.296.576	13.784.763.152
Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	2.373.254.266	2.674.907.989
Chi phí sử dụng thương hiệu		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.450.783.657	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	-	9.502.078.974
Cố tức chi trả trong năm		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	44.712.789.000	52.164.920.500
Utilico Emerging Markets Limited	8.460.000.000	7.230.000.000
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	7.802.820.000	5.103.290.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và thù lao	6.779.877.069	6.684.086.424

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	68.677.748.307	66.987.135.161
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	4.127.559.187	15.571.483.623
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	145.035.600	142.667.400
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	-	104.763.981
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.450.783.657	-

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cổ tức đã trả trong năm

Cổ tức đã trả trong năm đã bao gồm số tiền 40.490.195.100 đồng, là số tiền cổ tức phát sinh trong năm trước mà chưa được thanh toán tại thời điểm cuối năm trước.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng với Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP về việc nhận chuyển nhượng khu đất tại Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị chuyển nhượng là 39,6 tỷ đồng cho mục đích xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng trên.

TRẦN NGỌC LAN
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THỰC
Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

[📍] : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

[☎] : (064) 3574635

[☎] : (064) 3574619

[🌐] : www.cng-vietnam.com